

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (1)

Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm dạy Thiện Hiện:

–Này Thiện Hiện, ông hãy dùng biện tài mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Hãy truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát, để họ đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa đến chỗ cứu cánh.

Khi ấy, các chúng đại đệ tử, các Đại Bồ-tát và các Thiên tử đều sinh nghi ngờ như vậy: “Cụ thọ Thiện Hiện dùng thần lực của mình để giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát, hay là nương vào sức oai thần của Thế Tôn?” Nhờ thần lực của Phật, Cụ thọ Thiện Hiện biết tâm nghi ngờ của chúng đại đệ tử, của các Bồ-tát và các Thiên tử nên nói với Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Các đệ tử của Phật mạnh dạn nói pháp là đều nương vào sức oai thần của Phật. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, đầu tiên, Phật giảng nói pháp giải thoát cho người khác. Người đó theo lời Phật dạy, tinh tấn, siêng năng tu học cho đến chứng đắc thật tánh của các pháp. Sau đó, người này lại giảng nói cho người khác theo. Tánh của pháp không khác xa nhau; tất cả đều là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

Này Xá-lợi Tử, tôi nhờ thần lực của Phật gia bị, mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Làm được việc như vậy, chẳng phải là biện tài của tôi. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng phải là cảnh giới của các Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như lời Phật đã dạy về các Đại Bồ-tát, vậy khái niệm pháp gì để gọi là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, con không thấy có pháp để gọi là Đại Bồ-tát, cũng không thấy có pháp để gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì tại sao bảo con giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, con lấy Bát-nhã ba-la-mật-đa nào truyền trao, dạy bảo cho những Đại Bồ-tát nào, để đạt đến sự cứu cánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Lúc bấy giờ, Phật dạy Cụ thọ Thiện Hiện:

–Chỉ có giả danh nên nói là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chỉ có giả danh nên nói là chúng Đại Bồ-tát. Giả danh như vậy chỉ là để giả

bày ra mà nói. Nó không sinh, không diệt, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, như thế gian, ngã chỉ là tên giả, thật ra nó không thể đắc. Như vậy giả danh ấy, nó không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng đặt ra để nói. Như vậy, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nhu đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy, tất cả đều là giả danh, thật ra nó không thể đắc. Giả danh như vậy, nên nó không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để nói. Như vậy, các giả danh không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả thì không sinh, không diệt; chỉ do giả danh mà đặt ra để gọi; nó không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, vì không thể đắc.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nội sắc chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp giả thì không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chỉ là pháp giả. Vậy thì nó cũng không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả chỉ do giả danh. Các giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Vậy đó là pháp giả thì không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nhãn xứ chỉ là pháp giả. Vậy thì nó không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chỉ là pháp giả. Pháp đã là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả đều chỉ do giả danh; những giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Pháp đã giả nên không sinh, không diệt; chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên

trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như sắc xứ, chỉ là pháp giả, pháp đã giả nên không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng là pháp giả. Pháp là giả, nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Pháp là giả, nên không sinh, không diệt; chỉ có giả danh đặt ra để gọi; nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Như vậy, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới chỉ là pháp giả. Như vậy, pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi.

Như vậy, tất cả chỉ do giả danh. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, hai tên gọi này đều là pháp giả. Vì pháp là giả nên không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi; nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như tất cả đầu, cổ, vai, bắp tay, cánh tay, bụng, lưng, ngực, hông, eo, xương sống, đùi, đầu gối, mắt cá, chân cẳng, da, thịt, xương tủy... trong thân chỉ do giả danh. Như vậy, những giả danh không sinh, không diệt, chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ giả danh đặt ra để gọi, nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như tất cả những thứ ở bên ngoài như cỏ, cây, gốc, cọng, cành, lá và hoa, quả chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt; chỉ do những tưởng tượng đặt ra để gọi. Những giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa này Thiện Hiện, ví như chư Phật trong quá khứ, vị lai, cũng chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt, chỉ theo những sự tưởng tượng mà đặt ra để gọi. Những giả danh này, không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở chạng giữa, vì không thể đắc.

Như vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Thiện Hiện, ví như cảnh trong mộng, tiếng vọng trong hang, ảnh phản chiếu, việc huyền hóa, quán năng, trăng trong nước, sự biến hóa chỉ do giả danh. Như vậy, giả danh không sinh, không diệt, chỉ theo những sự tưởng tượng mà đặt ra tên gọi. Những giả danh này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát; hai tên gọi này đều là pháp giả. Như vậy, pháp giả không sinh, không diệt, chỉ do giả danh đặt ra để gọi. Nó không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở hai bên, vì chẳng thể nắm bắt được. Cũng vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tu học một cách đúng đắn về danh giả, pháp giả của tất cả pháp.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên quán sắc là thường hay vô thường; là khổ hay vui; là ngã hay vô ngã; là tịnh hay bất tịnh; là không hay bất không; là hữu tướng hay vô tướng; là hữu nguyện hay vô nguyện; là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; là xa lìa hay không xa lìa; là hữu vi hay vô vi; là

hữu lậu hay vô lậu; là sinh hay diệt; là thiện hay bất thiện; là có tội hay không tội; là có phiền não hay không phiền não; là thế gian hay xuất thế gian; là tạp nhiễm hay thanh tịnh; là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn xứ là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là vô ngã hay hữu ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng giống như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán sắc xứ là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng giống như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng lại như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán sắc giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh

hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn thức giới là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán nhãn xúc là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng như vậy.

Lại nữa này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên quán các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không vui, hoặc không khổ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là thường hay vô thường; là vui hay khổ; là ngã hay vô ngã; là tịnh hay bất tịnh; là không hay bất không; là hữu tướng hay vô tướng; là hữu nguyện hay vô nguyện; là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; là xa lìa hay không xa lìa; là hữu vi hay vô vi; là hữu lậu hay vô lậu; là sinh hay diệt; là thiện hay bất thiện; là hữu tội hay vô tội; là có phiền não hay không phiền não; là thế gian hay xuất thế gian; là tạp nhiễm hay thanh tịnh; là thuộc sinh tử hay thuộc Niết-bàn... Các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không vui, hoặc không khổ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng giống như vậy.

Vì sao? Nay Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì hai tên gọi Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát đều không thấy trong cảnh giới hữu vi, cũng không thấy trong cảnh giới vô vi. Vì sao? Nay Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp không phân biệt có sai khác.

Nay Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa trụ vào sự không phân biệt của các pháp là có tu bốn Niệm trụ cho đến có tu tám chi Thánh đạo; mặc dầu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không thấy Đại Bồ-tát, cũng không thấy tên của Đại Bồ-tát; không thấy chư Phật, cũng không thấy danh hiệu của chư Phật, chỉ chánh tư duy cầu trí Nhất thiết trí.

Nay Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trụ vào sự không phân biệt của tất cả pháp là tu Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tu Bát-nhã ba-la-mật-đa; tu mười lực của Phật cho đến tu mười tám pháp Phật bất cộng; mặc dầu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thấy Đại Bồ-tát, cũng không thấy tên của Đại Bồ-tát; không thấy chư Phật, cũng không thấy danh hiệu của chư Phật, chỉ chánh tư duy cầu trí Nhất thiết trí.

Nay Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với các pháp thông đạt được thật tướng của nó, nghĩa là thông đạt các pháp mà không nhiễm, không tịnh.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 483

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (2)

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp nên như thật giác ngộ về danh giả, pháp giả. Sau khi như thật giác ngộ về danh giả, pháp giả của tất cả pháp rồi, Đại Bồ-tát không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức.

Không chấp trước nhãn xứ, sắc xứ; không không chấp trước nhĩ xứ, thanh xứ; không chấp trước tỷ xứ, hương xứ; không chấp trước thiệt xứ, vị xứ; không chấp trước thân xứ, xúc xứ; không chấp trước ý xứ, pháp xứ.

Không chấp trước nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhãn xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, nhĩ xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, tỷ xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thiệt xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước thân giới, xúc giới, thân thức giới, thân xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do thân xúc làm duyên sinh ra. Không chấp trước ý giới, pháp giới, ý thức giới, ý xúc cùng các thọ vui, khổ, hay không vui, không khổ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Không chấp trước cảnh giới hữu vi; không chấp trước cảnh giới vô vi. Không chấp trước Bồ thí ba-la-mật-đa; không chấp trước Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tinh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không chấp trước danh; không chấp trước tướng; không chấp trước thân của Bồ-tát. Không chấp trước Nhục nhãn; không chấp trước Thiên nhãn, Tuệ

nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Không chấp trước Trí ba-la-mật-đa; không chấp trước Thần thông ba-la-mật-đa. Không chấp trước pháp không bên trong; không chấp trước pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh. Không chấp trước chân như; không chấp trước thật tế, pháp giới. Không chấp trước việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình; không chấp trước việc nghiêm tịnh cõi Phật; không chấp trước phương tiện thiện xảo. Vì sao? Đây Thiện Hiện, vì tất cả các pháp, người chấp trước, pháp được chấp trước, thời gian của sự chấp trước, nơi chốn của sự chấp trước... tất cả đều không sở hữu.

Như vậy này Thiện Hiện, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp, Đại Bồ-tát không bị chấp trước, nên làm tăng trưởng Bồ thí ba-la-mật-đa; làm tăng trưởng Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; nhập vào địa vị Chánh quyết định của Bồ-tát; có thể trụ vào địa vị Bồ-tát không thoái chuyển, viên mãn thần thông thù thắng của Bồ-tát.

Như vậy, sau khi thần thông được viên mãn rồi, có thể đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn; vì muốn đem lại sự thành tựu cho hữu tình, vì muốn làm nghiêm tịnh cõi Phật của mình, vì muốn thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác... nên phát sinh những căn lành thù thắng.

Sau khi phát sinh căn lành thù thắng, lại thích nghe chánh pháp của chư Phật thì tự nhiên đều được nghe thọ. Sau khi nghe thọ rồi cho đến ngồi tòa Bồ-đề tu tập sẽ không quên mất, thọ trì pháp môn sẽ không gián đoạn, đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều được tự tại.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường giác ngộ như thật về danh giả, pháp giả và không chấp trước vào tất cả các pháp.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc

cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khác sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Trong sắc cho đến thức có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc cho đến thức không? Lìa sắc cho đến thức có Bồ-tát không?

Thiện Hiện trả lời:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy tiếp:

– Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khác nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Trong nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhãn xứ cho đến ý xứ không? Lìa nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát không?

Thiện Hiện trả lời:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

– Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khác sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong sắc xứ cho đến pháp xứ có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc xứ cho đến pháp xứ không? Lìa sắc xứ cho đến pháp xứ có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

– Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khác nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhãn giới cho đến ý giới không? Lìa nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

– Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát thì sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Khác sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Trong sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có sắc giới cho đến pháp giới không? Lìa sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức là nhân thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khác nhân thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Trong nhân thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có nhân thức giới cho đến ý thức giới không? Là nhân thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khác địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Trong địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có địa giới cho đến thức giới không? Là địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát tức là vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khác vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Trong vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát không? Trong Bồ-tát có vô minh cho đến lão tử không? Là vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy Thiện Hiện:

–Ông quán ý nghĩa thế nào mà nói như vậy: “Sắc... chẳng phải là Bồ-tát; khác sắc... chẳng phải là Bồ-tát; chẳng phải trong sắc... có Bồ-tát; chẳng phải trong Bồ-tát có sắc...; chẳng phải là sắc... có Bồ-tát”?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-đề, Tát-đỏa, sắc... hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được thì làm sao có Bồ-tát? Như vậy, đã

chẳng có thì làm sao có thể nói: Sắc... là Bồ-tát; khác sắc... là Bồ-tát; trong sắc... có Bồ-tát; trong Bồ-tát có sắc...; lia sắc... có Bồ-tát.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Thiện Hiện nên biết, như lời ông nói. Bồ-đề, Tát-đỏa, sắc... vì chẳng thể nắm bắt được, nên Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên siêng năng tu học trong nghĩa trên.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc cho đến thức, là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc cho đến thức có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc cho đến thức phải không? Lia chân như của sắc cho đến thức, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ, có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ phải không? Lia chân như nhãn xứ cho đến ý xứ có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ phải không? Lia chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn giới cho đến ý giới phải không? Là chân như của nhãn giới cho đến ý giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của sắc giới cho đến pháp giới phải không? Là chân như của sắc giới cho đến pháp giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới phải không? Là chân như của nhãn thức giới cho đến ý thức giới có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khác chân như của địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Trong chân như của địa giới cho đến thức giới có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của địa giới cho đến thức giới phải không? Là chân như của địa giới cho đến thức giới, có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Chân như của vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khác chân như của vô minh cho đến lão tử là Bồ-tát phải không? Trong chân như của vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát phải không? Trong Bồ-tát có chân như của vô minh cho đến lão tử phải không? Lìa chân như của vô minh cho đến lão tử có Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ông quán thế nào mà nói như vậy: chân như của sắc... chẳng phải là Bồ-tát; khác chân như của sắc... chẳng phải là Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của sắc... có Bồ-tát; chẳng phải trong Bồ-tát có chân như của sắc...; chẳng phải lìa chân như của sắc... có Bồ-tát.

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì quán các pháp sắc... hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có chân như của sắc...! Như vậy, chân như của sắc... không có thì tại sao nói chân như của sắc... là Bồ-tát, khác chân như của sắc... là Bồ-tát; trong chân như của sắc... có Bồ-tát; trong Bồ-tát có chân như của sắc...; lìa chân như của sắc... có Bồ-tát?

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Thiện Hiện, ông nên biết rằng, như lời ông nói: sắc và pháp chẳng thể nắm bắt được, thì sắc và chân như cũng chẳng thể nắm bắt được, vì sắc..., pháp và chân như chẳng thể nắm bắt được, nên các Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc cho đến thức là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái

niệm về sắc cho đến thức thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc cho đến thức thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý xứ thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xứ cho đến ý

xứ thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc về thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhân xứ cho đến ý xứ thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

– Nay Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ

thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc xứ cho đến pháp xứ thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

– Nay Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn giới cho đến ý giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát

phải không? Khái niệm về nhân giới cho đến ý giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tịnh tĩn hay không tịch tĩn là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về sắc giới cho đến pháp giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn thức giới cho đến ý thức giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không?

Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về nhãn xúc cho đến ý xúc thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không?

Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc có phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về địa giới cho đến thức giới là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về địa giới cho đến thức giới thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ý ông thế nào? Gọi là Bồ-tát, thì khái niệm về vô minh đến lão tử là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc vui hay khổ là Bồ-tát phải không?

Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc ngã hay vô ngã là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tịnh hay bất tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc không hay bất không là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu tướng hay vô tướng là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu nguyện hay vô nguyện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc xa lìa hay không xa lìa là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu vi hay vô vi là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu lậu hay vô lậu là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc sinh hay diệt là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thiện hay bất thiện là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc hữu tội hay vô tội là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc phiền não hay không phiền não là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc thế gian hay xuất thế gian là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc tạp nhiễm hay thanh tịnh là Bồ-tát phải không? Khái niệm về vô minh đến lão tử thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ông quán thế nào mà nói rằng: Khái niệm về sắc... chẳng phải là Bồ-tát? Lại quán như thế nào mà nói rằng: khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường; khái niệm thuộc vui hay khổ; khái niệm thuộc ngã hay vô ngã; khái niệm thuộc tịnh hay bất tịnh; khái niệm thuộc không hay bất không; khái niệm thuộc hữu tướng hay vô tướng; khái niệm thuộc hữu nguyện hay vô nguyện; khái niệm thuộc tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; khái niệm thuộc xa lìa hay không xa lìa; khái niệm thuộc hữu vi hay vô vi; khái niệm thuộc hữu lậu hay vô lậu; khái niệm thuộc sinh hay diệt; khái niệm thuộc thiện hay bất thiện; khái niệm thuộc hữu tội hay vô tội; khái niệm thuộc phiền não hay không phiền não; khái niệm thuộc thế gian hay xuất thế gian; khái niệm thuộc tạp nhiễm hay thanh

tịnh; khái niệm thuộc sinh tử hay Niết-bàn đều chẳng phải là Bồ-tát.

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, pháp của sắc... hoàn toàn không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được; thì làm sao có khái niệm về sắc... Khái niệm này đã không có, thì tại sao nói khái niệm về sắc... là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, pháp của sắc hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có sắc... là thường hay vô thường, là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tĩnh hay không tịch tĩnh, là xa lìa hay không xa lìa, là hữu vi hay vô vi, là hữu lậu hay vô lậu, là sinh hay diệt, là thiện hay bất thiện, là hữu tội hay vô tội, là có phiền não hay không phiền não, là thế gian hay xuất thế gian, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là sinh tử hay Niết-bàn?

Tất cả pháp này đã không có, thì làm sao có khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường cho đến khái niệm thuộc sinh tử hay Niết-bàn? Như vậy, khái niệm đã chẳng có, thì làm sao có thể nói khái niệm về pháp của sắc... thuộc thường hay vô thường là Bồ-tát cho đến thuộc sinh tử hay Niết-bàn là Bồ-tát?

Phật dạy Thiện Hiện:

– Lành thay, lành thay! Thiện Hiện nên biết, như lời ông nói. Pháp của sắc... là thường hay vô thường... là chẳng thể nắm bắt được. Khái niệm về pháp của sắc... và khái niệm về thường hay vô thường cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp và khái niệm đều chẳng thể nắm bắt được, nên các Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì các Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, phải siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa này Thiện Hiện, trước đây ông đã nói, không thấy có pháp để gọi Đại Bồ-tát. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Thiện Hiện nên biết, các pháp không thấy pháp giới, pháp giới không thấy các pháp, các pháp không thấy các pháp, pháp giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện nên biết, sắc giới không thấy pháp giới; pháp giới

không thấy sắc giới; thọ, tưởng, hành, thức giới cũng không thấy pháp giới; pháp giới cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức giới.

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhãn giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Sắc giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy sắc giới; thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Nhãn thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhãn thức giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Thiện Hiện nên biết, địa giới không thấy pháp giới, pháp giới không thấy địa giới. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thủy, hỏa, phong, không, thức.

Thiện Hiện nên biết, cảnh giới hữu vi không thấy cảnh giới vô vi. Cảnh giới vô vi không thấy cảnh giới hữu vi. Thiện Hiện nên biết, chẳng phải lia cảnh giới hữu vi mà có thể đặt ra cảnh giới vô vi. Chẳng phải lia cảnh giới vô vi mà đặt ra cảnh giới hữu vi.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, với tất cả các pháp hoàn toàn không thấy, vì không thấy nên tâm không kinh nghi, không sợ sệt, không chìm đắm và cũng không hối tiếc đối với tất cả pháp.

Vì sao? Nay Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát ấy khi đang tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đã không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức. Không thấy nhãn xứ; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Không thấy sắc xứ; không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Không thấy nhãn giới, không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Không thấy sắc giới; không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Không thấy nhãn thức giới, không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Không thấy địa giới; không thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Không thấy vô minh; không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Không thấy tham dục, không thấy sân giận, không thấy ngu si, không thấy ngã, không thấy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết,

cái thấy. Không thấy Dục giới. Không thấy Sắc giới. Không thấy Vô sắc giới. Không thấy Thanh văn và pháp của Thanh văn. Không thấy Độc giác và pháp của Độc giác. Không thấy Bồ-tát và pháp của Bồ-tát. Không thấy Như Lai và pháp của Như Lai. Không thấy Bồ-đề, không thấy Niết-bàn.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, với các pháp hoàn toàn không thấy. Vì khi không thấy nên tâm vị ấy không kinh nghi, không sợ sệt. Không chìm đắm và cũng không hối tiếc đối với tất cả pháp.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì nhân duyên gì mà không chìm đắm và không hối tiếc các pháp?

Phật dạy:

– Này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả tâm và tâm sở đều không thấy, không đắc. Do nhân duyên này mà tâm không chìm đắm, cũng không hối tiếc các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

– Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà khi các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với tất cả pháp, tâm không kinh nghi, sợ sệt?

Phật dạy:

– Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thấy, không đắc đối với tất cả ý giới và ý thức giới.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với các pháp, tâm của các vị ấy không kinh nghi, sợ sệt.

Lại nữa này Thiện Hiện, đối với các pháp, các Đại Bồ-tát không thấy, không đắc khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nghĩa là: Đối với sắc không thấy, không đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy, không đắc. Đối với nhãn xứ không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thấy, không đắc. Đối với sắc xứ không thấy, không đắc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thấy, không đắc. Đối với nhãn giới không thấy, không đắc; đối với

nhĩ, tử, thiệt, thân, ý giới không thấy, không đắc. Đối với sắc giới không thấy, không đắc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không thấy, không đắc. Đối với nhãn thức giới không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tử, thiệt, thân, ý thức giới không thấy, không đắc. Đối với nhãn xúc không thấy, không đắc; đối với nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xúc không thấy, không đắc. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thấy, không đắc; đối với các thọ do nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không thấy, không đắc. Đối với địa giới không thấy, không đắc; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thấy, không đắc. Đối với vô minh không thấy, không đắc; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử không thấy, không đắc. Đối với Bồ thí ba-la-mật-đa không thấy, không đắc; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy, không đắc. Đối với pháp không bên trong, không thấy không đắc. Đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thảng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh đều không thấy, không đắc. Đối với chân như không thấy, không đắc; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế đều không thấy, không đắc. Đối với bốn Niệm trụ, không thấy, không đắc; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, không thấy, không đắc. Đối với Thánh đế khổ, không thấy không đắc. Đối với Thánh đế tập, diệt, đạo không thấy, không đắc. Đối với bốn Tĩnh lự không thấy, không đắc; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thấy, không đắc. Đối với tám Giải thoát không thấy, không đắc; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không thấy, không đắc. Đối với pháp môn giải thoát Không, không thấy, không đắc; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện không thấy, không đắc. Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni không thấy, không đắc; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa không thấy, không

đắc. Đối với bậc Cực hỷ không thấy, không đắc; đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ địa, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân không thấy, không đắc. Đối với năm loại mắt không thấy, không đắc; đối với sáu phép thần thông không thấy, không đắc. Đối với mười lực của Phật không thấy, không đắc; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, không thấy, không đắc. Đối với ba mươi hai tướng không thấy, không đắc; đối với tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không thấy, không đắc. Đối với pháp không quên mất, không thấy, không đắc; đối với tánh luôn luôn xả, không thấy, không đắc. Đối với trí Nhất thiết, không thấy, không đắc; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thấy, không đắc. Đối với quả Dự lưu, không thấy, không đắc; đối với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, không thấy, không đắc. Đối với quả vị Độc giác Bồ-đề, không thấy, không đắc; đối với hạnh của tất cả Đại Bồ-tát, không thấy, không đắc. Đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không thấy, không đắc.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đã không thấy, không đắc tất cả pháp thì nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả nơi chốn, tất cả thời gian không đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không đắc tên Bát-nhã ba-la-mật-đa, không đắc Đại Bồ-tát, cũng không đắc tên Đại Bồ-tát.

Này Thiện Hiện, nên truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát như vậy để đạt đến chỗ cứu cánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 484

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (3)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát muốn viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thọ, tưởng, hành, thức, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ các thọ do nhãn xúc làm duyên

sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ địa giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ vô minh, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ sân giận, ngu si, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ Tát-ca-da kiến, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ giới cấm thủ, nghi, dục, tham, sân giận, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ sắc tham, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn vĩnh viễn đoạn trừ vô sắc tham, vô minh, mạn, trạo cử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tùy miên kết sử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ bốn loại thức ăn, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ hẳn bốn ách, bốn dòng thác, bốn sự chấp giữ, bốn sự trói buộc thuộc thân cho đến bốn điên đảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các Đại Bồ-tát muốn thọ trì tu hành mười nẻo nghiệp thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn Tĩnh lự, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn Niệm trụ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn viên mãn bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn mười lực của Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn viên mãn bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Giác phần đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Sư tử du hý đẳng trì cho đến Sư tử phẫn tấn đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn được tự tại tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn được nhập vào Xuất kiện hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì, Nguyệt quang đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp đẳng trì, Quán ấn đẳng trì, pháp giới quyết định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cang dụ đẳng trì; nhập vào Pháp môn đẳng trì, Đẳng trì vương đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Lực nghiêm đẳng trì, Bảo khiếp đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp ngôn từ quyết định đẳng trì; nhập vào Nhất thiết pháp trí an thọ đẳng trì, Quán sát thập phương đẳng trì, Nhất thiết pháp ấn Đà-la-ni môn đẳng trì, Bát vọng chư pháp đẳng trì, Nhất thiết pháp đẳng thú hành tướng ấn đẳng trì, Trụ hư không xứ đẳng trì, Tam luân thanh tịnh đẳng trì, Tùy thuận bất thoái thần thông đẳng trì, Khí trung dũng xuất đẳng trì, Thắng định tràng tướng đẳng trì, Hàng phục phiền não đẳng trì, Phá tứ ma quân đẳng trì, Thành tựu thập phương đẳng trì... và vô lượng, vô biên đẳng trì khác đều được tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả những ước nguyện của hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả căn lành thù thắng, nhờ căn lành này mà được viên mãn, không đọa vào các đường ác, không sinh vào nhà bần cùng, không rơi vào địa vị Thanh văn, không rơi vào địa vị Độc giác, không rơi vào đỉnh quyết định của Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sao gọi là từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

–Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo để tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo trụ vào đẳng trì Không, Vô tướng, Vô nguyện thì rơi trở lại địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, không đắc địa vị Chánh quyết định của Bồ-tát, không nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Như vậy gọi là Bồ-tát từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sinh là pháp gì?

Thiện Hiện trả lời:

–Sinh gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái?

Thiện Hiện trả lời:

–Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa an trụ vào sắc không mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào thọ, tưởng, hành, thức không mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô tướng của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô nguyện của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào tịch tĩnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào sự xa lìa của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào sự xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào sự vô thường của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào sự vô thường của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào khổ của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào khổ của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào vô ngã của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức; mà vọng tưởng và chấp trước. An trụ vào bất tịnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

Này, Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sinh.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nghĩ như vậy: Sắc này

nên đoạn, nhờ đấy mà sắc sẽ đoạn. Thọ, tưởng, hành, thức này nên đoạn, do đấy mà thọ, tưởng, hành, thức sẽ đoạn. Khổ này nên biết rõ, do đấy mà khổ sẽ được biết rõ. Tập này nên đoạn hẳn, nhờ đấy mà tập sẽ đoạn hẳn. Diệt này nên chứng, nhờ đấy mà Diệt sẽ chứng. Đạo này nên tu tập, nhờ đấy mà Đạo được tu tập. Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh, đây nên gần gũi, đây không nên gần gũi. Điều này nên tu hành, điều này không nên tu hành. Đây là đạo, đây là phi đạo. Điều này nên tu tập, điều này không nên tu tập. Điều này nên học, điều này không nên học. Đây là Bồ thí ba-la-mật-đa, đây chẳng phải Bồ thí ba-la-mật-đa. Đây là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát; đây chẳng phải là phương tiện xảo của Bồ-tát. Đây là Bồ-tát sinh; đây là Bồ-tát ly sinh.

Này Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào tất cả pháp môn này mà vọng tưởng và chấp trước, thì đó là Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sinh. Giống như thức ăn sống, để cách đêm thì sẽ có hại. Trừ bỏ đi, gọi là ly sinh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

–Vì Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy pháp không bên trong, không nương vào pháp không bên trong mà quán pháp không bên ngoài. Không thấy pháp không bên ngoài, không nương vào pháp không bên ngoài mà quán pháp không bên trong. Không nương vào pháp không bên ngoài mà quán pháp không cả trong ngoài. Không thấy pháp không cả trong ngoài, không nương vào pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không bên ngoài. Không nương vào pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không lớn. Không thấy pháp không lớn, không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không cả trong ngoài. Không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không không. Không thấy pháp không không, không nương vào pháp không không quán pháp không lớn. Không nương vào pháp không không để quán pháp không thắng nghĩa.

Không thấy pháp không thắng nghĩa. Không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không không. Không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không hữu vi. Không nương vào pháp không hữu vi để quán pháp không thắng nghĩa. Không nương vào pháp không hữu vi để quán pháp không vô vi. Không thấy pháp không vô vi, không nương vào pháp không vô vi để quán pháp không hữu vi. Không nương vào pháp không vô vi để quán pháp không rốt ráo. Không thấy pháp không rốt ráo, không nương vào pháp không rốt ráo để quán pháp không vô vi. Không nương vào pháp không rốt ráo để quán pháp không không biên giới. Không thấy pháp không không biên giới. Không nương vào pháp không không biên giới để quán pháp không rốt ráo. Không nương vào pháp không không biên giới để quán pháp không tản mạn. Không thấy pháp không tản mạn, không nương vào pháp không tản mạn để quán pháp không không biên giới. Không nương vào pháp không tản mạn để quán pháp không bản tánh. Không thấy pháp không bản tánh, không nương vào pháp không bản tánh để quán pháp không tướng. Không nương vào pháp không tướng, không nương vào pháp không tướng để quán pháp không bản tánh. Không nương vào pháp không tướng để quán pháp không nơi tất cả pháp. Không thấy pháp không nơi tất cả pháp, không nương vào pháp không nơi tất cả pháp để quán pháp không tướng. Không nương vào pháp không nơi tất cả pháp để quán pháp không không tánh. Không thấy pháp không không tánh, không nương vào pháp không không tánh để quán pháp không nơi tất cả pháp. Không nương vào pháp không không tánh để quán pháp không không tánh tự tánh. Không thấy pháp không không tánh tự tánh, không nương vào pháp không không tánh tự tánh để quán pháp không không tánh.

Này Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã quán như vậy nên gọi là nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Lại nữa này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nghĩa là: Đối với sắc và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thọ,

tưởng, hành, thức và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với sắc xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với sắc giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với nhãn thức giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với Bồ thí ba-la-mật-đa và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn Tĩnh lự và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn Niệm trụ và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với năm loại mắt và tên gọi nên biết, không nên chấp trước; đối với sáu phép thần thông và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với mười lực của Phật và tên gọi nên biết, không nên chấp trước. Đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tên gọi thì cũng nên biết, không nên chấp trước.

Như vậy, này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tâm Bồ-đề và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm không gì sánh bằng và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm quảng đại và tên gọi cũng nên biết, không nên chấp trước. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tâm hay chẳng phải tâm cũng đều là bản tánh thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Vì sao gọi bản tánh thanh tịnh là tâm?

Thiện Hiện trả lời:

–Đó là bản tánh của tâm là tương ứng với tham lam chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ứng. Là tương ứng với sân giận chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ứng. Là tương ứng với ngu si chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ứng. Là tương ứng với tùy miên kết sử, với kẻ giữ, kẻ thấy và các nghiệp chướng chẳng có, thì cũng chẳng có gì để tương ứng. Tâm của hàng Thanh văn, Độc giác, tương ứng cũng chẳng có, thì cũng chẳng có gì để mà tương ứng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát đều biết tâm đúng là như vậy, nên đó cũng là bản tánh thanh tịnh vậy.

Lúc này, Xá-lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

–Là tâm, thì có chẳng phải tâm tánh không?

Thiện Hiện hỏi vặn lại:

–Vậy chớ tánh và không tánh trong chẳng phải tâm tánh chẳng thể nắm bắt được phải không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Này Thiện hiện, không.

Thiện Hiện nói tiếp:

–Có tánh hay không tánh trong chẳng phải tâm tánh, đều chẳng thể nắm bắt được. Vậy sao lại có thể hỏi: “Là tâm thì có cái chẳng phải tâm tánh hay không”?

Lúc này, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vậy, thế nào thì gọi là chẳng phải tâm tánh?

Thiện Hiện đáp:

–Tất cả các pháp không biến đổi, không phân biệt, thì đó gọi là chẳng phải tâm tánh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vì tâm không biến đổi, không phân biệt, nên các pháp tạo ra cũng không biến đổi, không phân biệt sao?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn xứ cho đến ý xứ cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc xứ cho đến pháp xứ cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn giới cho đến ý giới

cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì sắc giới cho đến pháp giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì địa giới cho đến thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì vô minh cho đến lão tử cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không biến đổi, không phân biệt. Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt, thì cho đến quả vị Giác ngộ cao tột cũng không biến đổi, không phân biệt.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Ông nói rất đúng. Ông đúng là một Phật tử, từ tâm Phật sinh ra, từ kim khẩu Phật sinh ra, từ pháp Phật sinh ra, từ pháp giáo hóa sinh ra, nhận phần pháp của Phật, không nhận phần tài sản; ở trong các pháp Phật, tự thân chứng được Tuệ nhãn hiện tiền, có thể giảng nói bất cứ điều gì. Phật thường nói: Trong chúng Thanh văn, ông là người đệ nhất trụ vào Vô tránh định. Những gì Phật nói ra, chân thật bất hư. Nay Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát nên siêng năng học tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào học tập được Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì nên biết rằng, vị ấy đã trụ vào địa vị không thoái chuyển, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa; có thể như thật, quán được thật tánh của các pháp.

Còn nữa này Thiện Hiện, nếu thiện nam, thiện nữ... muốn học địa Thanh văn; nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy; theo lý mà tư duy, suy xét, quán sát để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học bậc Độc giác cũng phải siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-

mật-đa; tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng, để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học Bồ-tát địa và Như Lai địa cũng nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này; tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng, để đạt đến cứu cánh. Vì sao? Đây Thiện Hiện, như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có nói và chỉ dạy rõ ràng về pháp của ba thừa. Nếu Đại Bồ-tát có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đối với tất cả pháp của ba thừa đã học đều được thiện xảo.

Bấy giờ, Cù thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy. Vậy làm sao Ngài dạy con phải truyền trao, chỉ dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, con không biết, không đắc, cũng không thấy. Nếu con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát thì chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp, con không biết, không đắc, cũng không thấy mà nếu con đem các pháp để truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát nhất định con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp không tăng, không giảm; con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là không sở hữu; cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc cho đến thức hoặc tăng hoặc giảm; con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là sắc cho đến thức? Tên của sắc... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc... ấy là không sở hữu. Tên của sắc... ấy hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc tăng hoặc giảm; con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là nhãn xứ cho đến ý xứ? Tên của nhãn xứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xứ,...

là không chỗ trụ; tên của nhân xứ,... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc tăng hoặc giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói: Đây là sắc xứ cho đến pháp xứ? Tên của sắc xứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc xứ,... là không sở hữu; tên của sắc xứ,... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhân giới cho đến ý giới hoặc tăng hoặc giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy; thì tại sao nói: Đây là nhân giới cho đến ý giới? Tên của nhân giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhân giới,... là không sở hữu; tên của nhân giới hoàn toàn không chỗ trụ và cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc giới cho đến pháp giới hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là sắc giới cho đến pháp giới? Tên của sắc giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc giới là không sở hữu; tên của sắc giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới? Tên của nhãn thức giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn thức giới,... là không sở hữu; tên của nhãn thức giới,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là nhãn xúc cho đến ý xúc? Tên của nhãn xúc,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xúc là không sở hữu; tên của nhãn xúc,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các

thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra? Tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... là không sở hữu; tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh cho đến lão tử hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là vô minh cho đến lão tử? Tên của vô minh,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh,... là không sở hữu; tên của vô minh,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh diệt cho đến lão tử diệt tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là vô minh diệt cho đến lão tử diệt? Tên của vô minh diệt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh diệt,... là không sở hữu; tên của vô minh diệt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tham, sân, si cho đến các kết sử, tùy miên, kiến thú hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là tham, ...? Tên của tham,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tham,... ấy là không sở hữu; tên của tham,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa? Tên của Bồ thí,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của Bồ thí,... là không sở hữu; tên của Bồ thí,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ngã cho đến cái thấy hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là ngã cho đến cái thấy? Tên của ngã,... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ngã,... là không sở hữu; tên của ngã,... này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không

trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo? Tên của bốn Niệm trụ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn Niệm trụ,... là không sở hữu; tên của bốn Niệm trụ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ba pháp môn giải thoát hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là ba pháp môn giải thoát? Tên của ba pháp môn giải thoát đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ba pháp môn giải thoát là không sở hữu; tên của ba pháp môn giải thoát đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc? Tên của tĩnh lự,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tĩnh lự,... là không sở hữu; tên của tĩnh lự,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở, tùy niệm chết hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là tùy niệm Phật cho đến tùy niệm chết? Tên của tùy niệm Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tùy niệm Phật,... là không sở hữu; tên của tùy niệm Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông? Tên của năm loại mắt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm loại mắt,... là không sở hữu; tên của năm loại mắt,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không

đắc, cũng không thấy, làm sao nói: Đây là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng? Tên mười lực của Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa mười lực của Phật,... là không sở hữu; tên mười lực của Phật,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với năm thủ uẩn như cảnh mộng, như bóng sáng, như tiếng vang, như quáng nắng, như bóng dáng, như trăng trong nước, như huyền hóa, như biến hóa... tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là năm thủ uẩn như mộng.v.v...? Tên của năm thủ uẩn như mộng... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm thủ uẩn như mộng,... là không sở hữu; tên của năm thủ uẩn như mộng,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với xa lìa, tịch tĩnh, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không nhiễm, không tịnh, chân như, pháp giới, pháp trụ, pháp định, thật tế hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là xa lìa cho đến thật tế? Tên của xa lìa,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của xa lìa,... là không sở hữu; tên của xa lìa,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu? Tên của hữu vi,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của hữu vi,... là không sở hữu; tên của hữu vi,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với pháp ở quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vì sao nói: Đây là các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai? Tên của pháp quá khứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của pháp quá khứ,... là không sở hữu; tên của pháp quá khứ,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tất cả các Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... tăng hay giảm ở hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương; con đều không biết,

không đắc, cũng không thấy; làm sao nói: Đây là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... ở hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương? Tên của mười phương,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa mười phương,... là không sở hữu; tên mười phương,... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp tăng hay giảm nói ở trên, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy thì làm sao nói: Đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, con không biết, không đắc, không thấy thì làm sao con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là không sở hữu; cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, như vậy các pháp hòa hợp với nhân duyên nên giả gọi là Đại Bồ-tát, giả gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy, trong uẩn, xứ, giới là giả danh nên không thể nói; cho đến trong mười tám pháp Phật bất cộng cũng không thể nói. Như vậy, trong năm thủ uẩn như mộng cho đến như biến hóa không thể nói; trong tịch tĩnh xa lìa... không thể nói. Cho đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng... trong hằng hà sa thế giới chư Phật khắp mười phương cũng không thể nói. Vì sao? Bạch Thế Tôn, các pháp tăng giảm nói ở trên, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy. Bạch Thế Tôn, tên của năm uẩn... nói như vậy, nói không có căn cứ. Tên của Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là nói không có căn cứ.

Như vậy, tên của như mộng là không chỗ nào để có thể nói. Tên của như hư không là không chỗ nào để có thể nói. Tên của địa, thủy, hỏa, phong: không chỗ nào để có thể nói. Tên của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không chỗ nào để có thể nói. Tên của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai và các pháp khác: không chỗ nào để có thể nói. Tên của thiện, bất thiện; thường, vô thường; vui, khổ; ngã, vô ngã; tịch tĩnh, không tịch tĩnh;

hữu, vô... đều không chỗ nào để có thể nói.

Như vậy, tên của Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không chỗ nào để có thể nói. Vì sao? Vì các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì các nghĩa ấy là không sở hữu; các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, con theo nghĩa ấy nên nói: đối với các pháp tăng hay giảm, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì làm sao nói: Đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, cả hai nghĩa và tên trên, con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì vì sao dạy con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát? Bạch Thế Tôn, do nhân duyên này, nếu lấy các pháp ấy truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát, chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát nghe đem tướng này giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì tâm không đắm trước, không lo buồn, hối hận, cũng không khinh nghi, sợ sệt. Điều đó cho thấy: Đại Bồ-tát ấy đã quyết định trụ vào địa vị không thoái chuyển, dùng phương tiện không chỗ trụ, mà trụ vào chỗ không chấp trước.

Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào sắc cho đến thức; không nên trụ vào nhãn xứ cho đến ý xứ; không nên trụ vào sắc xứ cho đến pháp xứ; không nên trụ vào nhãn giới cho đến ý giới; không nên trụ vào sắc giới cho đến pháp giới; không nên trụ vào nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không nên trụ vào nhãn xúc cho đến ý xúc; không nên trụ vào các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không nên trụ vào địa giới cho đến thức giới; không nên trụ vào vô minh cho đến lão tử. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc và tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng là không.

Bạch Thế Tôn, đó là không sắc; chẳng phải là sắc; sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Do nhân duyên này, mà khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức, như thế cho đến lão tử cũng vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-

la-mật-đa không nên trụ vào bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ, tánh của bốn Niệm trụ là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của bốn Niệm trụ, chẳng phải bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ chẳng lia không, không chẳng lia bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ tức là không, không tức là bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Bồ thí và tánh của bồ thí là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của bồ thí, chẳng phải bồ thí. Bồ thí chẳng lia không, không chẳng lia bồ thí; bồ thí tức là không, không tức là Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng đều như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các chữ, không nên trụ vào sự tiếp nối của các chữ; nghĩa là một, hai hay nhiều sự tiếp nối. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì các chữ và tánh của các chữ là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của các chữ, chẳng phải các chữ; các chữ chẳng lia không, không chẳng lia các chữ; các chữ tức là không, không tức là các chữ; sự nối tiếp của các chữ cũng đều như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các chữ và sự tiếp nối của các chữ.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông. Vì sao? Vì thần thông và tánh của thần thông là không. Bạch Thế Tôn, đó là cái không của thần thông, chẳng phải thần thông; thần thông chẳng lia không, không chẳng lia thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường; vui hay khổ; ngã hay vô ngã; tịnh hay bất tịnh; không hay

bất không; hữu tướng hay vô tướng; hữu nguyên hay vô nguyên; tịch tĩnh hay không tịch tĩnh; xa lìa hay không xa lìa. Vì sao? Vì các pháp thường hay vô thường của sắc... và pháp tánh thường hay vô thường của sắc... là không.

Bạch Thế Tôn, pháp thường hay vô thường của sắc là không, chẳng phải pháp thường hay vô thường của sắc. Pháp thường hay vô thường của sắc chẳng lìa không; không chẳng lìa pháp thường hay vô thường của sắc. Pháp thường hay vô thường của sắc... tức là không, không tức là pháp thường hay vô thường của sắc... Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường; pháp vui hay khổ,... của sắc cho đến xa lìa hay không xa lìa... cũng đều như vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Vì sao? Vì chân như và tánh của chân như là không. Bạch Thế Tôn, chân như là không, chẳng phải chân như; chân như chẳng lìa không, không chẳng lìa chân như; chân như tức là không, không tức là chân như. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế cũng đều như vậy.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không. Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng lìa không, không chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni tức là không, không tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng vậy.

Lại nữa bạch Đức Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm, nên liền trụ vào sắc, trụ vào thọ, tưởng, hành, thức. Do trụ vào đó, mà làm gia hạnh cho sắc; làm gia hạnh cho thọ, tưởng, hành, thức. Do gia hạnh, nên không thể tu

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người ấy, do gia hạnh nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn, không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm, cho nên phải liên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Do trụ vào đó, mà làm gia hạnh cho tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Do gia hạnh, nên không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì gia hạnh ấy, không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn; không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa; không thể thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc không thể giữ gìn, thọ, tưởng, hành, thức không thể giữ gìn. Vì sắc không thể giữ gìn nên chẳng phải sắc. Vì thọ, tưởng, hành, thức không thể giữ gìn nên chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì bản tánh của sắc cho đến thức là không.

Bạch Thế Tôn cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng không thể giữ gìn. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn, nên chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni. Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không thể giữ gìn, nên chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì bản tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không.

Bạch Thế Tôn, đối với những sự giữ gìn trên, mà thọ trì đúng đắn, viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì cũng không thể giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì bản tánh không.

Như vậy, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi quán như vậy, thì tâm không có chỗ hoạt động, đó gọi là Đại Bồ-tát không giữ gìn Tam-ma-địa. Tam-ma-địa này vi diệu, thù thắng, quảng đại, vô lượng; có thể chứa nhóm vô biên, vô ngại tác nghiệp, không bị tất cả Thanh văn, Độc giác xâm đoạt, được thành tựu trí Nhất thiết trí và cũng

không thể giữ gìn. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải là trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều là không. Vì sao? Bạch Thế Tôn, trí Nhất thiết trí chẳng phải do chấp giữ tướng mà tu đắc. Vì sao? Vì các sự chấp giữ tướng cũng đều là phiền não. Những gì là tướng? Đó là tướng của sắc; tướng của thọ, tưởng, hành, thức. Tướng của nhãn cho đến tướng của ý. Tướng của sắc cho đến tướng của pháp. Tướng của nhãn thức cho đến tướng của ý thức. Tướng của Niệm trụ cho đến tướng tám chi Thánh đạo. Tướng Ba-la-mật-đa, tướng của thần thông. Tướng của văn tự. Tướng mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tướng Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tướng tạo tác, tướng chân như, tướng pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Tướng Đà-la-ni, tướng Tam-ma-địa... Đối với các tướng này mà chấp trước thì gọi là phiền não; cho nên không do chấp giữ tướng mà tu đắc trí Nhất thiết trí. Nếu chấp giữ tướng mà tu đắc trí Nhất thiết trí; thì Phạm chí Thắng Quân đối với trí Nhất thiết trí không thể nào tin hiểu.

Tướng tín giải là những gì? Nghĩa là sinh lòng tin sâu, thanh tịnh vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do lực thắng giải mà suy lường, quán sát trí Nhất thiết trí, không lấy tướng làm phương tiện, cũng không lấy phi tướng làm phương tiện. Vì cả tướng và phi tướng đều không thể chấp giữ.

Phạm chí Thắng Quân, tuy nhờ sức tín giải quy y Phật pháp, chỉ là Tùy tín hành, nhưng có thể lấy bản tánh không mà ngộ nhập vào trí Nhất thiết trí. Đã ngộ nhập rồi, thì không chấp giữ nơi tướng của sắc; không chấp giữ nơi tướng của thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tự tướng của tất cả pháp đều không; vì chủ thể chấp giữ và đối tượng chấp giữ đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Do Phạm chí này không lấy nội đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không lấy ngoại đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy nội ngoại hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy vô trí đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy đắc hiện quán khác mà quán trí Nhất thiết trí; không lấy bất đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Phạm chí không thấy trí Nhất thiết trí sở

quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, nơi chốn quán và thời gian quán. Phạm chí ấy chẳng phải ở bên trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, cũng chẳng phải ở bên ngoài và ở cả trong ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí; cũng chẳng phải lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí. Cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy. Vì sao? Vì bên trong, bên ngoài, hay ở cả trong ngoài, hay lìa cả trong ngoài; tất cả đều không và đều chẳng thể nắm bắt được.

Phạm chí Thắng Quân dùng các môn lìa tướng như vậy đối với trí Nhất thiết trí mà tin hiểu sâu sắc; đối với tất cả pháp đều không chấp giữ; vì thật tướng của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Phạm chí sau khi dùng môn lìa tướng, tin hiểu vào trí Nhất thiết trí rồi, thì đối với tất cả pháp đều không chấp giữ nơi tướng, cũng không tư duy các pháp vô tướng, vì pháp tướng, vô tướng đều chẳng thể nắm bắt được. Nhờ lực thắng giải mà đối với tất cả pháp, Phạm chí không giữ, không bỏ; vì trong pháp thật tướng thì không có giữ hay bỏ. Phạm chí đó, đối với những điều chính mình tin hiểu cho đến Niết-bàn đều không chấp trước. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả pháp đều không, do vậy không nên chấp giữ.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 485

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (4)

Bạch Thế Tôn, sự chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát cũng vậy. Đối với các pháp, Bồ-tát không chấp giữ, nên có thể đi từ bờ mê đến bờ giác. Nếu còn chút ít sự chấp giữ các pháp, thì không thể đến bờ giác. Do nhân duyên này, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chấp giữ từ sắc đến thức cho đến chẳng chấp giữ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, tuy các Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được đối với tất cả pháp, nhưng do những điều mà bản nguyện muốn thực hành như Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo chưa viên mãn và những điều mà bản nguyện muốn chứng đắc như mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chưa thành tựu; trong giai đoạn giữa không vì không chấp giữ tướng các pháp mà nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát này tuy có thể viên mãn sự thực hành Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo và có thể chứng mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, nhưng không thể thấy được. Vì sao? Vì sự thực hành Niệm trụ tức chẳng phải Niệm trụ, cho đến các chi Thánh đạo cũng chẳng phải các chi Thánh đạo; chứng đắc mười lực tức chẳng phải mười lực, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. Vì bản tánh tất cả pháp tức chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp.

Bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tuy Đại Bồ-tát không chấp giữ đối với tất cả pháp, nhưng lại thường thành tựu các thắng sự.

Lại nữa bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát phải quán sát kỹ. Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Vì sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Ai thực hành Bát-nhã ba-la-mật-

đa? Hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy để làm gì?

Bạch Thế Tôn, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát cần phải quán sát kỹ: Nếu pháp không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được thì đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Trong “không sở hữu” gạn hỏi chỗ nào?

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Trong đây pháp nào gọi là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Thiện Hiện đáp:

– Gọi Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bởi vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều là không. Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến thật tế không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Quả Dự lưu cho đến quả Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chư Phật, Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bởi vì, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh vậy. Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu thường quán sát chắc thật như thế, thì các pháp sở hữu đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tâm vị ấy chẳng lo lắng, chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, chẳng ưu buồn, chẳng hối hận nên biết Đại Bồ-tát này thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Bằng cách nào, biết được Đại Bồ-tát thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện đáp rằng:

– Đại Bồ-tát này như thật biết sắc cho đến thức, lìa tự tánh sắc cho đến thức. Như thật biết Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa

tự tánh Bồ thí. Cho đến như thật biết mười tám pháp Phật bất cộng, lia tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng. Cho đến như thật biết thật tế, lia tự tánh thật tế. Xá-lợi Tử, do đấy nên biết Đại Bồ-tát này không lia bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Sao gọi là tự tánh của sắc? Cho đến sao gọi là tự tánh của thật tế?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Sắc lấy không tánh làm tự tánh cho đến thật tế cũng lấy không tánh làm tự tánh. Do đấy, nên biết sắc lia tự tánh của sắc cho đến thật tế lia tự tánh của thật tế. Xá-lợi Tử, sắc cũng lia tướng của sắc cho đến thật tế cũng lia tướng của thật tế. Xá-lợi Tử, tướng cũng lia tự tánh, tự tánh cũng lia tướng, tướng cũng lia tướng, tự tánh cũng lia tự tánh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

–Các Bồ-tát học theo pháp này sẽ mau chóng thành tựu trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện trả lời:

–Đúng như vậy, nếu các Bồ-tát học theo pháp này thì sẽ mau thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Bồ-tát này biết tất cả pháp đều không sinh, không diệt.

Xá-lợi Tử nói:

–Vì sao các pháp không sinh, không diệt?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc cho đến thức tự tánh là không, nên dù sinh hay diệt đều chẳng thể nắm bắt được. Cho đến thật tế tự tánh cũng là không, nên dù sinh hay diệt đều chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát học về Bát-nhã ba-la-mật-đa đúng như vậy thì sẽ đến gần đến trí Nhất thiết trí. Sự tiến gần, tiến gần đến trí Nhất thiết trí được như vậy, như vậy, thì thân, lời nói, ý nghĩ và hình tướng sẽ được thanh tịnh và cứ như vậy, như vậy cũng đạt được bốn loại thanh tịnh của hình tướng, của thân, lời nói và ý nghĩ. Được như vậy, như vậy sẽ không khởi tâm tương ưng với tham, sân, si, mạn, dối gạt, xan tham, kiến thú. Các Bồ-tát này do thường không khởi lên những tâm tham, sân, si... nên cuối cùng chẳng đọa trong thai người nữ mà

thường được hóa sinh, xa lìa cảnh giới hiểm ác, trừ phi vì nhân duyên để đem lợi lạc cho loài hữu tình. Các vị Bồ-tát này, có thể đi từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; cho đến khi chứng được quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng lìa Phật.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này do thường học Bát-nhã ba-la-mật-đa không biếng nhác, mệt mỏi, nên biết có vị ấy đã gần đắc quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu hành từ sắc cho đến thức là hành theo tướng của chúng chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi hành từ sắc đến thức, hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng; ấy là hành theo tướng của chúng, chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc hành năm loại mắt, sáu Thần thông ba-la-mật-đa; hoặc hành mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; là hành theo tướng của nó, chứ chẳng phải hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc nghĩ rằng: “Ta hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì có sở đắc, nên đó là hành theo tướng. Nếu nghĩ rằng: “Ta là Bồ-tát; vì có sở đắc, nên đó là hành theo tướng. Nếu nghĩ rằng: “Ta có khả năng hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, đấy là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có sở đắc nên là hành theo tướng. Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ-tát khởi lên các sự phân biệt, như thế khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì phải biết Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, nên chẳng phải là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với sắc cho đến thức, trụ vào quyết định tướng, thì thực hành trên pháp tướng đó. Do thực hành như vậy

nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ. Hoặc đối với nhãn xứ cho đến ý xứ, trụ vào quyết định tướng, thời thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với sắc xứ cho đến pháp xứ, trụ vào quyết định tướng, thời thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với nhãn giới cho đến ý giới, trụ vào quyết định tướng thời thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với sắc giới cho đến pháp giới, trụ vào quyết định tướng thì thực hành trên pháp quán tướng đó. Hoặc đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới, trụ vào quyết định tướng, thì thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với nhãn xúc cho đến ý xúc, trụ vào quyết định tướng thời thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; trụ vào quyết định tướng, thời thực hành trên pháp tướng đó. Bởi thực hành như vậy, nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ khác. Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trụ vào quyết định tướng, thời thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông, sáu pháp Ba-la-mật-đa, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; mà trụ vào quyết định tướng, thì thực hành trên pháp tướng đó. Hoặc đối với bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai trụ vào quyết định tướng, thời cũng thực hành trên pháp tướng đó. Bởi thực hành như vậy, nên không thể giải thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, buồn bực và các thứ khổ khác. Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này không có phương tiện thiện xảo, cho nên không thể đạt đến quả vị của Thanh văn, Độc giác, huống chi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, nếu với tướng và thực hành những pháp tướng như vậy mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên biết Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, nên có làm việc gì cũng không thành tựu.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Làm sao biết được các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện đáp:

–Khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu các Bồ-tát không hành

từ sắc đến thức, cũng không hành theo tướng của nó; không hành sắc đến thức, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc có tướng hoặc không tướng, hoặc có nguyện hoặc không nguyện, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, đều chẳng hành theo tướng ấy. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc... là không, chẳng phải là sắc...; sắc... chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc... Như đối với các uẩn, các xứ, các giới duyên khởi, giác phần Ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực cho đến pháp bất cộng của Phật cũng đều như vậy. Xá-lợi Tử, nên biết các Bồ-tát này là những vị có phương tiện thiện xảo đang tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì các Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, nên có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng chấp hành hay không hành; cũng chẳng chấp có hành, chẳng chấp không hành; chẳng chấp chẳng phải hành hay chẳng phải chẳng hành; đối với sự không chấp ấy cũng chẳng có chấp giữ, hướng gì đối với các pháp khác mà lại có chấp giữ.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Do nhân duyên gì mà các Bồ-tát không có sự chấp giữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện đáp:

–Do tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa này cũng lấy không tánh làm tự tánh. Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, nên khi các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc chấp có hành, hoặc chấp không hành, hoặc chấp cũng có hành cũng không hành, hoặc chấp chẳng hành chẳng không hành, hoặc chấp hay không chấp. Như vậy, tất cả đều chẳng phải là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, đều không có chỗ để chấp giữ, không có chỗ để chấp trước. Xá-lợi Tử, đây gọi là Bồ-tát đối với tất cả pháp không chấp giữ, không chấp trước, là không tánh, không sinh, Tam-

ma-địa. Tam-ma-địa này rộng lớn, thù thắng và vi diệu vô cùng. Nó có khả năng tập hợp không giới hạn và làm việc không ngăn ngại, nhưng không cùng với tất cả Thanh văn, Độc giác. Nếu các Bồ-tát thường trụ, không rời Tam-ma-địa này thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Các Đại Bồ-tát chỉ cần một pháp Đẳng trì thù thắng này thường giữ, không bỏ thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột; hay còn có pháp nào khác?

Thiện Hiện đáp:

–Không những chỉ đối với một pháp Đẳng trì thù thắng này thường giữ không bỏ làm cho các Bồ-tát mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột mà còn có nhiều pháp khác.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp khác là gì?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát lại có Kiến hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì, Sư tử du hý đẳng trì, Diệu nguyệt đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, Chư pháp hải đẳng trì, Quán đảnh đẳng trì, pháp giới quyết định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cang dụ đẳng trì, Nhập chư pháp ấn đẳng trì, An trụ định đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Tinh tấn lực đẳng trì, Đẳng dũng xuất đẳng trì, Nhập từ quyết định đẳng trì, Nhập tạng ngữ đẳng trì, Quán phương đẳng trì, Tổng trì ấn đẳng trì, Vô vong thất đẳng trì, Chư pháp đẳng thú đẳng trì, Biến phú hư không đẳng trì, Kim cang luân đẳng trì, Thắng tràng tướng đẳng trì, Đế tràng tướng đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, Thuận kiên cố đẳng trì, Sư tử phấn tấn đẳng trì, Quảng khai xiển đẳng trì, Xả trần ái đẳng trì, Biến chiếu đẳng trì, Bất tuần đẳng trì, Trụ vô tướng đẳng trì, Quyết định đẳng trì, Ly cấu hạnh đẳng trì, Vô biên quang đẳng trì, Phát quang đẳng trì, Phổ chiếu đẳng trì, Tịnh tòa đẳng trì, Vô cấu quang đẳng trì, Phát ái lạc đẳng trì, Điển đấng đẳng trì, Vô tận đẳng trì, Nan thắng đẳng trì, Cụ oai quang đẳng trì, Ly tận đẳng trì, Vô thắng đẳng trì, Khai hiển đẳng trì, Nhật đấng đẳng trì, Tịnh nguyệt đẳng trì, Tịnh quang đẳng trì, Phát minh đẳng trì, Tác vô tác đẳng trì, Trí tướng đẳng trì, Trụ tâm đẳng trì, Phổ

minh đẳng trì, Thiện trụ đẳng trì, Bảo tích đẳng trì, Diệu pháp ấn đẳng trì, Chư pháp đẳng ý đẳng trì, Xả ái lạc đẳng trì, Pháp dũng đẳng trì, Phiên tán đẳng trì, Phân biệt pháp cú đẳng trì, Nhập bình đẳng tự đẳng trì, Ly văn tự tướng đẳng trì, Đoạn sở duyên đẳng trì, Vô biến dị đẳng trì, Phẩm loại đẳng trì, Nhập danh định tướng đẳng trì, Vô tướng hành đẳng trì, Ly ế ám đẳng trì, Cụ hành đẳng trì, Vô động đẳng trì, Cảnh tướng tịch tĩnh đẳng trì, Tập chư công đức đẳng trì, Trú quyết định đẳng trì, Tịnh diệu hoa đẳng trì, Cụ giác chi đẳng trì, Vô biên biện đẳng trì, Vô đẳng đẳng đẳng trì, Siêu nhất thiết đẳng trì, Thiện phân biệt đẳng trì, Tản nghi võng đẳng trì, Vô sở trụ đẳng trì, Nhất tướng trang nghiêm đẳng trì, Dẫn phát hành tướng đẳng trì, Nhất hạnh đẳng trì, Xả hành tướng đẳng trì, Đạt chư hữu để biến dị đẳng trì, Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn đẳng trì, Giải thoát âm thanh văn tự đẳng trì, Cụ oai đức đẳng trì, Cụ xí nhiên đẳng trì, Tịnh nhãn đẳng trì, Vô trọc nhãn đẳng trì, Nhập chư hành tướng đẳng trì, Bất hỷ nhất thiết đẳng trì, Vô tận hành tướng đẳng trì, Cụ Đà-la-ni đẳng trì, Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tánh đẳng trì, Ly vi thuận đẳng trì, Ly tăng ái đẳng trì, Vô cấu minh đẳng trì, Cụ kiên cố đẳng trì, mãn nguyệt tịnh quang đẳng trì, Điển quang biện đẳng trì, Đại trang nghiêm đẳng trì, Chiếu nhất thiết thế gian đẳng trì, Định bình đẳng ý đẳng trì, Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú đẳng trì, Vô tánh hữu tánh bình đẳng lý thú đẳng trì, Vô sào huyết đẳng trì, Vô tiêu xí đẳng trì, Quyết định trụ chân như đẳng trì, Hoại thân, ngữ, ý ác hạnh đẳng trì, Như hư không đẳng trì, Vô nhiễm trước như hư không đẳng trì.

Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát thường trụ không bỏ đối với các đẳng trì tối thắng như vậy, thì sẽ mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, lại có vô lượng, vô số tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tất cả pháp môn Đà-la-ni khác nữa, nếu các Bồ-tát thường học các pháp này thì cũng mau chứng được quả vị mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Thiện Hiện nương oai thần của Phật bảo với Cụ thọ Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu các Bồ-tát an trụ các đẳng trì tối thắng như vậy, thì nên biết các vị ấy đã được chư Phật trong quá khứ thọ ký, cũng được

mười phương chư Phật trong hiện tại thọ ký. Xá-lợi Tử, các vị Bồ-tát này tuy trụ vào các Tam-ma-địa nhưng không thấy các Tam-ma-địa này, cũng chẳng chấp trước vào danh tự Tam-ma-địa này, cũng chẳng nghĩ rằng: “Ta đã chính thức vào trong các Tam-ma-địa này.” Cũng không nghĩ rằng: “Chỉ có ta mới có thể vào các định tối thắng này người khác không thể vào được.” Các vị ấy suy nghĩ, phân biệt như vậy, do sức các định nên không khởi lên pháp nào.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Vì định khác nhau nên có các Đại Bồ-tát an trú vào các Tam-ma-địa tối thắng như vậy và đã được chư Phật trong quá khứ, hiện tại thọ ký rồi ư?

Thiện Hiện đáp:

– Không phải vậy. Vì sao? Xá-lợi Tử, nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa hay Tam-ma-địa, hay các Bồ-tát đều không có sự sai khác, thì Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là Tam-ma-địa, Tam-ma-địa tức là các Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì tánh của tất cả pháp đều bình đẳng.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Nếu Tam-ma-địa chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác Tam-ma-địa, Tam-ma-địa tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Tam-ma-địa; vì tất cả pháp đều bình đẳng, thì các Bồ-tát có thể chỉ rõ sự chứng nhập Tam-ma-địa của mình không?

Thiện Hiện đáp:

– Không thể.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Đối với Tam-ma-địa, các Bồ-tát có tưởng và tưởng quyết định như vậy không?

Thiện Hiện đáp:

– Các Bồ-tát không khởi tưởng và tưởng quyết định, đối với Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử nói:

– Tại sao các Bồ-tát này không có tưởng và tưởng quyết định đối với chính Tam-ma-địa mình chứng được?

Thiện Hiện đáp rằng:

– Vì các Bồ-tát này không có sự phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Vì sao các vị ấy không có sự phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

– Các Bồ-tát này biết tất cả pháp và Tam-ma-địa đều không sở hữu. Ở trong không sở hữu ấy, thì không cho phép phát sinh tưởng phân biệt và tưởng quyết định.

Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn khen ngợi Thiện Hiện rằng:

– Lành thay, lành thay, như điều ông nói! Ta tuyên bố ông là người tối thắng đệ nhất, đã trụ định Vô tránh trong chúng Thanh văn. Do đây Ta nói rõ ý nghĩa tương ứng là trong tánh bình đẳng, không có tranh cãi và chống đối vậy.

Như vậy này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa thì nên học như vậy. Muốn học từ Niệm trụ cho đến các chi Thánh đạo thì nên học như vậy. Muốn học mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng nên học như vậy.

Khi ấy, Xá-lợi Tử liền bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát học như vậy là đã học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng phải không?

Phật dạy:

– Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát học như thế là đang học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát học như thế, đều lấy vô sở đắc làm phương tiện, để học từ Bát-nhã ba-la-mật-đa đến mười tám pháp Phật bất cộng ư?

Phật dạy:

– Đúng như vậy, nếu khi học như vậy, Đại Bồ-tát đều lấy vô sở đắc làm phương tiện mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Bạch Thế Tôn, vô sở đắc là nói về những gì chẳng thể nắm bắt được ư?

Phật dạy:

– Xá-lợi Tử, vô sở đắc là ngã chẳng thể nắm bắt được cho đến

cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Các uẩn, xứ, giới và duyên khởi chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục, Sắc và Vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng đều chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Dự lưu cho đến Độc giác cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ-tát, chư Phật, Bồ-đề Niết-bàn đều chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, rốt ráo thanh tịnh nghĩa là gì?

Phật dạy:

–Nghĩa là tất cả pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không ra, không vào, vô đắc, vô vi. Như vậy gọi là nghĩa thanh tịnh rốt ráo.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử lại bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát học như vậy thì phải học những pháp nào?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi các Bồ-tát học như vậy, thì không được thấy có sự học đối với pháp. Vì sao? Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải như vậy nhưng do phạm phu ngu si chấp trước nên có sự học các pháp ấy.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, nếu nói như vậy, thì tại sao các pháp lại có?

Phật dạy:

–Các pháp như không sở hữu, như vậy mà có. Nếu đối với các pháp không sở hữu này, mà không thể thấu rõ, thì gọi là vô minh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, những pháp nào là không sở hữu, nếu không hiểu rõ thì gọi là vô minh?

Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Sắc cho đến thức không sở hữu; cứ như vậy cho đến bốn Niệm trụ, đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không sở hữu, do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Xá-

lợi Tử, phàm phu ngu si ấy không thấu đạt đối với tất cả pháp không sở hữu như thế, nên gọi là vô minh. Người ấy, do vô minh và sức mạnh của ái; nên phân biệt và chấp trước hai bên đoạn kiến và thường kiến. Do đó không thấy, không biết tánh của các pháp là không sở hữu nên phân biệt các pháp. Do phân biệt, nên chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp trước mười tám pháp Phật bất cộng. Do chấp trước, nên phân biệt tánh không sở hữu của các pháp. Do đó nên không thấy, không biết đối với các pháp.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Bạch Thế Tôn, không thấy, không biết đối với các pháp nào?

Phật dạy:

– Xá-lợi Tử, không thấy, không biết đối với sắc cho đến thức. Cứ như vậy cho đến bốn Niệm trụ, mười tám pháp Phật bất cộng đều không thấy, không biết. Vì không thấy, không biết đối với các pháp nên đọa vào phàm phu ngu si nhiều lần, không thể ra khỏi.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Bạch Thế Tôn, chúng không thể ra khỏi chỗ nào?

Phật dạy:

– Đối với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, chúng không thể ra khỏi được. Vì không thể ra khỏi ba cõi, nên không thể thành tựu quả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và Phật. Giả như có người thoát khỏi ba cõi, mà không thể ra khỏi Nhị thừa là do người đó không tin, không hiểu hết giáo pháp thâm sâu.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Bạch Thế Tôn, giáo pháp thâm sâu thế nào mà không thể tin hiểu được?

Phật dạy:

– Pháp ấy là sắc không cho đến thức không; không thể tin, hiểu hết. Cứ như vậy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều là không; không thể tin, hiểu hết được. Do không thể tin hiểu đối với pháp năng giác, sở giác là không, nên không thể trụ vào pháp cần phải học.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Bạch Thế Tôn, pháp nào cần phải học mà người ấy không thể trụ vào?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, người kia không thể an trụ đối với Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cũng không thể trụ vào địa vị không thoái chuyển và vô lượng, vô biên pháp khác của Phật. Do đấy, nên gọi là phạm phu ngu si. Vì chấp trước các pháp có tánh, nghĩa là chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhãn xứ đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý thức giới; tham, sân, si và các kiến thủ; Niệm trụ cho đến Bồ-đề Niết-bàn... đều cho là có tánh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, có Bồ-tát nào học như vậy mà chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Có, có các Bồ-tát học như vậy, nhưng chẳng học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-tát nào học như vậy mà chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà lại phân biệt, chấp trước vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến phân biệt, chấp trước vào Bồ thí ba-la-mật-đa; hoặc phân biệt, chấp trước bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc phân biệt, chấp trước trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, do yếu tố này, nên các Bồ-tát tuy học như thế nhưng chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát này học như vậy, nếu xác định chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì không thể thành tựu trí Nhất thiết trí ư?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi các Bồ-tát này học như vậy thì chắc chắn không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa và không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là học đúng Bát-nhã ba-la-mật-đa và khi học như thế thì thành tựu trí Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu các Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến không thấy trí Nhất thiết tướng. Như vậy Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là học đúng Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi học như vậy, thời thành tựu trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, các Bồ-tát này lấy pháp vô sở đắc nào làm phương tiện?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, các Bồ-tát này khi hành Bồ thí ba-la-mật-đa; ngay trong khi Bồ thí, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cho đến khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; ngay khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện. Cho đến khi cầu quả Bồ-đề, trong khi hành quả Bồ-đề cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện. Cho đến khi cầu trí Nhất thiết tướng, trong khi hành trí Nhất thiết tướng cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi các Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy những vô sở đắc nào làm phương tiện?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Bồ-tát lấy pháp không bên trong vô sở đắc làm phương tiện; cho đến lấy pháp không không tánh tự tánh vô sở đắc làm phương tiện. Do nhân duyên đó nên mau thành tựu được trí Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, giả sử có người đến hỏi thế này: “Những kẻ do biến hóa, nếu học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa và học Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, người đó có thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?” Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con phải trả lời thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

–Ta hỏi lại ông đấy? Tùy ý ông trả lời. Vậy ý ông thế nào? Sắc cho đến thức cùng với kẻ do biến hóa, có gì khác nhau không? nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? nhãn giới cho đến ý giới cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? sắc giới cho đến pháp giới cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? nhãn thức giới cho đến ý thức giới cùng với kẻ do biến hóa ấy có gì khác nhau không? nhãn xúc cho đến ý xúc cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cùng với kẻ do biến hóa, có gì khác nhau không? Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không? Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cùng với kẻ do biến hóa ấy, có gì khác nhau không?

Thiện Hiện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, chẳng có gì khác. Vì sao? Vì sắc không khác kẻ do biến hóa; kẻ do biến hóa không khác sắc. Sắc tức là kẻ do biến hóa; kẻ do biến hóa tức là sắc. Cho đến quả vị Giác ngộ cao tột cũng lại như vậy.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Các kẻ do biến hóa ấy có nhiễm tịnh không? Có sinh diệt không?

Thiện Hiện thưa:

–Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Nếu pháp không có nhiễm, tịnh; không có sinh, diệt thì pháp ấy có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng và có thể thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Ở trong năm uẩn khởi lên tướng, tướng các loại, tướng thi thiết, lời nói, giả danh Đại Bồ-tát phải không?

Thiện Hiện trả lời:

– Bạch Thế Tôn, đúng như vậy!

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Ở trong năm uẩn khởi lên tướng các loại, tướng thi thiết lời nói, giả lập ra pháp có sinh, diệt; có nhiễm, tịnh; có thể được không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Nếu pháp không có tướng, không tướng các loại, không thi thiết, không lời nói, không giả danh, không có thân cũng không có thân nghiệp, không ngôn ngữ cũng không ngữ nghiệp, không ý cũng không ý nghiệp, không sinh diệt, không nhiễm tịnh, pháp ấy có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

– Nếu các Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì nhất định sẽ thành tựu trí Nhất thiết trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

– Nếu các Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải như người do biến hóa kia, học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Nên biết kẻ do biến hóa kia tức là năm uẩn.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Nếu năm uẩn như huyễn thì có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Năm uẩn như huyễn, lấy không tánh làm tự tánh, vì không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như quán năng, như ánh lửa, như ảnh trong gương, như biến hóa, có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa và thành tựu trí Nhất thiết trí không?

Thiện Hiện thưa:

– Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Ngũ uẩn như tiếng vang cho đến như biến hóa đều lấy không tánh làm tự tánh, mà không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được.

Phật hỏi Thiện Hiện:

– Ý ông thế nào? Năm uẩn như huyễn... tánh mỗi pháp có gì khác không?

Thiện Hiện đáp rằng:

– Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Sắc... như huyễn tức là sắc... như mộng; cho đến sắc như biến hóa vậy. Năm uẩn, sáu căn cũng không có tánh khác. Như vậy, tất cả đều do không bên trong cho đến không không tánh tự tánh, nên tánh chẳng thể nắm bắt được.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

– Nếu các Bồ-tát mới học Đại thừa, nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm họ có kinh sợ khủng khiếp không?

Phật bảo Thiện Hiện:

– Các Bồ-tát mới học Đại thừa, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không có phương tiện thiện xảo và không có bạn lành giúp đỡ, khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy kinh sợ khủng khiếp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Những Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo, mà nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm không kinh khiếp, không sợ sệt, không e ngại.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Bồ-tát nào dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí; quán sắc cho đến thức là tướng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, xa lìa... là chẳng thể nắm bắt được. Các Bồ-tát ấy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có phương tiện thiện xảo, nếu nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế; thì tâm chẳng kinh, chẳng ngại, chẳng sợ. Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát quán như vậy rồi, lại nghĩ thế này: “Ta phải dùng vô sở đắc làm

phương tiện, vì tất cả hữu tình nói năm uẩn này là tướng vô thường cho đến xa lìa tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.” Đây là Bồ-tát không chấp trước Bồ thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát không vì Thanh văn, Độc giác tác ý suy nghĩ năm uẩn, là tướng vô thường cho đến xa lìa tướng thì cũng chẳng thể nắm bắt được, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện. Đây là Bồ-tát không chấp trước Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; quán sát địa giới cho đến thức giới, tất cả đều vô thường, khổ, không, vô ngã, không nên sân hận chỉ nên an nhẫn. Đây là Bồ-tát không chấp trước An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa. Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, quán sát từ sắc đến thức, từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa thì cũng chẳng thể nắm bắt được; tuy dùng vô sở đắc làm phương tiện nhưng thường không xả bỏ tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, mà siêng năng tu tập tất cả thiện pháp. Đây là Bồ-tát không chấp trước Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát không vì Thanh văn, Độc giác tác ý và tâm đang có những tâm bất thiện khác làm tán loạn, xen lẫn với tác ý thanh tịnh của Bồ-tát, thì đây là Bồ-tát không chấp trước Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, như thật quán sát chẳng phải không sắc, mà nói sắc là không; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ đến pháp xứ; nhãn giới đến ý giới; sắc giới đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng lại như thế. Đây là Bồ-tát không chấp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, như vậy, Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm chẳng kinh động, chẳng e ngại, chẳng khiếp sợ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Thế Tôn rằng:

– Thế nào là Bồ-tát được các bạn lành giúp đỡ, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy mà tâm chẳng kinh động, chẳng e ngại, chẳng khiếp sợ.

Phật bảo:

– Thiện Hiện, bạn lành của các Bồ-tát ấy là người nào thường dùng vô sở đắc làm phương tiện, nói sắc cho đến thức, nói tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô nguyện, tướng vắng lặng, tướng xa lìa là đều chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn cho đến ý, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói sắc cho đến pháp, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn thức cho đến ý thức, nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Nói nhãn xúc cho đến ý xúc; nói tướng vô thường cho đến tướng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được; và khuyên hãy nương vào đây mà siêng năng tu tập căn lành, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, không nên hướng đến địa vị Thanh văn và Độc giác. Phải biết đây là bạn lành của Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, bạn lành của Bồ-tát là người nào thường dùng vô sở đắc làm phương tiện để nói về sự tu tập bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu tập pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được; hoặc nói về sự tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng đều chẳng thể nắm bắt được; rồi khuyên hãy nương vào đây mà tu tập các căn lành để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, không nên hướng tới địa vị Thanh văn và Độc giác, phải biết đây chính là bạn lành của Bồ-tát.

Thiện Hiện, nếu các Bồ-tát được sự giúp đỡ của bạn lành, thì nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy tâm chẳng e ngại, chẳng kinh, chẳng sợ.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

– Thế nào là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo mà nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế thì tâm có e ngại, kinh khiếp và sợ hãi?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu các Bồ-tát dùng hữu sở đắc làm phương tiện, xa lìa trí Nhất thiết trí tác ý tương ứng, mà tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với sự tu hành này, thấy có sở đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, xa lìa tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, mà quán sắc cho đến thức, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đối với phép quán không này, thấy có sở đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, quán nhãn cho đến ý; quán sắc cho đến pháp; quán nhãn thức cho đến ý thức; quán nhãn xúc đến ý xúc; quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đối với phép quán không này, thấy có chứng đắc, nên có sự ỷ lại. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện, lìa xa trí Nhất thiết trí để tác ý tương ứng, mà tu hành bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đối với sự tu hành ấy thấy có chứng đắc, nên có sự ỷ lại.

Này Thiện Hiện, Bồ-tát như thế, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không có phương tiện thiện xảo, nên khi nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì sinh tâm e ngại, khiếp sợ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa bị các bạn ác dắt dẫn, nên khi nghe thuyết về Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì e ngại, kinh sợ?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bạn ác của các Bồ-tát là kẻ dạy nhầm chán, xa lìa Bát-nhã cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa và nói rằng: “Thiện nam, các ông không nên tu học pháp này. Vì sao? Sáu pháp Ba-la-mật-đa như thế, chẳng phải lời Phật nói. Những văn tụng ấy được sáng tạo một cách giả dối. Vì thế nên các ông không nên diễn thuyết cho người khác nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ, nghiên cứu. Phải biết đấy là bạn ác của Bồ-tát.”

Lại nữa Thiện Hiện, bạn ác của các Bồ-tát là nếu không nói về việc ma, lỗi ma; nghĩa là có ác ma giả dạng Đức Phật, đến dạy Bồ-tát nhầm chán, xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa và nói rằng: “Thiện nam tử, cần gì tu pháp Ba-la-mật-đa này.” Lại có ác ma giả dạng

Đức Phật đến gặp Bồ-tát, giảng nói, chỉ bày các pháp tương ứng với Thanh văn, Độc giác cho Bồ-tát, như là Khế kinh cho đến Luận nghĩa, phân biệt rõ ràng khiến cho Bồ-tát chuyên tâm tu học.

Lại có ác ma giả dạng Đức Phật đến gặp Bồ-tát, nói thế này: “Người chẳng phải Bồ-tát, người không có tâm Bồ-đề nên không thể an trú vào địa vị không thoái chuyển và cũng không thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu.”

Lại có ác ma giả dạng Đức Phật đến gặp Bồ-tát nói rằng: “Thiện nam, sắc cho đến thức là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn cho đến ý là không, không có ngã và ngã sở. Sắc cho đến pháp là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn thức cho đến ý thức là không, không có ngã và ngã sở. Nhãn xúc cho đến ý xúc là không, không có ngã và ngã sở. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã và ngã sở. Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, không có ngã và ngã sở. Bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không, không có ngã và ngã sở, thì cần gì phải chứng quả vị Giác ngộ cao tột?”

Lại có ác ma giả dạng Độc giác đến gặp Bồ-tát và nói rằng: “Thiện nam, chư Phật, Bồ-tát và hàng Thanh văn trên khắp mười phương thế giới, tất cả đều không. Đối với việc này, người nên tin nhận sâu xa, chớ có tự mình siêng năng, khổ cực, cầu mong, cúng dường lắng nghe chánh pháp như rao giảng mà tu hành làm gì!”

Lại có ác ma giả dạng Thanh văn đến gặp Bồ-tát, tìm cách khiến Bồ-tát nhầm chán, xa lìa tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, mà siêng năng tu học tác ý tương ứng với Thanh văn và Độc giác.

Lại có ác ma giả dạng bậc thầy mô phạm đến gặp Bồ-tát khiến cho Bồ-tát nhầm chán cực kỳ các thắng hạnh của mình. Các thắng hạnh ấy là sáu pháp Ba-la-mật-đa và khiến cho Bồ-tát nhầm chán, xa lìa trí Nhất thiết trí; nghĩa là xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột. Các ma chỉ dạy siêng tu bốn Niệm trụ, khiến cho họ mau chứng được quả Bồ-đề của Nhị thừa, nhầm chán xa lìa sự mong cầu quả Vô thượng thừa.

Lại có ác ma giả dạng như cha mẹ đến gặp Bồ-tát, bảo rằng: “Con ơi, con phải tinh tấn chuyên cần cầu chứng quả Dự lưu, Nhất

lai, Bất hoàn, A-la-hán, đủ để chấm dứt khổ lớn sinh tử chứ cần gì đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu cầu quả Bồ-đề, con phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, luân hồi sinh tử để giáo hóa hữu tình, xả bỏ thân mạng, cắt bỏ tay chân, tự chuốc lấy khổ nhục, ai biết ân con mà quả Bồ-đề con cầu chắc có được hay không được.”

Lại có ác ma giả dạng Bí-sô đến gặp Bồ-tát, dùng hữu sở đắc làm phương tiện; nói sắc cho đến thức có từ tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô nguyện, tướng vắng lặng, tướng xa lìa, là chân thật có thể nắm bắt. Nói nhãn cho đến ý, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là chân thật, có thể nắm bắt. Nói sắc cho đến pháp, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là chân thật, có thể nắm bắt. Nói nhãn thức cho đến ý thức, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa; là chân thật, có thể nắm bắt. Nói nhãn xúc cho đến ý xúc, có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa; là chân thật, có thể nắm bắt. Nói các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho, đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có từ tướng vô thường cho đến tướng xa lìa, là chân thật, có thể nắm bắt. Dùng hữu sở đắc làm phương tiện mà nói về bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là chân thật có thể nắm bắt, khiến cho Bồ-tát tu học. Nếu chỉ nói những việc như thế mà không vì sự mong cầu giác ngộ của Bồ-tát, thì phải biết đó là bạn ác của Bồ-tát.

Thiện Hiện, khi các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nếu bị các bạn ác dẫn dắt thì khi nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của họ sẽ e ngại và kinh sợ. Thế nên, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với bạn ác, Bồ-tát nên xét kỹ, phương tiện tránh xa, chớ có gần gũi mà thoái mất tâm Bồ-đề, bỏ mất các hạnh của Đại Bồ-tát và không chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 486

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (5)

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Gọi là Đại Bồ-tát, vậy danh từ cú nghĩa của Bồ-tát có ý nghĩa gì?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bồ-đề không sinh, Tát-đỏa chẳng có. Cú nghĩa ở trong lý chẳng thể nắm bắt được ấy, cho nên không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát.

Thiện Hiện, ví như trong không trung, thật không có dấu chim; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cảnh trong mộng, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trò ảo thuật, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như quán năng, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như ảnh trong gương, tiếng vang, hình dạng biến hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng như thế, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa chân như, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như thế, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa pháp giới, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của pháp tánh, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ,

thật tế, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như thế thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc cho đến cú nghĩa thức của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn xứ cho đến cú nghĩa ý xứ của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc xứ cho đến cú nghĩa pháp xứ của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn giới cho đến cú nghĩa ý giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của sắc giới cho đến cú nghĩa pháp giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn thức giới cho đến cú nghĩa ý thức giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của nhãn xúc cho đến cú nghĩa ý xúc của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến cú nghĩa các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của địa giới cho đến cú nghĩa thức giới của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của vô minh cho đến cú nghĩa lão tử của người huyễn hóa, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như người huyễn hóa thực hành cú nghĩa của pháp không bên trong cho đến cú nghĩa của pháp không không tánh

tự tánh, thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của bốn Niệm trụ cho đến cú nghĩa của mười tám pháp Phật bất cộng thật không sở hữu; cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của sắc tướng cho đến cú nghĩa của thức tướng, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa tướng nhãn xứ cho đến cú nghĩa tướng ý xứ, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng sắc xứ cho đến cú nghĩa của tướng pháp xứ, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn giới cho đến cú nghĩa của tướng ý giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng sắc giới cho đến cú nghĩa của tướng pháp giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn thức giới cho đến cú nghĩa của tướng ý thức giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú nghĩa của tướng nhãn xúc cho đến cú nghĩa của tướng ý xúc, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì cú

nghĩa của tướng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến cú nghĩa của tướng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của tướng địa giới cho đến cú nghĩa của tướng thức giới, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của vô minh cho đến cú nghĩa của lão tử, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà cú nghĩa của tướng pháp không bên trong cho đến cú nghĩa của tướng pháp không không tánh tự tánh, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hành cú nghĩa của tướng bốn Niệm trụ cho đến cú nghĩa của tướng mười tám pháp Phật bất cộng, thật cũng không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trong cảnh giới vô vi, cú nghĩa của cảnh giới hữu vi thật không sở hữu. Trong cảnh giới hữu vi, cú nghĩa của cảnh giới vô vi cũng thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu. Vì sao? Thiện Hiện, ví như sắc cho đến thức, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại

như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh thật không sở hữu. Các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa,

thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử mà từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, từ cú nghĩa của không sinh, không diệt cho đến cú nghĩa của không nhiễm, không tịnh, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc cho đến thức rốt ráo thanh tịnh, thì cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ rốt ráo thanh tịnh, thì cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới rốt ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành

Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cú nghĩa của các tướng, cũng thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng rất ráo thanh tịnh, cú nghĩa của các tướng, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như cú nghĩa của ngã cho đến cái thấy trong sự rốt ráo thanh tịnh, cũng thật không sở hữu, vì tánh là chẳng phải có. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như khi mặt trời mọc mà cú nghĩa của sự tối tăm thì thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như khi đại kiếp đã hết mà cú nghĩa của các hành thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa của Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cú nghĩa của sự phạm giới trong nhóm tịnh giới, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự tán loạn trong nhóm tịnh định, thật không sở hữu; cú nghĩa của ngu si trong nhóm thanh tịnh trí tuệ, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự trói buộc trong nhóm giải thoát, thật không sở hữu; cú nghĩa của sự không giải thoát tri kiến, trong nhóm giải thoát tri kiến, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu.

Thiện Hiện, ví như trong các ánh quang minh của mặt trời, mặt trăng, của trời Ba mươi ba, nói rộng cho đến trời Sắc cứu cánh; cú nghĩa về ánh quang minh của Phật, thật không sở hữu. Khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì cú nghĩa Bồ-tát cũng lại như vậy, thật không sở hữu. Vì sao? Thiện Hiện, hoặc Bồ-đề hoặc Tát-đỏa, hoặc Bồ-tát, hoặc cú nghĩa Bồ-tát; các pháp như thế đều chẳng phải tương ứng, chẳng phải không tương ứng; nó không màu sắc, không hiểu biết, không đối đãi với một tướng nào, nên được gọi là không tướng. Ở trong tất cả pháp, các Đại Bồ-tát chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Bấy giờ, Cự thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tất cả pháp? Tại sao ở trong tất cả pháp, các Đại Bồ-tát chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại, nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Tất cả pháp gồm pháp thiện, pháp chẳng phải thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Những pháp như vậy gọi là tất cả pháp. Các Đại Bồ-tát ở trong tất cả pháp như vậy chẳng phải thật có, không chấp trước, không ngăn ngại, nên siêng năng tu học thích ứng Chánh giác tri.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Tại sao gọi là pháp thiện ở thế gian?

Phật dạy:

– Thiện Hiện, thiện pháp thế gian là hiếu thuận Cha mẹ, cúng dường Sa-môn và Bà-la-môn, tôn kính phụng sự Sư trưởng, hoặc bố thí bao gồm việc phước nghiệp, hoặc giữ giới bao gồm việc phước nghiệp, hoặc cung cấp giúp đỡ người bệnh gồm cả hạnh phước nghiệp, hoặc phương tiện thiện xảo bao gồm cả hạnh phước nghiệp, hoặc mười nẻo nghiệp thiện của thế gian, hoặc tưởng thấy tử thi trương phình lên, hoặc tưởng tử thi thối rữa, hoặc tưởng tử thi bầm tím, hoặc tưởng tử thi biến ra màu đỏ bầm, hoặc tưởng tử thi bị hủy hoại, hoặc tưởng tử thi bị chim thú ăn nuốt, hoặc tưởng bị tan nát, hoặc tưởng chỉ còn đồng xương, hoặc tưởng đồng xương đã bị đốt cháy; hoặc bốn loại Thiên định ở thế gian; hoặc bốn tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Hoặc tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở vào, hơi thở ra, tùy niệm sự vắng lặng, tùy niệm thân, tùy niệm chết. Những pháp này gọi là thiện pháp thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

– Tại sao gọi là pháp chẳng thiện?

Phật dạy:

– Thiện Hiện, pháp chẳng thiện là giết hại sinh mạng, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc nói lời dối gạt, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói gây chia rẽ, hoặc nói lời tạp thoại bậy bạ, hoặc tham lam, hoặc giận dữ, hoặc tà kiến, hoặc tức giận, hoặc hại, hoặc ganh, hoặc keo bần. Những pháp như thế gọi là pháp chẳng thiện.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, tại sao gọi là pháp hữu ký?

Phật dạy:

–Thiền Hiện, tất cả pháp thiện và pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký.

Cụ thọ Thiền Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao gọi là pháp vô ký?

Phật dạy:

–Thiền Hiện, hoặc thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp vô ký, hoặc bốn đại chủng vô ký; hoặc năm căn vô ký; hoặc sáu xứ vô ký; hoặc vô sắc, các uẩn giới xứ vô ký; hoặc quả Dị thực vô ký. Tất cả như thế gọi là pháp vô ký.

Cụ thọ Thiền Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp thế gian?

Phật dạy:

–Thiền Hiện, pháp thế gian là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười nẻo nghiệp thiện, bốn Tĩnh lự, bốn tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, mười hai duyên khởi. Tất cả những pháp như vậy gọi là pháp thế gian.

Cụ thọ Thiền Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp xuất thế gian?

Phật dạy:

–Thiền Hiện, là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, hoặc vị tri căn, đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn. Hoặc Tam-ma-địa có tâm, có tứ; hoặc Tam-ma-địa không tâm, có tứ; hoặc Tam-ma-địa không tâm, không tứ. Hoặc minh giải thoát, hoặc niệm chánh tri, hoặc như lý tác ý, hoặc tám Giải thoát, hoặc chín Định thứ đệ, hoặc pháp không bên trong, không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không bản tánh, không tự tướng, không nơi tất cả pháp, không không tánh, không không tánh tự tánh. Hoặc mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, mười tám pháp Phật bất cộng; tất cả như vậy gọi là pháp xuất thế gian.

Cụ thọ Thiền Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp hữu lậu?

Phật bảo Thiền Hiện:

–Nghĩa là thân nhiếp hết ba cõi; hoặc thân nhiếp năm uẩn,

mười hai xứ, mười tám giới, hoặc thâm nhiếp bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Các pháp như vậy gọi là pháp hữu lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp vô lậu?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nghĩa là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề rộng nói cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng. Tất cả như vậy gọi là pháp vô lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao gọi là pháp hữu vi?

Phật bảo:

–Nếu pháp có sinh, trụ, dị, diệt; hoặc thuộc về ba cõi, hoặc pháp ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, rộng nói cho đến mười lực của Như Lai đến bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng. Tất cả những pháp này gọi là pháp hữu vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là pháp vô vi?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

–Hoặc pháp không sinh, trụ, dị, diệt; hoặc chấm dứt tham, sân, si; hoặc chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế. Tất cả những pháp này gọi là pháp vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là cộng pháp?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Nghĩa là bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng và bốn Định vô sắc của thế gian. Tất cả những pháp như thế gọi là cộng pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là bất cộng pháp?

Phật dạy Thiện Hiện:

–Ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tất cả như thế gọi là bất cộng pháp. Đối với pháp, tự tướng rỗng không tất cả đều như vậy, các Đại Bồ-tát không nên chấp trước, vì tất cả pháp không có phân

biệt. Đối với tất cả pháp, các Đại Bồ-tát nên dùng pháp “không hai” để làm phương tiện như thật giác tri, vì tất cả pháp không lay động. Thiện Hiện nên biết, đối với tất cả pháp không hai, không lay động, không có phân biệt, không chấp trước, đây là cú nghĩa của Bồ-tát. Vì thế nên không cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát vậy.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vì sao gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

– Ở trong chúng Đại hữu tình, các Bồ-tát này là bậc Thượng thủ nên gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, vì sao gọi là chúng đại hữu tình mà Bồ-tát là bậc Thượng thủ trong đó?

Phật dạy:

– Thiện Hiện, hoặc bậc Chứng tánh, hoặc bậc Đệ bát, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán, hoặc Độc giác, hoặc mới phát tâm, lần lượt cho đến địa vị không thoái chuyển. Các Đại Bồ-tát như thế đều gọi là chúng đại hữu tình. Vì Bồ-tát là Thượng thủ ở trong đó, nên gọi là Ma-ha-tát. Nghĩa là các Bồ-tát đã phát tâm kiên cố như kim cương, quyết định không hủy hoại và thoái lui, vì vậy nên có thể làm Thượng thủ đối với chúng đại hữu tình.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, sao gọi là tâm kiên cố như kim cương?

Phật dạy:

– Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm như thế này: Ta phải mặc áo giáp công đức lớn ở giữa cánh đồng rộng lớn, mệnh môn sinh tử, vì các hữu tình, phá giấc phiền não. Ta phải vì khắp tất cả hữu tình làm khô cạn biển lớn sinh tử vô biên. Ta phải xả bỏ tất cả sở hữu để vì các hữu tình mà làm lợi ích lớn. Ta phải bình đẳng đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, tâm không phe đảng và thiên lệch. Ta phải làm cho khắp các loài hữu tình, đi theo đường Tam thừa, để đến thành Niết-bàn. Ta phải đem Tam thừa cứu độ tất cả hữu tình nhưng Ta chẳng hề thấy có một hữu tình nào đắc quả Niết-bàn. Ta phải giác ngộ rõ ràng tánh của pháp không nhiễm, không tịnh, không sinh, không diệt. Ta phải đem toàn những tác ý tương

ưng với trí Nhất thiết trí để tu hành từ Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ta phải siêng năng học để thâm nhập vào cửa trí vi diệu, thông suốt tất cả một cách rốt ráo. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn một lý thú. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn hai lý thú. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng môn nhiều lý thú, không còn chỗ nào để chấp trước. Ta phải tu học các môn diệu trí, thông suốt các pháp tánh dẫn đến công đức thù thắng.

Thiện Hiện, đây chính là Bồ-tát đã phát tâm kiên cố như kim cương. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này thì chắc chắn sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khởi tâm như vậy: Tất cả các loài hữu tình trong tất cả các cảnh giới địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ và người, trời chịu các khổ não. Ta sẽ thay họ lãnh chịu đau khổ để họ được an vui. Hoặc các Đại Bồ-tát khởi tâm như vậy: Ta vì lợi ích tất cả hữu tình nên trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, chịu các thứ khổ nặng nề nơi địa ngục lớn và dùng vô số phương tiện giáo hóa khiến họ chứng được Vô dư Niết-bàn. Cứ lần lượt như thế, khắp vì lợi ích của tất cả hữu tình. Vì họ mỗi mỗi đều trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, chịu các thứ khổ nặng nề nơi địa ngục lớn nên mỗi mỗi ta đều dùng vô số phương tiện giáo hóa, khiến họ đạt được Vô dư Niết-bàn. Làm việc này là đã tự gieo trồng căn lành. Lại trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, viên mãn sự tu tập nhóm tư lương Bồ-đề, sau đó mới chứng quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu.

Thiện Hiện, thệ nguyện rộng lớn như vậy gọi là sự phát tâm kiên cố như kim cương của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì nhất định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường phát khởi tâm rộng lớn. Nhờ tâm này, nên quyết định có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Tâm rộng lớn của Bồ-tát ở đây, nghĩa là các Bồ-tát sinh tâm như vậy: Ta từ khi mới phát tâm đại Bồ-đề cho đến khi đạt được trí Nhất thiết trí nhất định sẽ không khởi tâm tham dục, sân giận, ngu si, phẫn nộ, ganh ghét, tà kiến và khinh mạn... cũng nhất định không khởi tâm hướng tới mong cầu địa vị Thanh văn và Độc

giác. Đây là tâm rộng lớn của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường hay phát tâm không khuynh động. Nhờ phát tâm này, nên quyết định có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình. Ở đây, thế nào là tâm không khuynh động? Nghĩa là các Bồ-tát phát tâm như vậy: Ta phải thường dựa vào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, để tu tập và phát khởi tất cả sự nghiệp mà ta đã tu, đã dựng nên mà không kiêu ngạo. Đây gọi là tâm không khuynh động của Bồ-tát. Nếu các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát bình đẳng phát tâm làm lợi ích an vui cho các hữu tình. Do phát tâm này, nên quyết định sẽ thường là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình. Trong đây nói tâm lợi ích an vui của Bồ-tát; nghĩa là các Bồ-tát sinh tâm như vậy: Cho đến tận cùng đời vị lai, ta quyết định phải làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, vì họ mà làm chỗ quay về nương tựa, làm hòn đảo, làm nhà cửa, thường không lìa bỏ họ. Đó là tâm lợi ích an vui của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trụ tâm này thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thường siêng năng tinh tấn ái pháp, nhạo pháp, hân pháp, hỷ pháp. Do yếu tố này, nên quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Trong đây, pháp là tất cả pháp, không có tính sai khác, đó gọi là pháp. Nói ái pháp nghĩa là có ý muốn mong cầu pháp này. Nói nhạo pháp nghĩa là ca ngợi, tán thán công đức của pháp ấy. Nói hân pháp, nghĩa là hoan hỷ, tin nhận pháp ấy. Nói hỷ pháp, nghĩa là ưa muốn, tu tập thật nhiều đối với pháp ấy. Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường ái, nhạo, hân, hỷ, pháp, không phân biệt, không chấp trước, thì quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, an trú pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh thì Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề nói rộng đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, thì Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng Đại hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ Tam-ma-địa như kim cương cho đến trụ Tam-ma-địa vô trước, vô vi, vô nhiễm giải thoát như hư không; thì Đại Bồ-tát ấy quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Thiện Hiện nên biết, các Đại Bồ-tát an trụ những thắng pháp vi diệu này khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quyết định sẽ là bậc Thượng thủ trong chúng đại hữu tình. Vì thế nên gọi Bồ-tát là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, con đã dùng biện tài muốn thuyết về Bồ-tát, do nghĩa này nên gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Tùy ý ông thuyết.

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, vì các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo nên có thể vì hữu tình tuyên thuyết giáo pháp, khiến họ đoạn trừ kiến chấp về ngã, kiến chấp về hữu tình, cho đến kiến chấp về cái biết, kiến chấp về cái thấy, khiến họ đoạn trừ kiến chấp thường, kiến chấp đoạn, kiến chấp hữu, kiến chấp vô, kiến chấp uẩn, xứ, giới, kiến chấp về các Thánh đế kiến và kiến chấp về duyên khởi; khiến họ đoạn trừ kiến chấp về ba mươi bảy pháp Bồ-đề, nói rộng cho đến kiến chấp về mười tám pháp Phật bất cộng, kiến chấp về việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, kiến chấp về sự làm nghiêm tịnh cõi Phật, kiến chấp về Bồ-tát, kiến chấp về Như Lai, kiến chấp về Bồ-đề, kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về chuyển pháp luân. Vì các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì các hữu tình tuyên thuyết giáo pháp, khiến họ đoạn trừ vĩnh viễn tất cả những pháp kiến này. Dựa vào nghĩa này gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Thiện Hiện bèn hỏi Cụ thọ Xá-lợi Tử rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát thường vì hữu tình dùng vô sở đắc làm

phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp để vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp; thì lý do gì lại thấy có sở đắc làm phương tiện khởi lên các kiến uẩn?

Xá-lợi Tử nói:

– Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, dùng hữu sở đắc làm phương tiện khởi lên các uẩn, thì các Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo nên quyết định không thể vì hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào có phương tiện thiện xảo, vì hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên thuyết giáo pháp vĩnh viễn chấm dứt các kiến chấp, thì Bồ-tát ấy quyết định không khởi lên các kiến và uẩn...

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, con đã dùng sự biện tài để nói về Bồ-tát, do nghĩa này nên gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Tùy ý ông nói.

Thiện Hiện thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, vì các Bồ-tát muốn chứng được trí Nhất thiết trí, phát tâm Bồ-đề, tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng với Thanh văn, Độc giác... nhưng không chấp trước các tâm này. Do nghĩa như vậy, nên gọi là Ma-ha-tát. Vì sao? Vì tâm của trí Nhất thiết trí là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Tâm cầu trí Nhất thiết trí cũng là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, đối với tâm này không nên chấp trước, vì thế Bồ-tát được gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Thế nào là tâm không gì sánh bằng của Đại Bồ-tát, tâm không cùng Thanh văn, Độc giác của Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

– Từ khi mới phát tâm, các Đại Bồ-tát không thấy chút pháp nào có sinh, có diệt, có tăng, có giảm, có đến, có đi, có nhiễm, có tịnh. Nếu không thấy pháp có sinh, có diệt, có tăng, có giảm, có đến, có đi, có nhiễm, có tịnh, cũng không thấy có tâm Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát..., thì gọi là tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng

Thanh văn, Độc giác... của các Đại Bồ-tát. Đối với những tâm này, các Đại Bồ-tát cũng chẳng chấp trước.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát không chấp trước những tâm như vậy, thì cũng không nên chấp trước tâm Thanh văn, Độc giác và tâm của tất cả uẩn, xứ, giới, bốn Niệm trụ, rộng nói cho đến tâm của mười tám pháp Phật bất cộng cũng không nên chấp trước. Vì sao? Vì các tâm như thế không có tâm tánh?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Nếu tất cả tâm không có tâm tánh, nên không chấp trước thì uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng không tánh nên không chấp trước ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu tâm của trí Nhất thiết trí là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi; thì tâm của các phàm phu ngu si, của Thanh văn và Độc giác cũng chính là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Vì sao? Vì bản tánh của các tâm như vậy đều là không?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu vì bản tánh của tâm này là không, là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, thì uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chính là chân vô lậu, không đọa vào ba cõi. Vì sao? Vì uẩn, xứ, giới... bản tánh chúng đều là không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu vì pháp tâm và sắc... tánh của nó là vô tâm sắc nên không được chấp trước, thì tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác. Tại sao Như Lai nói tâm sắc... có các loại khác nhau?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đó là Như Lai tùy theo thế tục mà nói, chẳng phải tùy theo thắng nghĩa.

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu pháp tâm, sắc... của các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật đều là Chân vô lậu, không đọa vào ba cõi, thì các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật không có sai khác ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi Tử nói:

–Nếu các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật không sai khác thì tại sao Phật nói có phàm thánh, lớn nhỏ, khác nhau?

Thiện Hiện đáp rằng:

–Đây là Như Lai dựa vào thế tục mà nói, chứ không dựa vào thắng nghĩa. Xá-lợi Tử, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên không chấp trước những tâm đã khởi, như tâm Bồ-đề, tâm không gì sánh bằng, tâm không cùng với Thanh văn, Độc giác... Đối với uẩn, xứ, giới... rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không giữ lấy, không chấp trước. Dựa vào nghĩa này mà gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Mãn Từ Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, con muốn dùng biện tài nói về Bồ-tát. Do ý nghĩa này mà Bồ-tát được gọi là Ma-ha-tát, cúi xin Ngài cho phép.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

–Thầy cứ nói.

Mãn Từ Tử nói:

–Vì các Bồ-tát làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức, vì hướng về quả Đại thừa, vì nương vào Đại thừa nên gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử rằng:

–Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi ích an vui của tất cả hữu tình mà

khoác áo giáp đại công đức?

Mãn Từ Tử đáp:

– Khi tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát không vì lợi ích an vui cho một nhóm hữu tình nào, mà vì lợi lạc của tất cả hữu tình. Khi tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát cũng đều vì như vậy. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức làm lợi lạc hữu tình, không bị giới hạn, không nghĩ rằng: “Ta phải cứu vớt chừng đầy hữu tình vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn; còn một số hữu tình chẳng độ cho họ vào cảnh giới ấy. Hoặc ta phải cứu vớt chừng đầy hữu tình, khiến họ trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột, còn một số hữu tình không độ cho họ được trụ vào quả vị ấy.” Các Đại Bồ-tát luôn luôn cứu vớt tất cả hữu tình nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn và trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, đây là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nghĩ như vậy: “Ta phải tự viên mãn Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và cũng làm cho tất cả hữu tình viên mãn như thế.” Lại nghĩ rằng: “Ta nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa tự trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; tự tu bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, rồi làm cho hữu tình cũng nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa, an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh; cũng tự tu bốn Niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.” Lại nghĩ rằng: “Ta nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn, làm cho hữu tình cũng nương vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn.” Xá-lợi Tử, đây là Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình, mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí mà tu Bồ thí ba-la-mật-đa; không xen lẫn với tác ý của Thanh văn, Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột;

trong lúc bố thí không có sự lẩn tiếc, đó là áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát không khởi tác ý Thanh văn, Độc giác, đó là áo giáp đại công đức của Tịnh giới ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát tín, nhẫn, dục, lạc, tu pháp bố thí, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát tinh tấn, dũng mãnh, không bỏ việc gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức của sự Tinh tấn ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát nhất tâm hướng đến trí Nhất thiết trí, rốt ráo đem lại lợi lạc cho tất cả hữu tình, không xen lẩn tác ý của Thanh văn, Độc giác, đó là áo giáp đại công đức của Tinh lự ba-la-mật-đa; trong khi bố thí, Bồ-tát trụ vào phép quán tưởng như huyễn, không thấy người bố thí, kẻ nhận bố thí, vật bố thí và quả do bố thí, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ thí ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Khi tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa mà không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí mà tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, không xen lẩn tác ý của Thanh văn và Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng và cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu Tịnh giới, đối với các vật sở hữu đều không lẩn tiếc, đó là áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với các bậc Thanh văn và Độc giác còn chẳng mong cầu, hướng gì hàng phàm phu, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với pháp tịnh giới, tín, nhẫn, dục, lạc, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, tinh tấn, dũng mãnh không bỏ sự gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, hoàn toàn dùng tâm đại Bi là trên hết, không hề xen lẩn tác ý của Nhị thừa, hướng gì tâm phàm phu, đó là áo giáp đại công đức Tinh lự ba-la-mật-đa; khi tu Tịnh giới, đối với tất cả pháp, trụ vào phép quán tưởng như huyễn, đối với tịnh giới không ý lại, không sở

đắc, thông đạt bản tánh là không, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, mà không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, mà tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, gìn giữ căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu An nhẫn, vì thành tựu hạnh an nhẫn, đối với thân mạng... không có sự luyến tiếc, đó là áo giáp đại công đức của sự Bố thí ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, không xen lẫn tác ý hạ liệt của Thanh văn và Độc giác, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, đối với pháp an nhẫn tín, nhẫn, dục, lạc, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát tinh tấn, dũng mãnh, không bỏ việc gia hạnh, đó là áo giáp đại công đức của sự Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát phải nhiếp tâm vào một cảnh, dù gặp phải gian khổ nhưng tâm không hề dao động, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khi tu An nhẫn, Bồ-tát trụ vào phép quán như huyễn; vì đức kết giáo pháp của Phật để thành thực chứng hữu tình; quán các pháp là không, không chấp kể oán hại, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí mà không có sự chấp giữ và chứng đắc đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 487

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (6)

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, dùng vô sở đắc làm phương tiện, gìn giữ căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học hạnh khó, hành thí, đó là áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng, gìn giữ tịnh giới, quyết không hủy phạm, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học hạnh khó, hành nhẫn, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học khổ hạnh hữu ích, đó là áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học tĩn lự đẳng chí, đó là áo giáp đại công đức Tĩn lự ba-la-mật-đa; khi tu Tinh tấn, Bồ-tát siêng năng tu học trí tuệ, không chấp giữ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa như vậy, là đã mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa; khi tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, mà đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa không có sự chấp giữ và sự chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hành Tĩn lự ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí để tu Tĩn lự ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu tĩn lự, tĩn tâm hành thí, loạn tâm và sự xan lạn không còn hiện

tiền, đó là áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lực, định tâm hộ giới làm cho các điều ác không còn hiện tiền, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lực, trụ định Từ bi mà tu an nhẫn không gây phiền não cho loài hữu tình, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lực, Bồ-tát an trụ định tĩnh, siêng tu công đức, xa lìa các sự giải đãi, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh tấn ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lực, Bồ-tát nương vào sự tĩnh lực... dẫn phát thắng định, xa lìa tâm nhiễu loạn, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lực ba-la-mật-đa; khi tu tĩnh lực, Bồ-tát nương vào các sự tĩnh lực, dẫn phát thắng tuệ, xa lìa những tâm ác tuệ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Tĩnh lực ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hạnh Tĩnh lực ba-la-mật-đa, dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, mà đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa không có sự chấp giữ và chứng đắc, thì phải biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, khi tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và Độc giác, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tốt; khi tu Bát-nhã, dù đã Bồ thí tất cả nhưng Bồ-tát chẳng hề thấy có người thí, vật thí và người nhận, đó là áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã dù giữ gìn tịnh giới nhưng chẳng thấy có sự sai khác giữa giữ giới và phạm giới, đó là áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, Bồ-tát nương vào tuệ thắng không mà tu an nhẫn, không thấy có người nhẫn và đối tượng để nhẫn, đó là áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, dù quán các pháp rốt ráo đều là không, nhưng vì lòng đại Bi siêng tu thiện pháp, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh tấn ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã, dù đã tu thắng định nhưng quán các cảnh định rốt ráo đều là không, đó là áo giáp đại công đức Tĩnh lực ba-la-mật-đa; khi tu Bát-nhã Bồ-tát quán tất cả pháp, tất cả hữu tình, tất cả hành đều như giấc mộng, như quáng nắng, như ảnh trong gương, như tiếng vang,

như bóng nước, như sự biến hóa, như thành Tâm hương, mà tu các loại trí tuệ nhưng không chấp giữ, đó là áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, thì mặc đủ sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát nào tác ý tưởng ứng trí Nhất thiết trí khi tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà Bồ-tát ấy không chấp giữ và không có sự chứng đắc nơi tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là các Đại Bồ-tát vì lợi lạc của tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát an trụ mỗi Ba-la-mật-đa đều tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, làm cho chúng được viên mãn; vì thế nên gọi là mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tuy nhập vào Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc nhưng các Đại Bồ-tát chẳng đắm vị, cũng chẳng bị thế lực của chúng dắt dẫn, cũng chẳng theo thế lực ấy mà thọ sinh.

Xá-lợi Tử, đấy là Đại Bồ-tát đã mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa và có phương tiện thiện xảo khi tu hạnh Tĩnh lực ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, đối với Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, dù đã trụ vào kiến xa lìa, kiến tịch tĩnh, kiến không, vô tướng, vô nguyện; nhưng các Đại Bồ-tát chẳng chứng thật tế, chẳng đọa vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác mà còn vượt hơn tất cả Thanh văn và Độc giác.

Xá-lợi Tử, đấy là Đại Bồ-tát đã mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa và có phương tiện thiện xảo khi tu hạnh Tĩnh lực ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát vì làm lợi lạc cho tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức như thế, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát vì lợi lạc hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức như thế, nên được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, ở giữa đại chúng, vui mừng khen ngợi rằng: Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên... vì lợi lạc tất cả hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức, đem lại

sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, dạo chơi trong các thần thông, làm việc đáng làm. Tiếng khen như vậy, lần lượt truyền khắp mười phương, trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: “Chẳng bao lâu nữa, Đại Bồ-tát này sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu và sẽ làm cho tất cả hữu tình có được lợi lạc.”

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử rằng:

– Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên hưởng đến quả Đại thừa?

Mãn Từ Tử nói:

– Các Đại Bồ-tát vì lợi lạc tất cả hữu tình, đã mặc sáu loại áo giáp đại công đức Ba-la-mật-đa. Lại vì lợi lạc tất cả hữu tình, Bồ-tát còn ly dục, ly ác, ly pháp bất thiện, nhập vào thiền thứ nhất, an trú đầy đủ hỷ lạc do ly dục sinh, có tâm, có sử.

Rộng nói cho đến lia lạc, lia khổ; diệt hết hỷ ưu đã cảm thọ trước; nhập vào thiền thứ tư, an trú hoàn toàn; không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Lại nương vào sự tĩnh lự, câu khởi tâm Từ, hành tướng rộng lớn không lường, không hai, không oán, không hại, không hận, không náo trộn khắp, khéo tu thắng giải, bao trùm khắp mười phương tận hư không cùng pháp giới, mà an trú hoàn toàn với từ tâm thắng giải. Lại khởi lên tâm Bi, Hỷ, Xả với hành tướng thắng giải mỗi mỗi cũng như vậy. Lại nương vào gia hạnh này, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng; không suy nghĩ các loại tưởng; nhập vô biên không, Không vô biên xứ, an trú đầy đủ; nói rộng cho đến vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ an trú đầy đủ. Đại Bồ-tát ấy, giữ gìn Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hưởng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, vì lợi ích tất cả hữu tình, các Đại Bồ-tát trước là tự an trú Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc như vậy, còn đối với các hành tướng, trạng thái: Nhập, trụ, xuất thì khéo phân biệt, biết được tự tại rồi, lại nghĩ rằng: “Nay ta nên tác ý tương ưng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu; vì đoạn trừ các phiền não của hữu tình

nên giảng nói các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc; phân biệt khai thị, khiến chúng hiểu rõ các định, ái vị, lỗi lầm, xuất ly và các hành tướng, trạng thái của nhập, trụ, xuất; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình chung hưởng bình đẳng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.”

Xá-lợi Tử, đây là Đại Bồ-tát y chỉ vào Tĩnh lực ba-la-mật-đa, tu hạnh Bồ thí ba-la-mật-đa vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi nói về các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, không bị tâm Thanh văn và Độc giác... tạp xen vào; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này; cùng các hữu tình chung hưởng, bình đẳng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát đã y chỉ Tĩnh lực ba-la-mật-đa, tu hạnh Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì lợi lạc các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào, dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi nói về các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với pháp như thế: Tín, nhân, ưa thích, dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lực ba-la-mật-đa, tu hạnh An nhẫn ba-la-mật-đa, vì lợi ích khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi tu các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với các căn lành siêng tu không nghỉ; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lực ba-la-mật-đa, để tu hạnh Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dựa vào các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, hướng đến các định thù thắng như: Đẳng chí, đẳng trì, giải thoát thắng xứ, biến xứ... đối với nhập, trụ, xuất, đều được tự tại, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác... dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ

cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lực ba-la-mật-đa, để tu hành Tĩnh lực ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hưởng đến quả Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi tu các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, lấy đại Bi làm đầu, đối với các Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc và chi của tĩnh lực, dùng hành tướng vô thường, khổ, vô ngã và hành tướng không, vô tướng, vô nguyện, như thật quán sát nhưng không xả bỏ đại Bi, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn căn lành này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ Tĩnh lực ba-la-mật-đa, để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hưởng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi tu Từ định lấy đại Bi làm đầu và nghĩ rằng: “Ta phải cứu giúp tất cả hữu tình, khiến họ được an vui.” Khi tu Bi định, nghĩ như vậy: “Ta phải cứu vớt tất cả hữu tình, làm cho họ xa lìa khổ.” Khi tu Hỷ định, Bồ-tát nghĩ như vậy: “Ta phải khuyến khích tất cả hữu tình, đều được giải thoát.” Khi tu Xả định, Bồ-tát nghĩ như vậy: “Ta phải bình đẳng làm lợi ích cho tất cả hữu tình, khiến họ diệt hết các lậu; dùng vô sở đắc làm phương tiện, giữ gìn thiện căn này, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.” Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hưởng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, quyết không cầu quả Thanh văn... chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột, muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình cho đến đời vị lai. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hưởng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, không xen lẫn tác ý Thanh văn và Độc giác, chỉ tín, nhẫn, ưa thích quả vị Giác ngộ cao tột; giữ gìn căn lành này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi

Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, đều lấy đại Bi làm đầu, siêng đoạn trừ các ác, siêng tu các thiện, cầu quả Bồ-đề không hề tạm nghỉ, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, hướng đến các loại đẳng trì, đẳng chí, trong các định này được đại tự tại, không bị định ấy dắt dẫn, cũng không lệ thuộc thế lực đó mà thọ sinh, giữ gìn căn lành dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc cho các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, khi nhập, trụ, xuất bốn Vô lượng, lấy đại Bi làm đầu, dùng hành tướng vô thường, khổ, vô ngã và hành tướng không, vô tướng, vô nguyện, như thật quán sát nhưng không lìa bỏ đại Bi, không đọa Thanh văn và bậc Độc giác... giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy y chỉ vô lượng để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì lợi lạc các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nương vào các phương tiện thiện xảo như vậy, tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, vì lợi lạc khắp các hữu tình, nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tu tất cả pháp môn như: bốn Niệm trụ, ba mươi bảy pháp phân Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát cho đến mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-

tất ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp không bên trong đẳng trí và chân như đẳng trí, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả pháp bình đẳng phát khởi trí chẳng phải loạn, chẳng phải định; trí chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; trí chẳng phải vui, chẳng phải khổ; trí chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; trí chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; trí chẳng phải không, chẳng phải bất không; trí chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; trí chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; trí chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; trí chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; trí chẳng phải chân thật, chẳng phải hư giả, giữ gìn căn lành, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, khởi lên diệu tri, không hành quá khứ, hiện tại vị lai, chẳng phải vì không biết pháp ba đời; không hành Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, chẳng phải vì không biết pháp trong ba cõi; không hành thiện, bất thiện và vô ký, chẳng phải vì không biết pháp của ba tánh; không hành hữu lậu, vô lậu, chẳng phải vì không biết pháp hữu lậu, vô lậu; không hành thế gian và xuất thế gian, chẳng phải vì không biết pháp thế gian và xuất thế gian; không hành hữu vi, vô vi, chẳng phải vì không biết pháp hữu vi và vô vi; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện; cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì lợi lạc tất cả hữu tình nên hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, bởi các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo như vậy, làm lợi lạc khắp các hữu tình nên hướng đến Đại thừa, cho nên còn

gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, vì lợi lạc khắp các hữu tình mà hướng đến Đại thừa như vậy; các Đại Bồ-tát được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật; ở giữa đại chúng, vui mừng khen ngợi rằng: “Ở phương đó, trong thế giới nọ, có Đại Bồ-tát tên đó, vì lợi lạc khắp tất cả hữu tình hướng đến Đại thừa, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, du hý thần thông, làm những việc đáng làm.” Tiếng khen như vậy, lần lượt truyền khắp mười phương trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: “Chẳng bao lâu nữa, Đại Bồ-tát này sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu, làm cho tất cả hữu tình đều được lợi lạc.”

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Mãn Từ Tử rằng:

– Thế nào là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình mà tu tập bằng pháp Đại thừa?

Mãn Từ Tử nói:

– Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuy tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bồ thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng được thấy Bồ-tát, người nhận, vật bố thí và pháp bị ngăn. Tuy tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tịnh giới ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát và người phạm giới cùng pháp bị ngăn. Tuy tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, cảnh bị nhẫn và pháp đã ngăn. Tuy tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tinh tấn ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, kẻ giải đãi và pháp bị ngăn. Tuy tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, kẻ tán loạn và pháp ngăn che cảnh định. Tuy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy Bồ-tát, người ngu si và pháp ngăn cảnh trí tuệ. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện. Vì tu hành lâu dài nên tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải

thoát cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện; như thật quán sát các Đại Bồ-tát chỉ là giả danh, Bồ-đề Tát-đỏa tự tánh là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc cho đến thức chỉ có giả danh; tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến thật tế chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Bồ-đề, Phật-đà chỉ có giả danh, tự tánh đều là không vì chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì lợi lạc khắp các hữu tình nên tu tập bằng pháp Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm đến khi chứng được trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường tu viên mãn thần thông của Bồ-tát, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, ở chỗ chư Phật lãnh thọ chánh pháp, chánh pháp ấy gọi là diệu pháp tương ưng Đại thừa; cũng chính là giáo pháp quan trọng mà Bồ-tát đã học.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này tuy tu hành Đại thừa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, lãnh thọ chánh

pháp của các Đức Phật, nhưng tâm hoàn toàn không tưởng cội Phật khác.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này trụ địa vị Bất nhị, quán các hữu tình, đáng dùng thân nào mà độ được họ, liền hiện thân ấy.

Xá-lợi Tử cho đến khi chứng được trí Nhất thiết trí, Đại Bồ-tát này dù sinh chỗ nào thường không xa lìa chánh pháp Đại thừa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này chẳng bao lâu sẽ chứng được trí Nhất thiết trí, vì trời, người chuyển bánh xe chánh pháp. Bánh xe pháp này Thanh văn, Độc giác, chư Trời, Ma, Phạm, A-tố-lạc... không thể chuyển được.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát vì lợi lạc khắp các hữu tình nên tu tập theo pháp Đại thừa cho nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, vì lợi lạc khắp các hữu tình mà hướng đến Đại thừa như thế, nên Đại Bồ-tát được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật; ở giữa đại chúng vui mừng, khen ngợi rằng: “Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên đó vì lợi lạc khắp tất cả hữu tình mà tu tập theo pháp Đại thừa. Chẳng bao lâu, vị ấy sẽ chứng trí Nhất thiết trí, vì trời, người... chuyển bánh xe chánh pháp. Bánh xe pháp ấy ở thế gian, hàng Thanh văn không thể chuyển được.” Tiếng khen như vậy lần lượt truyền khắp mười phương. Trời, người nghe được đều rất vui mừng, đồng nói rằng: Chẳng bao lâu, Đại Bồ-tát này sẽ chứng được trí Nhất thiết trí chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn dạy, các Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa. Như vậy, trong trường hợp nào thì nói các Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa?

Phật bảo Thiện Hiện:

– Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến áo giáp Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp bốn Niệm trụ cho đến áo giáp tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào mặc áo giáp pháp không bên trong cho đến áo giáp pháp không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại

thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp chân như cho đến áo giáp thật tế: Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp mười lực của Như Lai cho đến áo giáp mười tám pháp Phật bất cộng thì Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng: Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Đại Bồ-tát nào có thể tự biến thân, như hình dạng Phật, phóng đại quang minh, chiếu khắp thế giới ba lần ngàn cho đến mười phương hằng hà sa thế giới của chư Phật, cùng các hữu tình làm nhiều lợi ích thì Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào mặc áo giáp các công đức như vậy, phóng đại quang minh chiếu khắp thế giới ba lần ngàn cho đến mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, cũng làm cho các thế giới biến động theo sáu cách, làm nhiều lợi ích cùng các hữu tình; nghĩa là diệt lửa dữ trong tất cả địa ngục, khiến cho hữu tình chấm dứt các khổ. Bồ-tát biết họ hết khổ rồi, hóa ra âm thanh quy y Phật to lớn, khiến họ kính lễ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, làm cho cảnh giới địa ngục kia nghe được tiếng ấy của Phật, thân tâm họ đều được an ổn, vui vẻ. Ra khỏi địa ngục, sinh vào cõi trời, người; phụng sự chư Phật Bồ-tát trong thế giới ấy, cũng khiến cho tất cả các loài bàng sinh, ngạ quỷ nghe tiếng Phật rồi, thâm tâm an vui. Từ cõi thú, chết được sinh vào trời, người, phụng sự chư Phật, Bồ-tát trong thế giới ấy. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyền thuật giỏi hoặc học trò người ấy; ở một ngã tư đường, trước mặt công chúng; hóa ra cảnh giới địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ; rồi lại khen ngợi Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, làm cho ba ác thú nghe rồi thâm tâm an lạc. Từ cõi thú kia, chết được sinh vào trời, người. Ý ông thế nào? Việc huyền hóa ấy là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

– Các Đại Bồ-tát cũng như thế. Tuy làm cho các hữu tình trong

vô biên, vô số thế giới thoát ba ác thú, nhưng không thấy có hữu tình được giải thoát. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào có thể mặc áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa; biến hóa thế giới ba lần ngàn giống như phê-lưu-ly; tự thân hóa làm Chuyển luân thánh vương; quyền thuộc hoàn toàn được đầy đủ bảy báu. Đối với các loài hữu tình, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục cho y phục, cần xe cho xe, cần các vật dụng khác đều thí cho. Bồ thí như vậy rồi, tùy theo sự thích nghi của họ mà thuyết giảng pháp tương ứng như Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; khiến cho họ nghe rồi, thường không lìa bỏ pháp Ba-la-mật-đa tương ứng cho đến khi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đê tử vị ấy, ở ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa làm các loài hữu tình nghèo cùng; tùy ý họ, cần gì đều hóa ra để bố thí. Ý ông thế nào? Việc huyễn này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Có thể mặc áo giáp đại công đức Bồ thí ba-la-mật-đa, hoặc hóa ra thế giới như phê-lưu-ly; hoặc hóa tự thân ngự ngôi vị Luân vương, tùy theo hữu tình cần gì thì ban cho thứ ấy; rồi vì họ mà thuyết giảng pháp Ba-la-mật-đa tương ứng. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng không có gì là thật cả. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn cả.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa. Vì hữu tình nên sinh vào nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương giàu sang tự tại; an lập vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng nơi mười nẻo nghiệp thiện, hoặc bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, rồi cũng vì họ mà thuyết giảng pháp công đức tương ứng như vậy, khiến cho họ an trú, thường không lìa bỏ cho đến khi đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyền thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở giữa ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra vô lượng trăm ngàn hữu tình, làm cho họ an trú mười nẻo nghiệp thiện, rộng nói cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Ý ông thế nào? Việc huyền này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì hữu tình nên sinh vào nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương giàu sang tự tại; an lập vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng nơi mười nẻo nghiệp thiện; nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyền cả.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa, rồi khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa và khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm đến khi chứng trí Nhất thiết trí, mặc áo giáp an nhẫn, thường nghĩ rằng: “Giả sử tất cả loài hữu tình đều cầm dụng cụ độc ác như dao, gậy... đến gây hại mình. Ta quyết không khởi lên một niệm giận hờn nào, mà còn khuyến các hữu tình cùng tu an nhẫn này.” Thiện Hiện, những điều mà Đại Bồ-tát này nghĩ đều được thành tựu cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng lìa bỏ an nhẫn này và cũng khiến cho các hữu tình cùng tu an nhẫn như vậy. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyền thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người; hóa ra các loài hữu tình, hoặc cầm dụng cụ ác tàn hại lẫn nhau; hoặc có khuyên nhau cùng tu pháp an nhẫn. Ý ông thế nào? Việc huyền như vậy có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật!

Phật dạy:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tự mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa; rồi khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, hướng đến tinh tấn thân tâm bằng nhiều cách, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, cũng hướng đến tinh tấn thân tâm bằng nhiều cách.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa. Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, tự tu, tinh tấn và khuyên người khác cũng tu tinh tấn. Ý ông thế nào? Việc huyễn này có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự tu tinh tấn, rồi khuyên hữu tình cùng tu tinh tấn; như vậy Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn cả.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trụ trong tánh bình đẳng của tất cả

pháp; không thấy các pháp có định, có loạn; thường tu tập Tĩnh lự ba-la-mật-đa như vậy; cùng khuyên hữu tình tu tập tĩnh lự và bình đẳng này; cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột cũng không lìa bỏ tu bình đẳng và tĩnh lự này. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người; hóa ra các loài hữu tình, tự tu các pháp tĩnh lự, bình đẳng; cũng khuyên chúng tu tĩnh lự ấy. Ý ông thế nào? Việc huyễn này là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Trụ trong tánh bình đẳng của tất cả pháp; cũng khuyên hữu tình tu định này; như vậy, Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tự mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa, cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến họ cũng mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trụ nơi không hý luận của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng chứng bờ này, bờ kia và sự nhiễm tịnh, sai khác của các pháp; cùng khuyên vô lượng trăm ngàn hữu tình an trụ trí tuệ vô hý luận như vậy. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy; ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, rồi khiến cho họ trụ vào trí tuệ không hý luận; rồi cùng khiến họ khuyên người khác trụ trí tuệ như vậy. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa này là có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tự bản thân có thể an trụ trí tuệ không hý luận, cùng khuyên hữu tình trụ vào tuệ này; như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói; quán sát tất cả hữu tình trong mười phương hằng hà sa thế giới của chư Phật; nếu các hữu tình lãnh thọ tà pháp, hành các ác hạnh, thì Đại Bồ-tát này dùng sức thần thông tự biến thân mình hiện khắp các thế giới chư Phật ấy; tùy theo hữu tình muốn gì, liền thị hiện, để hành Bồ thí ba-la-mật-đa, cũng khuyên người khác hành Bồ thí ba-la-mật-đa. Cứ như vậy cho đến tự hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, rồi cùng khuyên người khác hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Làm việc này rồi, tùy theo âm thanh của chúng mà nói pháp tương ứng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, khiến chúng nghe rồi, đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tốt cũng không lìa bỏ diệu pháp này. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra các loài hữu tình, khiến họ tự an trú Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; rồi cũng khiến người khác trú vào Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ý ông thế nào? Việc huyễn hóa này là có thật không?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải thật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Ở khắp mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, các Bồ-tát tự thị hiện thân, tùy theo sự thích nghi mà an trụ Bồ thí... Sáu pháp Ba-la-mật-đa thường chẳng lìa bỏ. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh, tướng các pháp đều như huyễn.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói, dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, làm lợi ích an vui tất cả hữu tình, không xen lẫn tác ý của Thanh văn và bậc Độc giác. Đại Bồ-tát chẳng được nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến họ trụ vào Bồ thí ba-la-mật-đa; còn một số hữu tình, không nên an

lập, để trụ vào Bồ thí ba-la-mật-đa.” Chỉ được nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến họ trụ vào Bồ thí ba-la-mật-đa.” Cứ như vậy cho đến không nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến họ trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa; còn một số hữu tình, không nên an lập để họ trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa.” Chỉ nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa.” Không nên nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ vào pháp không bên trong, còn một số hữu tình chẳng nên an lập để họ trụ vào pháp không bên trong.” Chỉ nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ pháp không bên trong.” Cứ như vậy cho đến không nên nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình khiến họ trụ vào pháp không không tánh tự tánh; còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào pháp không không tánh tự tánh.” Chỉ được nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào pháp không không tánh tự tánh.” Không nên nghĩ: “Ta chỉ an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ vào ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề; còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.” Chỉ nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Chẳng được nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ ba pháp môn giải thoát, còn một số hữu tình không nên an lập để họ trụ vào ba pháp môn giải thoát.” Chỉ nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến không nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; còn một số hữu tình, không nên an lập khiến chúng trụ mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.” Chỉ nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Không được nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề, còn một số hữu tình, thì không an lập chúng không khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề.” Chỉ được nghĩ: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ quả Dự lưu cho đến Độc

giác Bồ-đề.” Không nghĩ rằng: “Ta nên an lập một số hữu tình, khiến chúng trụ quả vị Giác ngộ cao tột, còn một số hữu tình, không nên an lập khiến chúng trụ quả vị Giác ngộ cao tột.” Chỉ được nghĩ rằng: “Ta phải an lập vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, khiến chúng trụ vào quả vị Giác ngộ cao tột.”

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát mặc giáp Đại thừa. Thiện Hiện, như nhà huyền thuật giỏi hoặc đệ tử vị ấy, ở ngay ngã tư đường, trước mặt mọi người, hóa ra vô số, vô lượng hữu tình khiến chúng trụ sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Ý ông thế nào? Việc huyền hóa ấy là có thật chăng?

Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn, chẳng thật.

Phật dạy:

–Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Dùng trí Nhất thiết trí để tác ý tương ưng, lấy đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện; an lập vô số, vô lượng hữu tình, khiến chúng trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến quả vị Giác ngộ cao tột. Như vậy, Bồ-tát tuy có hành động, nhưng chẳng có gì là thật. Vì sao? Vì tánh và tướng các pháp đều như huyền.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 488

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (7)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, theo con hiểu, nghĩa của Ngài đã dạy, các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp công đức, thì phải biết đó là mặc áo giáp Đại thừa. Vì tất cả pháp, tự tướng nó là không. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc, tướng của sắc là không; cho đến thức và tướng của thức là không; nhãn xứ và tướng của nhãn xứ là không; cho đến ý xứ, tướng ý xứ là không. Sắc xứ và tướng sắc xứ là không; cho đến pháp xứ, tướng pháp xứ là không. Nhân giới, tướng của nhân giới là không; cho đến ý giới, tướng của ý giới là không. Sắc giới và tướng của sắc giới là không; cho đến pháp giới và tướng của pháp giới là không. Nhân thức giới và tướng của nhân thức giới là không; cho đến ý thức giới và tướng của ý thức giới là không. Nhân xúc và tướng của nhân xúc là không; cho đến ý xúc và tướng của ý xúc là không. Các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra và tướng của các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều là không. Bồ thí ba-la-mật-đa và tướng Bồ thí ba-la-mật-đa là không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Pháp không bên trong, tướng pháp không bên trong là không; cho đến pháp không không tánh tự tánh và tướng của pháp không không tánh tự tánh là không. Bốn Niệm trụ và tướng bốn Niệm trụ là không; cho đến tám chi Thánh đạo và tướng của tám chi Thánh đạo là không là không. Như vậy cho đến mười lực của Như Lai và tướng mười lực của Như Lai là không; cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tướng của mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không. Đại Bồ-tát và tướng của Đại Bồ-tát là không. Mặc áo giáp của đại công đức đều là không. Bạch Thế Tôn, do yếu tố này, nên các Đại Bồ-tát

không mặc áo giáp đại công đức tức là mặc áo giáp đại công thừa vậy.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như những điều ông đã nói! Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không tạo, không tác. Tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác. Các phiền não kia không tạo, không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật rằng:

–Bach Thế Tôn, vì duyên gì mà trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác, các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Phật dạy Thiện Hiện:

–Vì các tạo tác ấy là chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác. Vì sao? Thiện Hiện, sắc cho đến thức chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc cho đến thức rốt ráo vẫn là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc xứ cho đến pháp xứ rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ giới cho đến ý giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhĩ giới cho đến ý giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc giới cho đến pháp giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc

làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Ngã cho đến cái thấy, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Mộng, huyễn hóa, tiếng vang, quáng nắng, ảnh trong gương, như sự biến hóa, thành Tầm hương... chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì mộng cho đến thành Tầm hương rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Nói rộng cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo vẫn là chẳng thể nắm bắt được. Chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì chân như cho đến thật tế rốt ráo cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Trí

Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo; chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng rốt ráo cũng là chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện, do yếu tố này nên trí Nhất thiết trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác, các phiền não kia cũng không tạo, không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa. Thiện Hiện, do nghĩa này nên các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp công đức cũng phải biết đó là mặc áo giáp Đại thừa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, như con hiểu nghĩa lời Phật nói, thì sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Khi ấy Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

– Tôn giả nói sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở ư?

Thiện Hiện đáp:

– Đúng vậy, đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi:

– Những sắc cho đến thức nào không trói buộc, không cởi mở?

Thiện Hiện đáp:

– Như mộng cho đến thành Tầm hương, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như vậy là không sở hữu, là xa lìa, là vắng lặng, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, trong quá khứ sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong vị lai, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong hiện tại, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như thế là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là thiện, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là bất thiện, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là vô ký, không trói buộc, không cởi mở.

Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc và không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là có tội, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là không tội, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là hữu lậu, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là vô lậu, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là thế gian, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là xuất thế gian, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, sắc cho đến thức là tạp nhiễm, không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức là thanh tịnh, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả pháp cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là

không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp không bên trong... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả bốn Niệm trụ... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như vậy cho đến mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả mười lực của Phật... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các trí này là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả hạnh của Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các hạnh của Đại Bồ-tát là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật

không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa Mãn Từ Tử, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế cũng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân như... là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, đối với pháp môn vi diệu, không trói buộc, không cởi mở này, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên như thật biết.

Mãn Từ Tử, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở như vậy, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện và siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa cho đến trí Nhất thiết tướng, không trói buộc, không cởi mở này, các Đại Bồ-tát phải chánh an trụ.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện nên đem lại sự thành tựu cho hữu tình nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên làm nghiêm tịnh cõi Phật nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên thân cận cúng dường chư Phật nhưng không trói buộc, không cởi mở; nên ghi nhận pháp môn nhưng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát này thường không xa lìa chư Phật

nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa thân thông nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa năm loại mắt nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni nhưng không trói buộc, không cởi mở; thường không xa lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhưng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát này nhất định sẽ khởi lên trí Đạo tướng nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ chứng trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ chuyển pháp luân nhưng không trói buộc, không cởi mở; nhất định sẽ dùng pháp yếu Tam thừa nhưng không trói buộc, không cởi mở; an lập các loài hữu tình nhưng không trói buộc, không cởi mở; khiến chúng chứng Niết-bàn cứu cánh nhưng cũng không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát nào tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mà không trói buộc, không cởi mở thì có thể chứng tất cả pháp tánh cũng không trói buộc, không cởi mở, vì tất cả đều là không sở hữu, là xa lìa, là tịch tĩnh, là không tướng, là không tác, là không sinh, là không diệt, là không nhiễm, là không tịnh, nên không trói buộc, không cởi mở. Mãn Từ Tử, nên biết Đại Bồ-tát ấy được gọi là người mặc áo giáp Đại thừa không trói buộc, không cởi mở. Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả vị Giác ngộ cao tốt, có thể làm lợi ích an vui cho các hữu tình cho đến đời vị lai.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát? Như thế nào để các Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Đại thừa này, từ chỗ nào ra, đến trụ nơi nào? Đại thừa này an trụ chỗ nào? Ai đi bằng Đại thừa này để xa lìa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Câu hỏi trước tiên của ông: “Những gì gọi là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát”, Thiện Hiện nên biết, sáu pháp Ba-la-mật-đa là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát. Sáu pháp đó là gì? Một là Bố thí ba-la-mật-đa. Hai là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Ba là An nhẫn ba-la-mật-đa. Bốn là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Sáu là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế nào gọi là Bồ thí ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự xả tất cả sở hữu trong và ngoài, cũng khuyên người khác xả các vật trong và ngoài, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Đó là Bồ thí ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tịnh giới ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự thọ trì mười nẻo nghiệp thiện, cũng khuyên người thọ trì mười nẻo nghiệp thiện, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Đó là Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Thế nào là An nhẫn ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự đầy đủ an nhẫn tăng thượng, cũng khuyên người khác đủ an nhẫn tăng thượng; giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Đó là An nhẫn ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tinh tấn ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, đối với năm pháp Ba-la-mật-đa siêng tu không xả bỏ, cũng khuyên người khác siêng tu chẳng bỏ năm pháp Ba-la-mật-đa, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Đó là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Thế nào là Tĩnh lự ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự dùng phương tiện thiện xảo nhập vào các Tĩnh lự, không tùy theo thế lực của các định kia mà thọ sinh, cũng khuyên người khác dùng phương tiện thiện xảo nhập vào các Tĩnh lự, không theo thế lực của định kia mà thọ sinh, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tốt. Đó là Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

–Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ứng trí Nhất thiết trí, lấy đại Bi làm đầu, tự như thật quán

sát tất cả pháp tánh. Không chấp giữ các pháp tánh, cũng khuyên người khác như thật quán sát tất cả pháp tánh, không chấp giữ các pháp tánh, giữ gìn căn lành này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung hưởng, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát ấy là những gì gọi là pháp không bên trong, không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không bản tánh, không tự tướng, không nơi tất cả pháp, không không tánh, không không tánh tự tánh.

Thế nào là không bên trong? Bên trong là pháp bên trong; tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nên biết trong đấy, mất do mất không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Cứ như thế cho đến, ý do ý không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Đó là không bên trong.

Thế nào là không bên ngoài? Bên ngoài là pháp bên ngoài; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Nên biết trong đấy, sắc do sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Cứ như thế cho đến, pháp do pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Đó là không bên ngoài.

Thế nào là không cả trong ngoài? Bên trong, bên ngoài là pháp bên trong lẫn bên ngoài; tức là sáu xứ bên trong và sáu xứ bên ngoài; nên biết trong đấy, pháp bên trong do pháp bên ngoài không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Nghĩa là đối với sáu xứ bên trong do sáu xứ bên ngoài không. Pháp bên ngoài do pháp bên trong không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy, nghĩa là đối với sáu xứ bên ngoài do sáu xứ bên trong không. Đó là không cả trong ngoài.

Thế nào là đại không? Đại là mười phương. Trong đây, nên biết phương Đông do phương Đông không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cứ như thế cho đến hạ phương do hạ phương không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là đại không.

Thế nào là không không? Không trong đây là tất cả pháp không. Không đây lại do không không nên không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không.

Thế nào là không thắng nghĩa? Trong đây, thắng nghĩa tức là Niết-bàn; nên biết Niết-bàn do Niết-bàn không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không thắng nghĩa.

Thế nào là không hữu vi? Trong đây, hữu vi tức là ba cõi; nên biết cõi Dục do cõi Dục không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cõi Sắc và cõi Vô sắc do cõi Sắc và Vô sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không hữu vi.

Thế nào là không vô vi? Vô vi là pháp không sinh, không biến đổi, không diệt. Nên biết vô vi do vô vi không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không vô vi.

Thế nào là không rốt ráo? Rốt ráo nghĩa là pháp rốt ráo chẳng thể nắm bắt được. Nên biết rốt ráo do rốt ráo không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không rốt ráo.

Thế nào là không không biên giới? Không biên giới là không có khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau có thể nắm bắt được. Pháp nào không có khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau có thể nắm bắt được thì pháp ấy không có chỗ đến, cũng không có chỗ đi. Nên biết không biên giới do không biên giới là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không biên giới.

Thế nào là không không tản mạn? Tản mạn nghĩa là các pháp có phóng, có bỏ, có xả, có thể nắm bắt được. Pháp nào không phóng, bỏ, xả, có thể nắm bắt được thì gọi là không tản mạn. Trong đây không tản mạn do không tản mạn là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không tản mạn.

Thế nào là bản tánh không? Bản tánh là tất cả pháp, hoặc tánh hữu vi hoặc tánh vô vi. Bản tánh này chẳng phải do Thanh văn làm, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải chư Phật tạo ra, cũng chẳng phải do ai khác tạo ra, mà tánh của nó là như vậy, nên gọi là bản tánh. Nên biết bản tánh do bản tánh là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy.

Đó là bản tánh không.

Thế nào là tướng không? Tướng là tướng chung và tướng riêng của các pháp. Trong đấy, nên biết tướng do tướng không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là tướng không.

Thế nào là không nơi tất cả pháp? Tất cả pháp là sắc cho đến thức; nhãn đến ý; sắc đến pháp; nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi gọi là tất cả pháp. Trong đấy, tất cả pháp do tất cả pháp là không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không nơi tất cả pháp.

–Thế nào là không không tánh? Trong đấy, không tánh là không có chút tánh nào có thể nắm bắt được. Nên biết, không tánh do không tánh là không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là không không tánh.

–Thế nào là không không tánh tự tánh? Không tánh tự tánh là trong tất cả pháp không pháp nào có thể hòa hợp, nếu tánh có chỗ hòa hợp, là vì tự tánh các duyên mà sinh. Nên biết, không tánh tự tánh do không tánh tự tánh là không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tánh do hữu tánh không. Vô tánh do vô tánh không. Tự tánh do tự tánh không. Tha tánh do tha tánh không.

Thế nào là hữu tánh do hữu tánh không? Hữu tánh là pháp hữu vi, tức là năm uẩn. Như vậy, hữu tánh do hữu tánh không, vì sắc... năm uẩn là chẳng thể nắm bắt được, vì tánh không sinh.

Thế nào là vô tánh do vô tánh không? Vô tánh là pháp vô vi. Trong đấy, pháp vô vi do pháp vô vi không, tức là không tánh do không tánh không.

Thế nào là tự tánh do tự tánh không? Nghĩa là tự tánh của tất cả các pháp đều là không không. Ở đây, chẳng phải do trí tạo ra, chẳng phải do kiến tạo ra, cũng chẳng phải do pháp nào khác làm ra; nên nói tự tánh do tự tánh không.

–Thế nào là tha tánh do tha tánh không? Nghĩa là tất cả pháp,

dù Như Lai ra đời hoặc không ra đời, thì pháp trụ, pháp định, pháp giới, chân như, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, thật tế, pháp vẫn là như vậy; bởi tha tánh không nên nói tha tánh do tha tánh không.

Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của ác Đại Bồ-tát là Kiện hành Tam-ma-địa, Bảo ấn Tam-ma-địa, Sư tử du hý Tam-ma-địa, Diệu nguyệt Tam-ma-địa, Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa, Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa, Quán đỉnh Tam-ma-địa, pháp giới quyết định Tam-ma-địa, Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cang dụ Tam-ma-địa, Nhập pháp ấn Tam-ma-địa, Đăng trì vương Tam-ma-địa, Thiện an lập Tam-ma-địa, Phóng quang Tam-ma-địa, Lực chúng Tam-ma-địa, Đăng dũng Tam-ma-địa, Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa, Đăng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa, Quán phương Tam-ma-địa, Trì ấn Tam-ma-địa, Vô vong thất Tam-ma-địa, Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa, Biến phú hư không Tam-ma-địa, Kim cang luân Tam-ma-địa, Vô lượng quang Tam-ma-địa, Vô trước vô chướng Tam-ma-địa, Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa, Xả bảo Tam-ma-địa, Biến chiếu Tam-ma-địa, Bất tuân Tam-ma-địa, Vô tướng trụ Tam-ma-địa, Bất tư duy Tam-ma-địa, Vô cấu đặng Tam-ma-địa, Vô biên quang Tam-ma-địa, Phát quang Tam-ma-địa, Phổ chiếu Tam-ma-địa, Tịnh kiên Tam-ma-địa, Vô cấu quang Tam-ma-địa, Phát diệu lạc Tam-ma-địa, Điển đặng Tam-ma-địa, Vô tận Tam-ma-địa, Cụ oai quang Tam-ma-địa, Ly tận Tam-ma-địa, Tịnh nguyệt Tam-ma-địa, Tịnh quang Tam-ma-địa, Vô động Tam-ma-địa, Phát minh Tam-ma-địa, Ứng tác bất ứng tác Tam-ma-địa, Trí tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cang man Tam-ma-địa, Trụ tâm Tam-ma-địa, Phổ minh Tam-ma-địa, Thiên trụ Tam-ma-địa, Bửu tích Tam-ma-địa, Diệu pháp ấn Tam-ma-địa, Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Xả ái lạc Tam-ma-địa, Pháp dũng mãn Tam-ma-địa, Phiêu tán Tam-ma-địa, Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa, Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa, Ly văn tự tướng Tam-ma-địa, Đoạn sở duyên Tam-ma-địa, Vô biến dị Tam-ma-địa, Tam-ma-địa, Vô phẩm loại Tam-ma-địa, Nhập danh tướng Tam-ma-địa, Vô tướng hành Tam-ma-địa, Ly ế ám Tam-ma-

địa, Cụ hành Tam-ma-địa, Bất biến động Tam-ma-địa, Độ cảnh giới Tam-ma-địa, Ly tập chúng đức Tam-ma-địa, Quyết định trụ Tam-ma-địa, Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa, Cụ giác chi Tam-ma-địa, Vô biên biện Tam-ma-địa, Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa, Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa, Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa, Tán do dự Tam-ma-địa, Vô sở trụ Tam-ma-địa, Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa, Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa, Nhất hành tướng Tam-ma-địa, Ly hành tướng Tam-ma-địa, Diệu hành tướng Tam-ma-địa, Đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa, Bảo kiên cố Tam-ma-địa, Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa, Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa, Cự xí nhiên Tam-ma-địa, Nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa, Vô tiêu xí Tam-ma-địa, Cụ diệu tướng Tam-ma-địa, Bất ỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa, Vô tận hành tướng Tam-ma-địa, Cụ tổng trì Tam-ma-địa, Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa, Tức vi thuận Tam-ma-địa, Ly ái tắng Tam-ma-địa, Vô cấu minh Tam-ma-địa, Cụ kiên cố Tam-ma-địa, mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa, Đại trang nghiêm Tam-ma-địa, Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa, Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Vi ly trần cấu Tam-ma-địa, hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa, Vô sào huyệt, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa, Quyết định an trụ chân như Tam-ma-địa, Ly thân, ngữ, ý uế ác Tam-ma-địa, Như hư không Tam-ma-địa, Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa, có vô lượng trăm ngàn Tam-ma-địa như thế. Đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, trong đấy, vì sao gọi là Kiện hành Tam-ma-địa? Nghĩa là khi trụ Tam-ma-địa này, thì tất cả đều có thể lãnh thọ hành xứ các định, nên gọi là Kiện hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ấn hành tướng sai khác của các định, nên gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ du hý tự tại đối với các đẳng trì, nên gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, như trăng tròn chiếu khắp các định, nên gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể giữ gìn tướng cờ các định, nên gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất thiết pháp dừng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể vọt ra khỏi tất cả thắng định, nên gọi là Nhất thiết pháp dừng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán sát đến đỉnh các thắng định, nên gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quyết định chiếu rõ pháp giới, nên gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quyết định sẽ nắm được tướng cờ các định, nên gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang dụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quật ngã các định mà chẳng bị định kia quật lại, nên gọi là Kim cang dụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ngộ nhập khắp tất cả pháp ấn, nên gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đăng trì vương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì được tự tại ở trong các định, nên gọi là Đăng trì vương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể khéo an lập đối với Đăng trì vương, nên gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phóng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể khai phát ánh sáng ở các định, nên gọi là Phóng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Lực chúng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra nhiều thế lực các định, nên gọi là Lực chúng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đăng dừng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì khiến cho các thắng định bình đẳng dừng xuất, nên gọi là

Đẳng dưng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì chắc chắn có thể nhập định ngôn từ, nên gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì bình đẳng ngộ nhập các định danh, giải thích lý thú, nên gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán phương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán chiếu các định phương, nên gọi là Quán phương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trì ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể giữ trọn diệu ấn các định, nên gọi là Trì ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không quên mất tướng các định, nên gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể khiến cho các thắng định bình đẳng hướng vào, như biển cả thu nhận các dòng sông, nên gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thì có thể biến khắp để che chở các đẳng trì, như hư không, không lựa riêng chỗ nào, nên gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể trụ trì tất cả thắng định, khiến không tán hoại như Kim cang luân, nên gọi là Kim cang luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ phóng vô lượng tia sáng chiếu khắp các loài hữu tình, khiến chúng nhớ nghĩ đến pháp đã từng lãnh thọ và làm các việc nhiều ích lớn, nên gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ xa lìa các sự nhiễm đấm và tất cả chướng ngại, nên gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chứng được lý không sinh đối với tất cả pháp,

khiến chấm dứt khổ sinh tử, chẳng còn tiếp nối nữa, nên gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả bảo Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tướng các định còn xả bỏ, hướng gì các phiền não và tướng các pháp mà lại chẳng bỏ ư, thế nên gọi là Xả bảo Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chiếu khắp các định, khiến chúng được rục rở, nên gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất tuân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không có sự mong cầu đối với tất cả pháp, nên gọi là Bất tuân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy trong các định có một pháp nhỏ nào đáng trụ, nên gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tất cả pháp tâm và tâm sở thấp kém đều không lay chuyển, nên gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này như cầm đèn sáng soi rõ các định, nên gọi là Vô cấu đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra đại quang minh, chiếu khắp không trừ bờ mé nào, nên gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phát ra quang minh thủng định khắp cả, không sót chỗ nào, nên gọi là Phát quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì lúc nào cũng có thể chiếu khắp các cửa thủng định, nên gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt được tánh thanh tịnh và bình đẳng của các đẳng trì, nên gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể trừ sạch cấu bấn các định, cũng có thể chiếu rõ tất

cả đảng trì, nên gọi là Vô cấu quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát diêu lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể lãnh thọ sự an vui mâu nhiệm của các định, nên gọi là Phát diêu lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Điển đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đảng trì được chiếu như đèn điện sáng, nên gọi là Điển đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các đảng trì chẳng thấy có chỗ tận, nên gọi là Vô tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì oai quang được thịnh vượng riêng đối với các đảng trì, nên gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy các đảng trì lìa hết tất cả, chẳng thấy có chút phần pháp tướng nào, nên gọi là Ly tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các đảng trì không có tỳ vết, nên gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Khai phát Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy các đảng trì hoàn toàn khai phát, nên gọi là Khai phát Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các cửa định phát sáng chiếu khắp, nên gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các đảng trì như mặt trăng phá đi sự tăm tối, nên gọi là Tịnh nguyệt Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đắc quả vô ngại giải đối với các đảng trì, nên gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các đảng trì không lay động, không lung lay, không kiêu mạn, nên gọi là Vô động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa

này, khiến cho các cửa định phát ra ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là Phát minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ứng tác bất ứng tác Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì khắp các đẳng trì, tất cả việc nên làm, việc không nên làm, đều được hiện rõ, nên gọi là Ứng tác bất ứng tác Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy được tướng diệu trí của các đẳng trì, nên gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cang man Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì dù có thể thông đạt tất cả pháp, mà chẳng thấy có tướng của tất cả, nên gọi là Kim cang man Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này; tâm chẳng dao động, chẳng biến chiếu, cũng chẳng tổn giảm, chẳng nghĩ rằng có tâm ấy, nên gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể quán chiếu khắp cùng ánh sáng của các định, nên gọi là Phổ minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể an trụ các đẳng trì một cách khéo léo, nên gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo tích Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ quán các đẳng trì như kho báu, nên gọi là Bảo tích Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể ấn chứng các đẳng trì bằng Ấn vô ấn, nên gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chẳng thấy có một phần nhỏ pháp nào xa lìa pháp bình đẳng, nên gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả ái lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì xả bỏ ái lạc đối với tất cả định và tất cả pháp, nên gọi là xả ái lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp dũng mãn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tướng tất cả pháp đều biến mất viên mãn hoàn toàn đối

với giáo pháp của Phật, nên gọi là Pháp dũng mãnh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các định tan tác các pháp, nên gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phân biệt pháp cú các định một cách khéo léo, nên gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ được các đẳng trì rất ưa thích tự tướng bình đẳng, nên gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không được các đẳng trì ưa thích tướng văn tự, nên gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn sở duyên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ chấm dứt tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Đoạn sở duyên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không chứng được tướng biến dị của các pháp, nên gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không đạt được tướng phẩm loại riêng biệt của các pháp, nên gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ ngộ nhập danh tướng sai biệt của các pháp, nên gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tướng các định đều không thấy chứng đắc, nên gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly uế ám Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể loại trừ sự tối tăm của các định, nên gọi là Ly uế ám Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ thấy đủ các hành tướng sai biệt của các đẳng trì, nên gọi là Cụ hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất biến động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-

địa này thì không thấy sự biến động của các đẳng trì, nên gọi là Bất biến động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ vượt qua tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với tất cả pháp và tất cả định chẳng đạt được tướng nhóm vì tất cả pháp không thể nhóm, nên gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tuy quyết định trụ các định, nhưng biết tướng và cảnh định ấy chẳng thể nắm bắt được, nên gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đẳng trì đều được làm cho thanh tịnh, trang nghiêm, lộng lẫy như diệu hoa, nên gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tu bảy chi Đẳng giác mau được viên mãn, nên gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt được biện tài vô biên đối với các pháp, nên gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ đạt tánh không gì sánh bằng của các đẳng trì, nên gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 489

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (8)

Vì sao gọi là Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì sẽ vượt qua hết các pháp của hữu tình trong ba cõi, nên gọi là Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể phán quyết các pháp hữu tình, nên gọi là Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tán do dự Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm tan biến hết cả do dự đối với hết các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Tán do dự Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô sở trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy các pháp có chỗ trụ, nên gọi là Vô sở trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy các pháp có một tướng nhỏ nào nên gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì tuy có thể dẫn dắt, phát huy các loại hành tướng đối với các đẳng trì và tất cả pháp, nhưng hoàn toàn không thấy có chủ thể và đối tượng dẫn dắt, phát huy, nên gọi là Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thì thấy các đẳng trì không có hai hành tướng, nên gọi là Nhất hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này này, thấy các đẳng trì hoàn toàn không có hành tướng, nên gọi là Ly hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệt hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-

ma-địa này thì sẽ làm cho các hành tướng của các đẳng trì vi diệu và lia bỏ các hý luận, nên gọi là Diệu hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đạt được trí thông đạt, như thật ngộ nhập các đẳng trì và tất cả pháp, được ngộ nhập này, sẽ thông đạt sự tán hoại của các hữu pháp, khiến chúng không còn chỗ nào sót cả, nên gọi là đạt chư hữu để tán hoại Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo kiên cố Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy Phật, Pháp, Tăng không thể phá hoại được vì đồng không tướng, nên gọi là Bảo kiên cố Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thấy các đẳng trì vắng lặng, giải thoát tất cả tướng âm thanh văn tự, nên gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì ngộ nhập các pháp thiết lập ngôn ngữ, không chấp trước, không ngăn ngại của tất cả đẳng trì, nên gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cự xí nhiên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì các đẳng trì được chiếu sáng với ánh sáng oai nghiêm, nên gọi là Cự xí nhiên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm thanh tịnh trang nghiêm tất cả tướng định, nên gọi là nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tiêu xí Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy dấu hiệu đối với các đẳng trì, nên gọi là Vô tiêu xí Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ diệu tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy diệu tướng các định hoàn toàn đầy đủ, nên gọi là Cụ diệu tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thích quán sát tướng khổ vui của các đẳng trì, nên gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tận hành tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy hành tướng các định có chỗ tận, nên gọi

là Vô tận hành tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ tổng trì Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể giữ gìn thắng sự các định một cách bao quát, nên gọi là Cụ tổng trì Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các đẳng trì, chánh tánh, tà tánh, nhiếp phục các kiến, khiến chúng chẳng khởi, nên gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tức vi thuận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy có tướng nghịch và thuận đối với các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Tức vi thuận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly ái tắng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy có tướng thương ghét trong các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Ly ái tắng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cấu minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì hoàn toàn không thấy tướng cấu uế và tướng sáng suốt, nên gọi là Vô cấu minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ kiên cố Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì đều được kiên cố, nên gọi là Cụ kiên cố Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì tăng thêm công đức, như ánh trăng sáng tròn đầy, làm nước biển tăng thêm, nên gọi là Mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đại trang nghiêm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể làm cho các đẳng trì thành tựu các loại vi diệu, hy hữu, đại trang nghiêm, nên gọi là Đại trang nghiêm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì có thể soi sáng các đẳng trì và tất cả pháp, làm cho các loài hữu tình đều được khai mở trí hiểu biết, nên gọi là Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì chẳng thấy sai khác giữa định và tán loạn của đẳng trì, nên gọi là Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xa lìa trần cấu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-

địa này thì có thể diệt trừ được bụi trần của tất cả phiền não, nên gọi là Xa lia trần cấu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì không thấy tánh và tướng sai khác giữa hữu tránh và vô tránh trong các pháp và tất cả định, nên gọi là Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô sào huyết, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa?

– Vì khi trụ vào các Tam-ma-địa này, thì phá được các sào huyết, xả bỏ dấu hiệu, đoạn trừ các sự ái lạc mà không bị chấp trước, nên gọi là Vô sào huyết, Vô tiêu xí, Vô ái lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định an trú chân như Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì thường không xả bỏ chân như thật tướng của các đẳng trì và tất cả pháp, nên gọi là Quyết định an trú chân như Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly thân ngữ ý uế ác Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì đối với các thân, ngữ, ý hoàn toàn vô sở đắc, phá hoại tất cả thân, ngữ, ý xấu, tự tại, không chướng ngại trong các đẳng trì, nên gọi là Ly thân ngữ ý uế ác Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Như hư không Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quán tất cả pháp hoàn toàn không sở hữu, không chướng ngại như hư không minh mông, nên gọi là Như hư không Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này thì quán tất cả pháp đều đồng một tướng, tướng ấy là không có tướng, không nhiễm ô, không đấm trước, nên gọi là Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa.

Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát ấy là bốn Niệm trụ. Bốn Niệm trụ là gì? Một là Thân niệm trụ, hai là Thọ niệm trụ, ba là Tâm niệm trụ, bốn là Pháp niệm trụ.

Thế nào là Thân niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các bên trong thân, hoặc bên ngoài thân, hoặc cả trong lẫn ngoài thân, luôn trụ pháp quán thân trên thân, nhưng không câu hữu với

tâm và tứ, nhiệt tâm tinh tấn, đầy đủ chánh tri, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào là Thọ niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, hoặc cảm thọ cả trong lẫn ngoài, tuy trụ pháp quán trên thọ nhưng không câu hữu với tâm và tứ, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào là Tâm niệm trụ? Nghĩa là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong tâm, bên ngoài tâm, hoặc cả trong lẫn ngoài tâm, tuy trụ pháp quán tâm đều trên tâm nhưng không câu hữu với tâm, tứ; nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Thế nào gọi là Pháp niệm trụ? Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với pháp bên trong, pháp bên ngoài, hoặc pháp ở cả trong lẫn ngoài, tuy trụ phép quán pháp trên pháp nhưng không câu hữu với tâm, tứ; nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân luôn quán thân trên thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự thân khi đi như thật biết đang đi; khi đứng như thật biết đang đứng; khi ngồi như thật biết đang ngồi; khi nằm như thật biết đang nằm, mỗi oai nghi khác nơi tự thân đều như thật biết như vậy; nhiệt tâm tinh tấn; chánh niệm tỉnh giác; diệt được tham ưu thế gian. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân luôn luôn quán trên thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian; nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự

thân, biết rõ sự qua lại, biết rõ sự nhìn tới nhìn lui, biết rõ sự cúi xuống ngược lên, biết rõ sự co duỗi, mặc Tăng-già-lê, đắp y ôm bát, khi ăn, khi uống, khi nằm nghỉ, lúc kinh hành khi ngồi dậy, lúc nghinh rước, thức ngủ nói năng im lặng, nhập xuất các định đều chánh niệm biết rõ. Đó là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân. Đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để xét kỹ tự thân, khi thở vào như thật biết thở vào, khi thở ra như thật biết thở ra, khi hơi thở dài như thật biết thở vào, khi hơi thở ngắn như thật biết hơi thở ngắn. Như thợ quay bánh xe hoặc đệ tử vị ấy, khi thế lực bánh xe quay lâu như thật biết thế lực bánh xe lâu. Khi thế lực bánh xe quay mau như thật biết thế lực bánh xe quay mau. Đại Bồ-tát này cũng như vậy, như thật biết rõ sự sai khác của hơi thở ngắn và hơi thở dài. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân trên thân đối với bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên diệt được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa; Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ các giới sai khác của tự thân, đối với địa giới, như thật biết rõ đây là địa giới; đối với thủy giới, như thật biết rõ đây là thủy giới; đối với hỏa giới, như thật biết rõ đây là hỏa giới; đối với phong giới, như thật biết rõ đây là phong giới. Như đồ tể giết mổ hoặc đệ tử vị ấy, sau khi giết trâu rồi dùng dao thật bén mổ xẻ thân, phân làm bốn phần, hoặc ngồi hoặc đứng như thật biết rõ. Đại Bồ-tát này cũng vậy, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán

sát sự sai khác của bốn giới: địa, thủy, hỏa, phong nơi tự thân. Đó là khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên diệt được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, diệt trừ tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh đầu, trong đó đầy đầy những thứ bất tịnh. Bên ngoài, nó được lớp da mỏng bao bọc. Tuy được gọi thân này nhưng chỉ gồm các thứ: Tóc, lông, móng, răng, da dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, tim, gan, phổi, thận, lá lách, mật, bao tử, ruột già, ruột non, phân, nước tiểu, nước mũi, nước bọt, nước giải, nước mắt, mồ hôi, đàm, nủ, mỡ chài, mỡ nước, não, ghèn, ráy tai... Trong thân tràn đầy những thứ bất tịnh này. Như trong kho của các trưởng giả hoặc nông phu chứa đầy các loại ngũ cốc gồm: Nếp, mè, lúa, đậu, bắp... Đại Bồ-tát này cũng vậy, quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh đầu, đầy đầy bất tịnh chẳng đáng tham đắm. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đi đến gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, hoặc thay chết một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Tử thi trướng sinh lên, sắc ngã xanh bầm, do thối rữa, máu mủ lan tràn. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng như vậy, đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phải sinh nhàm chán, xa lìa đi. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu ở thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đi đến chỗ gò má nhìn tử thi bị vứt bỏ, đã một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày. Tử thi bị các loài cầm thú như chim, điều hâu, quạ, kên kên, cọp, beo, chó sói, chồn... hoặc hổ hoặc quắp lầy, cắn xé ăn nuốt, xương thịt vung vãi. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy và đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy nên phải nhàm chán và xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò má quan sát tử thi bị vứt bỏ, bị chim thú ăn rồi, bất tịnh thối rữa, máu mủ chảy lan tràn, sản sinh vô lượng thứ trùng giòi tạp loại, dơ bẩn hôi thối như chó chết. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy và đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc rồi cũng như vậy, nên phải nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò má quan sát tử thi bị vứt bỏ, trùng giòi ăn rồi, rã thịt lòi xương, lóng đốt dính nhau, gân buộc máu tràn, chỉ còn thịt bấy nhầy. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, đủ pháp như thế. Nếu

chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán và xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, đã thành xương vụn, máu thịt cạn khô, chỉ còn những sợi gân dính lại. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phát sinh nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả, quan sát tử thi bị vứt bỏ, chỉ còn lại xương trắng màu vỏ ốc trắng, các gân mục nát, lóng đốt rời rạc. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên phát sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, đã thành màu trắng, đốt xương phân tán,

vung vãi khắp nơi. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản chất cũng giống như vậy và cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, rốt cuộc cũng như vậy, nên khởi lên sự nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, các xương phân tán khắp nơi, xương bàn chân chỗ này, xương ống chân chỗ kia, xương đầu gối chỗ nọ, xương đùi chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương hông chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương bàn tay chỗ khác, xương cổ chỗ khác, xương hàm chỗ khác, xương má chỗ khác, xương đầu chỗ khác. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán, xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò mả quan sát tử thi bị vứt bỏ, hài cốt ngổn ngang, gió thổi nắng đốt, mưa chan sương thấm, trải qua năm tháng màu sắc như ngọc tuyết kha. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, bản tánh cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian. Nghĩa là khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để đến chỗ gò má quan sát tử thi bị vứt bỏ, trải qua hơn trăm năm hoặc ngàn năm chỉ còn xương bột và đất, biến dạng thành màu xanh, sắc trạng như lông bồ câu, hoặc có thứ mục nát ra như bột, như bụi trộn lẫn vào đất khó phân biệt được. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta, tánh chất cũng giống vậy, cũng đủ pháp như thế. Nếu chưa chứng Niết-bàn, cuối cùng cũng như vậy, nên sinh nhàm chán xa lìa. Đó là Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ pháp quán thân bên trong thân, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, nên trừ được tham ưu thế gian.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, như trụ pháp quán thân bên trong thân sai khác này, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Tùy theo pháp thích ứng, Bồ-tát đều như vậy cả.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, trụ vào pháp quán thọ, tâm, pháp ở cả bên trong lẫn bên ngoài tương ứng với thọ, tâm, pháp, nhiệt tâm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, trừ được tham ưu thế gian. Tùy theo pháp thích ứng, nói rộng ra đều như trên.

Thiện Hiện, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khi trụ vào pháp quán thân, thọ, tâm, pháp thì tùy quán như vậy, nhưng vô sở đắc. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác, bất thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng chẳng sinh. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ nhất.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác, bất thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng chấm dứt hẳn. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ hai.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp thiện nếu chưa sinh, thì làm cho chúng phát sinh. Nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ ba.

Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp thiện đã sinh thì làm cho chúng an trú, chẳng quên bồi bổ cho chúng rộng thêm đến viên mãn; nên cố gắng phát sinh và giữ tâm chuyên cần, siêng năng, đúng đắn. Đó là thứ tư. Thiện Hiện, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Thần túc. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Dục đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xấu. Đó là thứ nhất.

Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Cần đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xấu. Đó là thứ hai.

–Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Tâm đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xấu. Đó là thứ ba.

–Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Quán đẳng trì đoạn hành, thành tựu thần túc và phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xấu. Đó là thứ tư.

Thiện Hiện, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là năm Căn. Những gì là năm? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tu theo Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là năm Lực. Những gì là năm? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là bảy chi Đăng giác. Những gì là bảy? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Niệm đăng giác chi, Trạch pháp đăng giác chi, Tinh tấn đăng giác chi, Hỷ đăng giác chi, Khinh an đăng giác chi, Định đăng giác chi, Xả đăng giác chi nhưng phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tám chi Thánh đạo. Những gì là tám? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện, để tu Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định, rồi phải nương vào sự xa lìa, sự vô nhiễm, sự diệt trừ hồi hướng xả. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba pháp môn giải thoát. Những gì là ba? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là Không, an trụ tâm như vậy gọi là pháp môn giải thoát Không, còn gọi là Không Tam-ma-địa. Đó là môn thứ nhất. Các Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là không có tướng, an trụ tâm như vậy gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng, cũng gọi là Vô tướng Tam-ma-địa. Đó là môn thứ hai. Các

Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều là không có sở nguyện, an trú tâm như vậy gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện, cũng gọi là Vô nguyện Tam-ma-địa. Đó là môn thứ ba. Các Đại Bồ-tát muốn học Đại thừa nên học trong đó. Thiện Hiện, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là mười một trí. Những gì là mười một? Đó là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Như thuyết trí.

Thế nào là Khổ trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết khổ nên chẳng sinh, đó là Khổ trí.

Thế nào là Tập trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được sự tập khởi nên vĩnh viễn đoạn trừ, đó là Tập trí.

Thế nào là Diệt trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được sự đoạn diệt nên tác chứng, đó là Diệt trí.

Thế nào là Đạo trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được đạo nên tu tập, đó là Đạo trí.

Thế nào là Tận trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tham, sân, si đã hết, đó là Tận trí.

Thế nào là Vô sinh trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được các hữu (nghiệp) không còn sinh nữa, đó là Vô sinh trí.

Thế nào là Pháp trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được năm uẩn, mỗi mỗi đều có tự tánh riêng, đó là Pháp trí.

Thế nào là Loại trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tướng sai khác của năm uẩn... nghĩa là khổ, vô thường, không, vô ngã..., đó là Loại trí.

Thế nào là Thế tục trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình tu hành có sai khác và biết được danh tướng giống và khác của các pháp, đó là Thế tục trí.

Thế nào là Tha tâm trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm

phương tiện, biết được tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình khác, nhưng không phân vân trở ngại, đó là Tha tâm trí.

Thế nào là Như thuyết trí? Nghĩa là trí dùng vô sở đắc làm phương tiện, biết được tướng tất cả pháp đúng như lời nói, tức là trí Nhất thiết tướng của Như Lai, đó là Như thuyết trí.

Thiện Hiện nên biết, mười một trí này là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba căn vô lậu. Những gì là ba? Một là Vị tri đương tri căn, hai là Dĩ tri căn, ba là Cụ tri căn.

Thế nào là Vị tri đương tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình đối với các Thánh đế chưa hiện quán hoàn toàn, chưa đắc Thánh quả nhưng đã có Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Vị tri đương tri căn.

Thế nào là Dĩ tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình đối với các Thánh đế chưa hiện quán hoàn toàn, chưa đắc Thánh quả, có đầy đủ Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Dĩ tri căn.

Thế nào là Cụ tri căn? Nghĩa là các bậc hữu học trong các loài hữu tình hoặc A-la-hán, hoặc các Độc giác hoặc Đại Bồ-tát đã trụ Thập địa, hoặc chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đã có Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn; đó là Cụ tri căn. Nếu ba căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì phải biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là Tam-ma-địa. Những gì là ba? Một là Tam-ma-địa có tầm có tứ. Hai là Tam-ma-địa không có tầm chỉ có tứ. Ba là Tam-ma-địa không tầm không tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa có tầm có tứ? Nghĩa là Đại Bồ-tát đã xa lìa pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có tứ. Ly sinh hỷ lạc, nhập vào Sơ tĩnh lự, an trú đầy đủ. Đó là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ? Nghĩa là Đại Bồ-tát đạt đến định trung gian giữa Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự, đó là không tầm chỉ có tứ.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm không tứ? Nghĩa là Đại Bồ-

tát từ Tĩnh lực thứ hai cho đến định Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là không tầm không tứ Tam-ma-địa. Với ba loại này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tùy niệm. Những gì là mười? Một là tùy niệm Phật. Hai là tùy niệm Pháp. Ba là tùy niệm Tăng. Bốn là tùy niệm giới. Năm là tùy niệm xả. Sáu là tùy niệm thiên. Bảy là tùy niệm nhàm chán. Tám là tùy niệm tử. Chín là tùy niệm thân. Mười là tùy niệm hơi thở. Với mười pháp này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ... cho đến thiện pháp thanh tịnh, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười lực của Phật. Những gì là mười? Thiện Hiện nên biết, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các pháp nhân quả của tướng xứ phi xứ, đó là lực thứ nhất. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tướng các loài hữu tình trong quá khứ, hiện tại, vị lai là do tạo nghiệp khác nhau mà chịu quả khác nhau, đó là lực thứ hai. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tướng mọi loại cảnh giới khác nhau của thế gian, đó là lực thứ ba. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ tất cả hữu tình có nhiều loại thắng giải chứ chẳng phải một loại giải, đó là lực thứ tư. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các căn hơn kém của các loài hữu tình, đó là lực thứ năm. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện thì như thật biết rõ hành tướng biến hành, đó là lực thứ sáu. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì như thật biết rõ các pháp như căn, lực, giác chi, giải thoát, tĩnh lực, đẳng trì, đẳng chí, nhiếp, tịnh, sai khác của các loài hữu tình, đó là lực thứ bảy. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện; thì như thật biết rõ các loài hữu tình có vô lượng đời trước sai khác, đó là lực thứ tám. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, do Thiên nhân thanh tịnh thì như thật biết

rõ các hữu tình có vô lượng loại sinh tử sai khác, đó là lực thứ chín. Nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện thì như thật biết rõ đã chấm dứt vĩnh viễn các lậu, đạt được tâm vô lậu giải thoát, chúng được tuệ giải thoát vô lậu ngay trong hiện tại, tự tác chứng đầy đủ, có thể chân chánh mà biết rõ rằng: Ta sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong không còn trở lại đời sống này nữa, đó là lực thứ mười. Phải biết, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn điều không sợ. Những gì là bốn? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, tự xưng là bậc Chánh Đẳng Giác, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc những hạng khác trong thế gian, dựa vào pháp để vấn nạn, làm cho Bồ-tát phải suy nghĩ bởi lời nói rằng: Pháp này chẳng phải là Chánh đẳng giác. Đối với sự vấn nạn đó, vì thấy nó phi lý nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm. Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn... Không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ nhất.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện tự xưng ta đã chấm dứt các lậu hoặc. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, dựa vào các pháp mà lập vấn nạn và làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói rằng: lậu hoặc này chưa thể chấm dứt vĩnh viễn. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm. Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn... Không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ hai.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, rồi vì các đệ tử thuyết pháp chướng đạo. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, y pháp vấn nạn, làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói thế này: “Tu tập pháp này không thể ngăn đạo. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở

ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm.” Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn... không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ ba.

Đại Bồ-tát nào dùng vô sở đắc làm phương tiện, rồi vì các đệ tử nói đạo chấm dứt khổ. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ khác trong thế gian, y pháp lập ra sự vấn nạn, làm cho Bồ-tát suy nghĩ bởi lời nói thế này: “Tu đạo này không thể chấm dứt khổ. Nhờ chánh kiến, ta thấy được sự vấn nạn ấy vô lý. Vì thấy sự vấn nạn ấy vô lý, nên được an ổn, trụ không sợ hãi, tự xưng ta ở ngôi vị Đại tiên tôn kính, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng sư tử chúa, chuyển bánh xe Diệu phạm.” Xe ấy thanh tịnh, chánh chân vô thượng, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn... không ai có thể chuyển đúng như pháp được. Đó là điều không sợ thứ tư.

Nên biết, đây là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 490

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (9)

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là bốn sự hiểu biết thông suốt. Những gì là bốn? Một là Nghĩa vô ngại giải. Hai là Pháp vô ngại giải. Ba là Từ vô ngại giải. Bốn là Biện vô ngại giải. Thiện Hiện, với bốn sự hiểu biết thông suốt này, nếu dùng vô sở đắc làm phương tiện, thì nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tám pháp Phật bất cộng. Những gì là mười tám? Nghĩa là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bắt đầu từ đêm chứng được quả vị Giác ngộ cao tột cho đến đêm nhập Vô dư y Niết-bàn; ở trong khoảng thời gian này; thường không lầm lỗi, không có âm thanh vội vàng, hung bạo, không mất chánh niệm, không có các thứ tưởng, tâm luôn trong định, luôn chọn pháp để xả bỏ, chí muốn không thoái lui, tinh tấn không thoái lui, niệm không lui, định không lui, tuệ không lui, giải thoát tri kiến không lui. Trong tất cả nghiệp của thân, trí là dẫn đầu và tùy theo trí mà chuyển. Tất cả nghiệp của miệng, trí là dẫn đầu và tùy theo trí mà chuyển y. Trong quá khứ đã khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Ở hiện tại, đang khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Đời vị lai, sẽ khởi lên tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại. Mười tám pháp Phật bất cộng như thế, đều hoàn toàn dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát ấy gồm các môn văn tự Đà-la-ni. Những môn văn tự Đà-la-ni nào? Nghĩa là: Bằng tánh bình đẳng của văn tự, tánh bình đẳng của ngôn ngữ mà nhập vào các tự môn. Thế nào là môn tánh bình đẳng văn tự và tánh

bình đẳng ngôn ngữ? Thiện Hiện nên biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát nào cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện; nhập môn chữ **Suy**, ngộ tất cả pháp vốn không sinh. Nhập môn chữ **Lạc**, ngộ tất cả pháp xa lìa trần cấu. Nhập môn chữ **Phả**, ngộ được giáo lý thắng nghĩa của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Giả**, ngộ tất cả pháp xa lìa sinh tử, dù tử hoặc sinh đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nhập môn chữ **Na**, ngộ tất cả pháp xa lìa danh tướng, hoặc danh hoặc tướng đều dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nhập môn chữ **Kha**, ngộ tất cả pháp xuất thế gian vì nhân duyên ái nhiễm, nên chẳng hiện tiền. Nhập môn chữ **Đà**, ngộ tất cả pháp điều phục, vắng lặng, chân như, bình đẳng, không phân biệt. Nhập môn chữ **Bà**, ngộ tất cả pháp lìa sự trói buộc và cởi mở. Nhập môn chữ **Trà**, ngộ tất cả pháp xa lìa nhiệt não, kiêu căng, uế trước, đạt được sự thanh tịnh. Nhập môn chữ **Sa**, ngộ tất cả pháp không quái ngại. Nhập môn chữ **Phược**, ngộ tất cả pháp chấm dứt đường ngôn ngữ. Nhập môn chữ **Đả**, ngộ tất cả pháp chân như bất động. Nhập môn chữ **Dã**, ngộ tất cả pháp như thật chẳng sinh. Nhập môn chữ **Sắc-tra**, ngộ tướng chế phục và tướng nhậm trì của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ca**, ngộ tác giả tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ta**, ngộ thời và tánh bình đẳng của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Ma**, ngộ tất cả pháp, tánh ngã và ngã sở chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Già**, ngộ tánh hành động chấp giữ của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Tha**, ngộ tất cả pháp, tánh chất chỗ y cứ chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Xà**, ngộ tất cả pháp năng, sở sinh khởi chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Thấp-phược**, ngộ tất cả pháp tánh yên ổn chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Đạt**, ngộ tánh có thể giữ gìn cõi giới của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Xả**, ngộ tánh Sa-ma-tha của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Khư**, ngộ tất cả pháp tánh bình đẳng như hư không chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Sần**, ngộ tánh cùng tận chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Tát-đả**, ngộ tất cả pháp tánh nhậm trì chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Nhã**, ngộ tất cả pháp tánh năng sở tri chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Kích-tha**, ngộ tánh chấp trước nghĩa chẳng thể nắm

bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Ha**, ngộ tánh vi nhân chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Bạc**, ngộ tánh phá hoại chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Xước**, ngộ tất cả pháp tánh che đậy đục lạc chẳng thể nắm bắt được. Nhập môn chữ **Táp-ma**, ngộ tánh đáng ức niệm chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Hạp-phạ**, ngộ tánh kêu gọi chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Sa**, ngộ tất cả pháp lia sự dững mẫn. Nhập môn chữ **Kiên**, ngộ tánh bình đẳng sâu dày chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Di**, ngộ tánh tích tụ chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Noa**, ngộ tất cả pháp lia sự ồn náo. Nhập môn chữ **Phả**, ngộ tất cả pháp không có quả báo. Nhập môn chữ **Tắc-ca**, ngộ tất cả pháp lia tánh chất chứa. Nhập môn chữ **Đật-ta**, ngộ tánh, tướng suy lão chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Chước**, ngộ tất cả pháp không dấu chân. Nhập môn chữ **Tra**, ngộ tánh đuổi bức nhau chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Nhập môn chữ **Trạch**, ngộ chỗ cứu cánh chẳng thể nắm bắt được của tất cả pháp. Thiện Hiện nên biết, môn chữ **Trạch** này có thể ngộ nhập vào tận cùng của pháp không, ngoại trừ những chữ này, nếu biểu thị các pháp không, thì chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nghĩa các chữ này, không thể tuyên thuyết, không thể nêu rõ, không thể viết, không thể chấp giữ, không thể quan sát, vì lia các tướng. Thiện Hiện nên biết, thí như hư không là chỗ quay về của tất cả vật. Những môn chữ này cũng lại như thế. Nghĩa không của các pháp đều nhập vào môn này mà được hiển rõ.

Thiện Hiện nên biết, nhập vào chữ **Suy** này... gọi là nhập vào môn chữ. Đại Bồ-tát nào, đối với những môn chữ này, đạt được trí thiện xảo. Thì Đại Bồ-tát ấy đối với các âm thanh ngôn ngữ, được trình bày, được biểu thị đều không ngăn ngại; đối với tánh không bình đẳng của tất cả các pháp đều có thể nắm giữ được hết; đối với các tiếng nói đều được thiện xảo. Đại Bồ-tát nào có thể nghe và nhập vào môn các chữ này, xác định tướng trạng của nó, xác định câu cú, nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lẹ, vì người giải nói, không có sự chấp trước, chẳng mong danh dự, lợi dưỡng cung kính. Do nguyên nhân này mà được ba mươi món công đức thắng lợi. Những

gì là ba mươi? Nghĩa là được nghĩ nhớ dững mãi; được tầm quý hơn; được sức kiên cố; được pháp chỉ thú; được Tăng thượng giác; được thu thắng tuệ; được sự biện tài vô ngại; được môn tổng trì; được không nghi hoặc; được gặp lại lời thuận không ưa lời trái, không ghét; được an trú bình đẳng; không phân biệt cao, thấp; được đối với hữu tình dùng lời khéo léo; được uẩn thiện xảo; được xứ thiện xảo; đạt được chân lý thiện xảo; được duyên khởi thiện xảo; được nhân thiện xảo; được duyên thiện xảo; được pháp thiện xảo; được trí căn thắng liệt thiện xảo; được Tha tâm trí thiện xảo; được thần cảnh trí thiện xảo; được Thiên nhĩ trí thiện xảo; được Túc trụ tùy niệm trí thiện xảo; được tử sinh trí thiện xảo; được Lưu tận trí thiện xảo; được xứ phi xứ trí thiện xảo; được vãng lai trí thiện xảo; được oai nghi lộ trí thiện xảo. Đó là ba mươi công đức thù thắng lợi ích. Thiện Hiện nên biết, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đạt được môn văn tự Đà-la-ni này, thì phải biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lại nữa Thiện Hiện, câu hỏi tiếp theo của ông làm thế nào thì biết Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, từ địa này đến địa khác, với mức độ như vậy nên biết các Đại Bồ-tát ấy hướng đến Đại thừa,

Cụ thọ Thiện Hiện bèn bạch Phật rằng:

– Thế nào là Đại Bồ-tát siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa từ địa này đến địa khác?

Phật bảo Thiện Hiện:

– Đại Bồ-tát nào biết được tất cả pháp không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Vì sao? Vì tất cả pháp không đi, không đến, không xuất phát cũng không tới đích. Do đó, nên các pháp không biến hoại. Đại Bồ-tát này không nhớ nghĩ, chẳng suy tư về địa bất đầu, tuy tu sửa nghiệp các địa nhưng chẳng thấy có địa ấy. Đó là Đại Bồ-tát siêng năng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa từ địa này đến địa khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa nghiệp các địa?

Phật bảo Thiện Hiện:

– Khi trụ ở Sơ địa, các Đại Bồ-tát phải khéo tu trì mười loại thắng nghiệp. Những gì là mười? Một là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc, vì tướng lợi ích của nó chẳng thể nắm bắt được. Hai là, phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm đối với tất cả hữu tình, vì tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được. Ba là, phải dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu trì tất cả nghiệp xả, thí, vì người bố thí, kẻ nhận, vật thí đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, phải khéo tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu; vì đối với thiện hữu không chấp trước. Năm là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp siêng năng cầu chánh pháp, vì giáo pháp ấy chẳng thể nắm bắt được. Sáu là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia, vì sự xả bỏ gia cư ấy chẳng thể nắm bắt được. Bảy là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp mến kính thân Phật, vì nhân của các tướng hảo chẳng thể nắm bắt được. Tám là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xiển dương giáo pháp; vì giáo pháp được phân biệt chẳng thể nắm bắt được. Chín là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp phá hoại sự kiêu căng, ngạo mạn, vì các pháp hưng thịnh chẳng thể nắm bắt được. Mười là, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên khéo tu sửa nghiệp, thường ưa nghe lời chân thật, vì tất cả ngôn ngữ đều chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Sơ địa, các Đại Bồ-tát nên khéo tu trì mười thắng nghiệp này, nhờ vậy mà Sơ địa mau được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên tu tập và tư duy tám pháp khiến cho chóng mau viên mãn. Những gì là tám? Một là thanh tịnh giới. Hai là biết ân trả ân. Ba là trụ vào năng lực an nhẫn. Bốn là thọ hoan hỷ tối thắng. Năm là chẳng bỏ hữu tình. Sáu là thường khởi đại Bi. Bảy là đem tâm kính tin để học hỏi, vâng lời, cúng dường Sư trưởng như phụng thờ chư Phật. Tám là siêng năng tu tập, cầu Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên chánh tư duy, nên siêng tu học, làm cho tám pháp này mau viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát nên tinh tấn, chuyên cần an trú năm pháp. Những gì là năm? Một là

siêng cầu đa văn, thường không nhàm chán pháp đã được nghe, cũng chẳng chấp trước văn tự. Hai là đem tâm vô nhiễm thường hành pháp thí, tuy giáo hóa rộng rãi nhưng chẳng tự cao. Ba là vì trang nghiêm tịnh độ nên trông các căn lành, tuy dùng hồi hướng nhưng chẳng tự cao. Bốn là vì giáo hóa hữu tình, tuy không nhàm chán mỗi một với sinh tử vô biên nhưng cũng chẳng buông lung. Năm là tuy trụ vào tâm quý nhưng không chấp trước. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát phải thường an trú năm pháp này không được tạm rời.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát nên thọ trì không bỏ mười pháp. Những gì là mười? Một là chẳng lìa bỏ chỗ vắng vẻ. Hai là thường thích ít ham muốn. Ba là thường ưa tri túc. Bốn là thường không lìa bỏ công đức Đâu-đà. Năm là thường không xả bỏ các học xứ. Sáu là phải sinh tâm nhằm lìa các dục lạc. Bảy là thường ưa phát khởi tâm tương ưng với Niết-bàn. Tám là thường ưa xả bỏ tất cả vật. Chín là bất cứ lúc nào tâm cũng chẳng mê muội. Mười là thường không luyến trước tất cả sự việc. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát nên thọ trì không bỏ mười pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ ngũ địa, các Đại Bồ-tát nên xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là nên xa lìa gia cư. Hai là nên xa lìa Bí-sô-ni. Ba là nên xa lìa nhà keo kiệt. Bốn là nên xa lìa hội chúng tranh cãi, tức giận. Năm là nên xa lìa sự khen mình, chê người. Sáu là nên xa lìa mười nghiệp đạo ác. Bảy là nên xa lìa sự Tăng thượng mạn. Tám là nên xa lìa sự điên đảo. Chín là nên xa lìa sự do dự. Mười là nên xa lìa tham, sân, si. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ ngũ địa, các Đại Bồ-tát nên xa lìa mười pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp, nên xa lìa sáu pháp. Thế nào là viên mãn sáu pháp? Nghĩa là nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa như Bồ thí.. Thế nào gọi là xa lìa sáu pháp? Nghĩa là nên xa lìa sáu tâm hạ liệt. Một là nên xa lìa tâm Thanh văn. Hai là nên xa lìa tâm Độc giác. Ba là nên xa lìa tâm nhiệt não. Bốn là nên xa lìa tâm thấy kẻ hành khát đến mà không vui, bức bối. Năm là nên xa lìa tâm đã bố thí vật sở hữu rồi, còn luyến tiếc, ăn năn. Sáu là nên xa lìa tâm tìm cách lẫn

tránh người đến cầu xin. Thiệן Hiệן nên biết, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sáu pháp đã nói trước và nên xa lìa sáu pháp nói sau.

Lại nữa Thiệן Hiệן, khi trụ Đệ thất địa, các Đại Bồ-tát thường nên xa lìa hai mươi pháp, thường nên viên mãn hai mươi pháp. Thế nào là thường nên xa lìa hai mươi pháp? Một là thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp kiến giả. Hai là thường nên xa lìa chấp đoạn. Ba là thường nên xa lìa chấp thường. Bốn là thường nên xa lìa chấp tướng tướng. Năm là thường nên xa lìa chấp kiến. Sáu là thường nên xa lìa chấp danh sắc. Bảy là thường nên xa lìa chấp uẩn. Tám là thường nên xa lìa chấp xứ. Chín là thường nên xa lìa chấp giới. Mười là thường nên xa lìa chấp sự thật. Mười một là thường nên xa lìa chấp duyên khởi. Mười hai là thường nên xa lìa chấp trụ trước ba cõi. Mười ba là thường nên xa lìa chấp tất cả pháp. Mười bốn là thường nên xa lìa chấp đối với tất cả pháp đúng lý và không đúng lý. Mười lăm là thường nên xa lìa kiến chấp quy y Phật. Mười sáu là thường nên xa lìa chấp kiến quy y Pháp. Mười bảy là thường nên xa lìa kiến chấp quy y Tăng. Mười tám là thường nên xa lìa kiến chấp y giới. Mười chín là thường nên xa lìa kiến chấp y không. Hai mươi là thường nên xa lìa tánh nhàm, sợ không. Vì sao gọi là thường nên viên mãn hai mươi pháp? Một là thường nên viên mãn thông đạt Không. Hai là thường nên viên mãn chứng được Vô tướng. Ba là thường nên viên mãn biết Vô nguyện. Bốn là thường nên viên mãn thanh tịnh ba luân. Năm là thường nên viên mãn sự thương xót hữu tình nhưng không chấp trước hữu tình. Sáu là thường nên viên mãn sự thấy tất cả pháp tánh bình đẳng và ở trong đó không có sự chấp trước. Bảy là thường nên viên mãn sự thấy tánh bình đẳng của tất cả hữu tình và ở trong đó không có sự chấp trước. Tám là thường nên viên mãn sự thông suốt chân lý đưa đến cứu cánh và ở trong đó không có sự chấp trước. Chín là thường nên viên mãn trí Vô sinh nhẫn. Mười là thường nên viên mãn thuyết chân lý tất cả pháp đồng một tướng. Mười một là thường nên viên mãn sự diệt trừ phân biệt. Mười hai là thường nên viên mãn sự xa lìa các vọng tưởng. Mười ba là thường nên viên mãn sự xa lìa các kiến. Mười bốn là thường nên viên mãn sự xa lìa phiền não. Mười lăm là thường nên viên mãn sự

thiện xảo khi tu chỉ quán. Mười sáu là thường nên viên mãn sự điều phục tâm tánh. Mười bảy là thường nên viên mãn sự vắng lặng tâm tánh. Mười tám là thường nên viên mãn tánh của trí vô ngại. Mười chín là thường nên viên mãn không có sự ái nhiễm. Hai mươi là thường nên viên mãn tùy theo tâm mong cầu cõi Phật, ở trong chúng hội đó mà hiện thân ra. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ thất địa, các Đại Bồ-tát thường nên xa lìa hai mươi pháp trước và thường nên viên mãn hai mươi pháp sau.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ bát địa các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thường nên viên mãn sự ngộ nhập tâm hành của tất cả hữu tình. Hai là thường nên viên mãn du hí thần thông. Ba là thường nên viên mãn sự tự trang nghiêm cõi Phật cho chính mình giống như các cõi Phật mà mình đã được thấy. Bốn là thường nên viên mãn phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai phải như thật quán sát. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ bát địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ cửu địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thường nên viên mãn trí căn thẳng liệt. Hai là thường nên viên mãn nghiêm tịnh cõi Phật. Ba là thường nên viên mãn thường nhập các định như huyễn đẳng trì. Bốn là thường nên viên mãn làm cho căn lành của các hữu tình được thành thực mà nhập vào các cõi bằng cách giáo hóa chúng sinh. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ cửu địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn bốn pháp này.

Lại nữa Thiện Hiện, khi trụ Đệ thập địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là thường nên viên mãn lãnh thọ vô biên đại nguyện, không luận nơi nào, tùy theo sở nguyện đều được thành tựu. Hai là thường nên viên mãn trí nghe được các loại âm thanh khác nhau: Chư Thiên, Long, Dược-xoa, Kiên-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hồ-lạc-già, Nhân phi nhân... Ba là thường nên viên mãn biện thuyết vô ngại. Bốn là thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ. Năm là thường nên viên mãn sự chào đời đầy đủ. Sáu là thường nên viên mãn gia tộc đầy đủ. Bảy là thường nên viên mãn dòng họ đầy đủ. Tám là

thường nên viên mãn quyến thuộc đầy đủ. Chín là thường nên viên mãn sinh thân đầy đủ. Mười là thường nên viên mãn xuất gia đầy đủ. Mười một là thường nên viên mãn trang nghiêm cội Bồ-đề đầy đủ. Mười hai là thường nên viên mãn tất cả các công đức thành tựu đầy đủ. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ thập địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn mười hai pháp này. Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào trụ Đệ thập địa rồi thì đối với thắng pháp đã tu ở các địa trước, đều được viên mãn, cùng nói lời thích ứng giống với các Như Lai.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, tu tập tất cả căn lành thù thắng, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp tịnh thắng ý lạc.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm với tất cả hữu tình?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, phát bốn tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp bình đẳng tâm với tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xả thí tất cả?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành bố thí, không có sự phân biệt đối với tất cả hữu tình, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xả thí tất cả.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thân cận bạn lành?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấy các thiện hữu khuyến hóa hữu tình, khiến chúng tu tập trí Nhất thiết trí; liền gần gũi cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, học giỏi chánh pháp, ngày đêm thừa phụng, tâm không biếng nhác, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm

phương tiện, khéo tu sửa nghiệp siêng năng cầu chánh pháp?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dùng tác ý tương ưng trí Nhất thiết trí, siêng năng cầu chánh pháp vô thượng của Như Lai, chẳng rơi vào Thanh văn và bậc Độc giác, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện khéo tu sửa nghiệp siêng cầu chánh pháp.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào dù sinh ở bất cứ nơi đâu, cũng nhằm chán cư gia ồn ào, phức tạp, chèn ép ngột ngạt như lao ngục; ngược lại thường vui thích Phật pháp và xuất gia thanh tịnh, tịch tĩnh vô vi, như hư không không ngăn ngại, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường muốn xuất gia.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp kính mến thân Phật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào trông thấy hình tướng Đức Phật đầu chỉ một lần cho đến khi chứng được trí Nhất thiết trí mà luôn luôn nhớ nghĩ đến Phật, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp kính mến thân Phật.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xiển dương giáo pháp?

Thiện Hiện, khi Phật còn tái thế và sau khi Phật nhập Niết-bàn, Đại Bồ-tát nào vì các hữu tình mà xiển dương giáo pháp; đầu, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa tinh xảo, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh thanh tịnh, cụ thể là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, tự thuyết, bản sinh, bản sự, duyên khởi, thí dụ, phương quảng, hy pháp và luận nghị, thì đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp xiển dương giáo pháp.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp phá hoại kiêu mạn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường đem tâm cung kính, khiêm nhường, chế ngự tâm kiêu mạn, do đó không sinh vào dòng họ thấp hèn, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp phá hoại sự kiêu mạn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu sửa nghiệp thường ưa thích lời chân thật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào biết đúng mới nói, lời nói và việc làm hợp nhau, đó là Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, khép tu sửa nghiệp thường ưa thích lời chân thật. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Sơ địa, các Đại Bồ-tát thường khéo tu trị mười thắng nghiệp này khiến chúng mau viên mãn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thanh tịnh tịnh giới?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không khởi tâm Thanh văn, Độc giác... và các pháp khác phá giới, ngăn Bồ-đề, đó là Đại Bồ-tát thanh tịnh tịnh giới.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát biết ân và báo đáp ân?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào khi hành các hạnh thù thắng của Bồ-tát, được chút ân huệ của người, thì phải đền đáp xứng đáng, huống gì được ân lớn lại chẳng đền đáp cho tương xứng sao, đó mới là Đại Bồ-tát biết ân báo đáp ân.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trụ năng lực an nhẫn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào mà tất cả hữu tình đều muốn phá hại nhưng Đại Bồ-tát ấy không hề có tâm bực tức, làm hại họ, đó là Đại Bồ-tát trụ năng lực an nhẫn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát cảm nhận sự hoan hỷ thù thắng?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấy các hữu tình thành thực được hạnh Tam thừa, nên thâm tâm vui mừng, đó là Đại Bồ-tát nhận được sự hoan hỷ thù thắng.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát không bỏ hữu tình?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường cứu vớt khắp tất cả hữu tình, làm cho họ lìa xa khổ nạn, đó là Đại Bồ-tát không bỏ hữu tình.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường khởi đại Bi?

Thiện Hiện, khi hành các hạnh thù thắng của Bồ-tát, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Ta vì lợi ích tất cả hữu tình, dù nhiều kiếp như vô lượng, vô số cát sông Hằng, ở đại địa ngục chịu nhiều khổ sở nặng nề, hoặc đốt, hoặc nấu, hoặc chặt, hoặc cắt, hoặc treo, hoặc mài... hoặc giã, chịu vô lượng sự thống khổ như thế cho đến khi nào khiến các loài hữu tình kia cởi được xe Như Lai mà nhập Niết-bàn. Cứ như vậy cho đến hết cảnh giới của tất cả hữu tình, nhưng tâm đại Bi của ta vẫn không lười mỏi. Đó là Đại Bồ-tát thường khởi đại Bi.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đem tâm kính tín các Sư trưởng, thừa phụng cúng dường như phụng sự chư Phật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì mong cầu quả vị Giác ngộ cao tốt ở vị lai mà cung kính, tùy thuận Sư trưởng nhưng không bị luyến ái, đó là Đại Bồ-tát đem tâm kính tín Sư trưởng, thừa phụng cúng dường như phụng thờ chư Phật.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát siêng cầu tu tập pháp Ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên tâm tu học tất cả pháp Ba-la-mật-đa, chẳng đoái hoài đến các việc khác, chỉ mong muốn thành thực tất cả hữu tình, đó là Đại Bồ-tát siêng cầu tu tập Ba-la-mật-đa. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ nhị địa, các Đại Bồ-tát nên tư duy và học, khiến cho mau viên mãn tám pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát siêng cầu đa văn, thường không nhầm chán đối với pháp đã nghe, cũng không chấp trước văn tự?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào phát khởi sự siêng năng, tinh tấn và nghĩ rằng: Nếu tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong cõi Phật này hoặc mười phương thế giới, đã thuyết giảng chánh pháp, thì ta sẽ lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tu học rốt ráo, không để thiếu sót mà ở đó ta không chấp trước văn tự. Đó là Đại Bồ-tát siêng cầu đa văn, thường không nhầm chán đối với giáo pháp đã nghe rồi, cũng chẳng chấp trước văn tự.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đem tâm vô nhiễm thường hành pháp thí dù mở rộng sự giáo hóa nhưng chẳng tự cao?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì các hữu tình mà thuyết giảng chánh pháp chứ chẳng phải vì mình, đem căn lành này hồi hướng quả Bồ-đề, không phải để cầu những việc khác, tuy giáo hóa nhiều nhưng chẳng buông lung, kiêu căng, đó là Đại Bồ-tát thường đem tâm vô nhiễm thực hành pháp thí, dù mở rộng sự giáo hóa nhưng chẳng tự cao.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì nghiêm tịnh cõi Phật nên trồng các căn lành, tuy để hồi hướng nhưng chẳng tự cao?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào tinh tấn, dũng mãnh tu các căn lành; vì muốn trang nghiêm cõi thanh tịnh của chư Phật, vì muốn

thanh tịnh cõi lòng của chính mình và của mọi người, tuy làm như vậy mà chẳng tự cao. Đó là Đại Bồ-tát vì nghiêm tịnh cõi Phật nên trông các căn lành, tuy để hồi hướng mà chẳng tự cao.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình mà chẳng nhàm chán với vô biên sinh tử, cũng không buông lung kiêu căng?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì muốn thành thực tất cả hữu tình nên trông các căn lành, trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, cho dù chưa viên mãn trí Nhất thiết trí, chưa thành tựu trọn vẹn tất cả Phật pháp, thì dù phải chịu vô biên sinh tử, khổ nhọc cũng không hề nhàm mỏi, cũng chẳng tự cao. Đó là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình mà chẳng nhàm chán vô biên sinh tử cũng không buông lung kiêu căng.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tuy có hổ thẹn nhưng không chấp trước?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên cầu quả vị Giác ngộ cao tốt, vì đầy đủ hổ thẹn nên quyết không tạm khởi tác ý về Thanh văn, Độc giác, nhưng ở trong đó không chấp trước, không sinh nhàm chán và hủy báng. Đó là Đại Bồ-tát tuy có hổ thẹn nhưng không chấp trước. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tam địa, các Đại Bồ-tát thường nên an trụ năm pháp như vậy, siêng năng, tinh tấn, tu tập, khiến mau viên mãn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trú chỗ vắng vẻ thường chẳng từ bỏ?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào vì cầu quả vị Giác ngộ cao tốt mà vượt những bậc của Thanh văn, Độc giác, thường chẳng từ bỏ chỗ vắng vẻ, đó là Đại Bồ-tát trú chỗ vắng vẻ, thường chẳng từ bỏ.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường ưa sự thiếu dục?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không vì bản thân mà mong cầu quả vị Giác ngộ cao tốt, hướng chi mong cầu những việc của thế gian và hàng Nhị thừa, đó là Đại Bồ-tát thường ưa thiếu dục.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường ưa hỷ túc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chuyên cầu quả vị Giác ngộ cao tốt mà không chấp trước các việc khác, đó là Đại Bồ-tát thường ưa hỷ túc.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường chẳng lia bỏ công

đức Đầu-đà?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào xét kỹ pháp nhãn trong giáo pháp thâm sâu của Phật, đó là Đại Bồ-tát thường chẳng lìa bỏ công đức Đầu-đà.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường chẳng xả bỏ các học xứ?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào giữ vững giới đã học, chẳng dời đổi nhưng ở trong đó cũng chẳng chấp giữ tướng của chúng, đó là Đại Bồ-tát thường chẳng xả bỏ các học xứ.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát phải sinh tâm nhằm chán và muốn xa lìa các dục lạc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chẳng khởi lòng dục đối với dục lạc hấp dẫn, đó là Đại Bồ-tát sinh tâm nhằm chán, muốn xa lìa các dục lạc.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường muốn phát khởi tâm tương ứng Niết-bàn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thấu hiểu hết tất cả pháp, thường không tạo tác, đó là Đại Bồ-tát thường muốn phát khởi Niết-bàn tương ứng với tâm.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường muốn xả bỏ tất cả vật?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường không chấp giữ pháp bên trong, bên ngoài, đó là Đại Bồ-tát chẳng mê muội bất cứ lúc nào.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường không luyến tiếc tất cả sự việc?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chẳng bị tư duy về tất cả sự việc, đó là Đại Bồ-tát không luyến tiếc tất cả sự việc. Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ tứ địa, các Đại Bồ-tát phải thường thọ trì, không được tạm ngưng đối với mười pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa gia cư?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào chí tánh ưa dạo chơi cõi nước của chư Phật, sinh ở chỗ nào cũng muốn xuất gia, cạo bỏ râu tóc, ôm bình bát, mặc ba pháp y, hiện làm Sa-môn. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa gia cư.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa Bí-sô-ni?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào thường phải xa lìa các Bí-sô-ni, không cùng họ ở chung trong khoảng thời gian rất ngắn, chẳng được khởi tâm xấu về họ, đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa Bí-sô-ni.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa nhà keo kiệt?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ như vậy: Ta nên vì lợi ích an vui lâu dài cho tất cả hữu tình, khiến hữu tình này nương nhờ phước lực của họ mà cảm được việc làm của thí chủ là tốt như vậy; vì thế ở trong đây, ta chớ nên keo kiệt, ganh ghét. Suy nghĩ như vậy rồi, vị ấy xa lìa nhà keo kiệt. Đó là Đại Bồ-tát xa lìa nhà keo kiệt.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa hội chúng tranh cãi tức giận?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ thế này: Hội chúng nào mà trong đó hoặc có hành Thanh văn và Độc giác, hoặc chủ yếu nói pháp tương ứng với hàng Nhị thừa, làm cho ta thoái lui tâm đại Bồ-đề. Vì thế, ta quyết định nên xa lìa chúng hội ấy. Lại nghĩ rằng: Những kẻ hay tức giận, tranh cãi ấy có thể làm cho các hữu tình phát khởi sự sân hại, tạo ra nhiều loại nghiệp ác bất thiện. Đối với đường lành còn chống trái, huống gì đại Bồ-đề; vì thế quyết định nên xa lìa sự tức giận tranh cãi. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa hội chúng tranh cãi tức giận.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự khen mình chê người?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào không thấy có pháp trong, pháp ngoài, thường xa lìa sự khen mình, chê người; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự khen mình chê người.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa mười nghiệp đạo ác?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào suy nghĩ thế này: Đối với cảnh giới thiện của trời, người mà mười điều ác này còn ngăn ngại như vậy, huống gì đối với Thánh đạo và đại Bồ-đề, thế nên nhất định ta phải xa lìa chúng. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa mười nghiệp đạo ác.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự tăng thượng mạn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào hoàn toàn không thấy có các pháp trong và ngoài, đáng để mà phát khởi sự tăng thượng mạn. Vì thế

nên quyết định xa lìa sự tăng thượng mạn như vậy, đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tăng thượng mạn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự điên đảo?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào quán các sự điên đảo hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì thế quyết định phải xa lìa sự điên đảo; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự điên đảo.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự do dự?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào xét thấy sự do dự hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì thế nên quyết định xa lìa sự do dự; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa sự do dự.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tham, sân, si?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào hoàn toàn không thấy có tham, sân, si, coi tham, sân, si như là ba độc nên phải xa lìa; đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tham, sân, si.

Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ ngũ địa, Đại Bồ-tát phải thường xa lìa, không nên gần gũi, tu tập theo mười pháp này.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, vượt qua các bậc Thanh văn, Độc giác... Nếu trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa này thì Thánh chúng, Tam thừa, năm loại sở tri có thể vượt qua, để đến bờ giác. Những gì là năm? Một là quá khứ. Hai là vị lai. Ba là hiện tại. Bốn là vô vi. Năm là chẳng thể nêu bày. Thế nên Đại Bồ-tát nhất định phải viên mãn bố thí... sáu pháp Ba-la-mật-đa. Đó là Đại Bồ-tát nên viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Thanh văn?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Tâm Thanh văn thừa chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì nhằm chán sinh tử. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Thanh văn.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm Độc giác?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Tâm Độc giác thừa chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì ưa thích Niết-bàn. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm

Độc giác.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nhiệt não?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Tâm nhiệt não lo sợ sinh tử, chẳng phải đạo, để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa tâm nhiệt não. Vì sao? Vì sợ sinh tử? Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nhiệt não.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm mỗi khi thấy kẻ đến xin, sầu não chẳng vui?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Tâm ưa sầu, không vui này chẳng phải đạo để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì trái với từ bi. Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm hề thấy kẻ đến xin thì sầu não chẳng vui.

Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm nuối tiếc, buồn rầu, hối hận đối với vật sở hữu đã cho?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào nghĩ rằng: “Tâm hối tiếc này chẳng phải đạo để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên phải xa lìa. Vì sao? Vì trái nghịch với bản nguyện ban đầu. Nghĩa là trước đây, khi phát tâm Bồ-đề. Ta có nguyện rằng: Phàm ai đến xin những vật sở hữu của ta, ta đều theo nhu cầu của họ, chẳng để họ thiếu thốn. Tại sao hôm nay lại đối tránh họ? Đó là Đại Bồ-tát nên xa lìa tâm đối tránh với kẻ đến xin.

Thiện Hiện nên biết, khi trụ Đệ lục địa, các Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sáu pháp nói ở sau, nhưng trong đó không có sự chấp giữ.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 491

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (10)

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp cái thấy?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán ngã cho đến cái thấy hoàn toàn chẳng phải có. Vì sao? Vì tự tánh của ngã cho đến cái thấy, là chẳng thể nắm bắt được; đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp ngã cho đến chấp cái thấy.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đoạn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tất cả pháp tánh là không thể đoạn. Vì sao? Vì nghĩa của tất cả pháp, hoàn toàn không sinh, không đoạn; đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đoạn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp thường?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh tất cả pháp là thường, chẳng có. Vì sao? Vì tất cả pháp không sinh, không diệt, chẳng đoạn, chẳng thường. Đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp thường.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tưởng tướng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán pháp tạp nhiễm là hoàn toàn chẳng có. Vì sao? Vì pháp tạp nhiễm, tánh nó vốn xa lìa, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tưởng tướng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp kiến?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không thấy có tự tánh của các kiến. Vì sao? Vì chỗ thấy của các pháp là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp kiến.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp

danh sắc?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của danh sắc hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì danh sắc chân thật là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp danh sắc.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp uẩn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các uẩn là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh của pháp tích tụ là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp uẩn?

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp xứ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các xứ là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh pháp sinh môn là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp xứ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp giới?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các giới là hoàn toàn không sở hữu. Vì sao? Vì tánh pháp trú trì là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp giới.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đế?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh các đế đều không sở hữu. Vì sao? Vì pháp chẳng phải hư dối là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp đế.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp duyên khởi?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh duyên khởi đều là không sở hữu. Vì sao? Vì pháp vô minh, hành, thức... là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp duyên khởi.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp trú trước ba cõi?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh ba cõi đều không sở hữu. Vì sao? Vì pháp ràng buộc ba cõi là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp trú trước ba cõi.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp tất cả pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các pháp đều không sở hữu. Vì sao? Vì tự tánh của các pháp chỉ là giả dụ, thiết lập, giống như hư không, đều chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa sự chấp đối với tất cả pháp như lý hoặc bất như lý?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh tất cả pháp không có là đúng lý, không đúng lý. Vì sao? Vì các pháp như vậy là chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường xa lìa sự chấp đối với tất cả pháp đúng lý hoặc chẳng đúng lý.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào việc thấy Phật thì không được thấy Phật. Vì sao? Vì tự tánh chân như Phật thì không thể thấy, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Phật.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào việc thấy pháp thì không được thấy Pháp. Vì sao? Vì tự tánh chân như của Pháp thì không thể thấy, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Tăng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết dựa vào tri kiến về Tăng thì không được thấy Tăng. Vì sao? Vì tự tánh chân như của Tăng là vô tướng, vô vi, là không thể thấy. Đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về Tăng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về giới?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ biết tánh tội phước đầy đủ, chẳng thật có. Vì sao? Vì tội hoặc phước chỉ giả dụ, thiết lập, nó chẳng thể nắm bắt được, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa

chấp dựa vào tri kiến về giới.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán các pháp của không, đều không sở hữu, đều không thể xem thấy. Vì sao? Vì tự tánh của không chẳng hữu, chẳng vô, không thể thấy. Đây là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa chấp dựa vào tri kiến về không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa nhàm chán, sợ hãi, tánh không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tất cả pháp tự tánh đều không, chẳng phải không cùng với không mà có sự chống trái, cho nên việc nhàm chán, sợ hãi đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì các pháp hữu tánh, thì nên nhàm chán, sợ hãi; các pháp không phi hữu tánh, thì không nên nhàm chán, sợ hãi; đây là Đại Bồ-tát thường nên xa lìa nhàm chán, sợ hãi tánh không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn, thông đạt pháp Không?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát biết tất cả pháp tự tướng đều không thì đây là Đại Bồ-tát thường được viên mãn, thông đạt pháp Không.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn chứng đắc Vô tướng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không suy nghĩ tất cả tướng thì đây là Đại Bồ-tát thường được viên mãn chứng đắc Vô tướng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn biết rõ Vô nguyện?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đối với pháp trong ba cõi tâm không chỗ trụ, thì đây là Đại Bồ-tát thường được viên mãn biết rõ Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thanh tịnh ba luân?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào viên mãn thanh tịnh mười nẻo nghiệp thiện, thì đây là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thanh tịnh ba luân.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn

thương xót hữu tình và đối với loài hữu tình không có chỗ chấp trước?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đã được đại Bi và làm trang nghiêm tịnh độ, hoàn toàn không có chỗ chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thương xót hữu tình và đối với loài hữu tình không có chỗ chấp trước.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với tất cả pháp và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không tăng, không giảm và không chấp giữ, không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với tất cả pháp và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với các loài hữu tình và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các loài hữu tình không tăng, không giảm và không chấp giữ, không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy tánh bình đẳng đối với các loài hữu tình và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thông suốt rốt ráo đối với pháp chân thật lý thú và không chấp trước những điều trong đó?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chân thật lý thú, tuy thật thông đạt mà không có chỗ thông đạt và không chấp giữ không trú trước những điều trong đó, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thông suốt rốt ráo đối với pháp chân thật lý thú và không chấp trước những điều trong đó.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trí Vô sinh nhẫn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhẫn nhục với tất cả pháp, biến nó không sinh, không diệt, không tạo, không tác và biết rõ danh sắc hoàn toàn không sinh, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trí Vô sinh nhẫn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thuyết tất cả pháp nhất tướng lý thú?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không hành hai tướng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thuyết tất cả pháp nhất tướng lý thú.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn diệt trừ phân biệt?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, không có sự phân biệt, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn diệt trừ phân biệt.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các tướng?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường nên xa lìa tất cả tướng nhỏ tướng lớn và tướng vô lượng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các tướng.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các kiến?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát xa lìa các kiến của Thanh văn, Độc giác..., thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa các kiến.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xa lìa phiền não?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát xả bỏ tất cả sự liên tục của tập khí phiền não hữu lậu, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xa lìa phiền não.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khéo léo thực hành phép chỉ quán?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khéo léo thực hành phép chỉ quán.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn điều phục tâm tánh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát ở trong các pháp của ba cõi mà không đắm trước, không lạc thú, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn điều phục tâm tánh.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tịch

tĩnh tâm tánh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hộ trì hoàn toàn sáu căn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tịch tĩnh tâm tánh.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tánh vô ngại trí?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành chứng đắc Phật nhãn, đối với tất cả pháp quyết định rõ ràng, không chướng ngại, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tánh vô ngại trí.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn không bị ái nhiễm?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát ở trong sáu xứ, vui vẻ xả bỏ hoàn toàn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn không ái nhiễm bất cứ điều gì.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy tâm ý, muốn qua chỗ nào ở các cõi Phật và tự thân được tham dự trong hội chúng của chư Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nào tu hành đạt được thần thông thù thắng, đến các cõi Phật, để phụng sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn và thỉnh chuyển pháp luân, làm lợi ích cho tất cả, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy tâm ý, muốn qua chỗ nào ở các cõi Phật và tự thân được tham dự trong hội chúng của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ ở Đệ thất địa thì thường nên xa lìa hai mươi pháp trên và viên mãn hai mươi pháp sau.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ngộ nhập tâm hành tất cả hữu tình?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhất tâm cùng với trí như thật biết, hành tướng sai biệt của tâm và tâm sở đối với tất cả hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ngộ nhập tâm hành tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn du hí thần thông?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường dùng các loại thần thông tự tại du hí là để thân cận cúng dường chư Phật từ một cõi Phật đến một cõi Phật chứ không sinh vọng tưởng ở cõi Phật, thì đấy là Đại

Bồ-tát thường nên viên mãn du hý thân thông.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy các cõi Phật và theo chỗ đã thấy mà tự trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ trong một cõi Phật, có thể thấy mười phương vô biên cõi Phật và cũng có thể thị hiện, nhưng thường không sinh vọng tưởng ở cõi Phật. Lại vì thành thực các hữu tình, cho nên thị hiện Chuyển luân vương ở khắp thế giới ba lần ngàn, để tự trang nghiêm và có thể xả bỏ mà không chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn thấy các cõi Phật và theo chỗ đã thấy mà tự trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn và đối với thân Như Lai, quán sát như thật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn đem lợi ích cho các hữu tình, nên đối với nghĩa thú các pháp, như thật phân biệt. Như vậy gọi là vì pháp mà phụng sự cúng dường chư Phật, lại quán sát rõ pháp thân chư Phật, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên phụng sự cúng dường viên mãn chư Phật Thế Tôn và đối với thân Như Lai, quán sát như thật.

Thiện Hiện, thầy nên biết khi Đại Bồ-tát an trụ ở Đệ bát địa thì đối với bốn pháp này thường được viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trí căn hơn kém?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ trong mười phương Phật, như thật biết rõ các căn hơn kém của tất cả hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trí căn hơn kém.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, để trang nghiêm thanh tịnh tâm hành của tất cả hữu tình và không bị chấp trước, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn các định sở nhập đẳng trì như huyễn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ định đẳng trì này, tuy có thể thành tựu tất cả sự nghiệp nhưng tâm không chao động đối với các pháp, lại tu rất thành thực môn đẳng trì, cho nên không cần tạo gia hành mà luôn hiện tiền, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn các định số nhập đẳng trì như huyễn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tùy theo căn lành thuần thực của các hữu tình mà tự nguyện thị hiện vào trong các cõi để hóa sinh?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn thành thực căn lành thù thắng cho các hữu tình, theo chỗ thích nghi để thị hiện thọ sinh vào trong các cõi, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn tùy theo căn lành thuần thực của các hữu tình mà tự nguyện thị hiện vào trong các cõi để hóa sinh.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ nơi đệ cửu địa, thì đối với bốn pháp này thường được viên mãn.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo đại nguyện mà nhiếp thọ vô biên xứ và theo sở nguyện của chúng sinh mà làm họ chứng đắc?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đã tu sáu pháp Ba-la-mật-đa rất viên mãn, hoặc vì trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, hoặc vì thành thực các loài hữu tình và tùy theo tâm sở nguyện, đều làm viên mãn không thiếu sót, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo đại nguyện mà nhiếp thọ vô biên xứ và theo sở nguyện của chúng sinh làm cho họ chứng đắc.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tùy theo các loại âm thanh, trí tuệ khác nhau của các loài Trời, Rồng, nói rộng đến Nhân phi nhân mà thuyết pháp?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập thù thắng từ vô ngại giải, khéo biết âm thanh, ngôn ngữ khác nhau của hữu tình, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên tùy theo các loại âm thanh, trí tuệ khác nhau của các loài Trời, Rồng, nói rộng đến, Thần, Nhân phi nhân mà thuyết pháp.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn khi thuyết pháp biện tài vô ngại?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập thù thắng biện tài vô ngại

giải, rồi vì các hữu tình mà diễn thuyết vô tận, thì đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn khi thuyết pháp biện tài vô ngại.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thực sự hóa sinh khắp tất cả chỗ, chỉ vì lợi ích cho hữu tình mà thị hiện nhập thai. Trong quá trình nhập thai, đều hiện đầy đủ các điều thù thắng, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn nhập thai đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xuất sinh đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát trong khi xuất sinh, thị hiện các điều hy hữu thù thắng, làm cho các hữu tình thấy đều hoan hỷ, được lợi ích lớn, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn xuất thai đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sinh trong gia tộc cao quý?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường sinh trong dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, hoặc dòng dõi lớn Bà-la-môn, chỗ bẩm thọ cha mẹ không thể chê trách, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn sinh trong gia tộc cao quý.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ở trong chủng tánh đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường sinh trong dòng họ các Đại Bồ-tát thời quá khứ, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn ở trong chủng tánh đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì quyến thuộc được đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ dùng thuần nhất vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát làm quyến thuộc, ngoài ra không xen tạp các hàng khác, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn quyến thuộc thường đầy đủ.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì thân sinh thường hoàn hảo?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi mới sinh ra, ở nơi thân đầy đủ các tướng tốt, phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp, vô biên các thế giới

chư Phật đồng thời các loài hữu tình trong các thế giới ấy cũng biến động sáu cách, ai gặp cũng đều được lợi ích an vui, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn vì thân sinh thường hoàn hảo.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xuất gia?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi xuất gia, thì vô lượng, vô số trăm ngàn muôn ức chúng vây quanh trước sau, tôn trọng ngợi khen. Khi đến đạo tràng, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, tay cầm bình bát, làm thầy dẫn đường cho vô lượng, vô biên hữu tình bằng giáo lý Tam thừa cho đến lúc viên tịch; đấy là Đại Bồ-tát thường được viên mãn xuất gia.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát căn lành thù thắng, nguyện lực rộng lớn, cảm ứng cây đại Bồ-đề như vậy: Ngọc lưu ly lấy làm thân cây, vàng ròng làm gốc, nhánh lá hoa quả đều dùng bảy báu thượng diệu làm thành. Cây ấy cao rộng phủ khắp thế giới ba lần ngàn cõi Phật. Ánh sáng tỏa khắp hằng hà sa cõi Phật ở mười phương thế giới. Các loài hữu tình trông thấy đều được lợi ích, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn trang nghiêm cây Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn, sao gọi là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tất cả công đức được thành biện đầy đủ?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đầy đủ tư lương phước tuệ thù thắng, lại thành thực các hữu tình và làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì đấy là Đại Bồ-tát thường nên viên mãn tất cả công đức được thành biện đầy đủ.

Thiện Hiện nên biết, khi các Đại Bồ-tát an trụ nơi Đệ thập địa, thường nên viên mãn mười hai pháp này.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi đã an trụ nơi Đệ thập địa rồi, đối với việc tu hành thắng pháp của các địa trước đều được viên mãn, đồng với chư Như Lai tuyên thuyết không khác?

Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này đã viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; đã viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đã viên mãn ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện;

đã viên mãn nội pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đã viên mãn chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đã viên mãn bốn Thánh đế; đã viên mãn, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; đã viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đã viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã viên mãn mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đầy đủ trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng. Lại luôn luôn đoạn trừ sự tương tục tất cả phiền não tập khí, liền được an trú Phật địa. Do đó cho nên nói, Đại Bồ-tát đã an trú ở Thập địa, đối với việc tu hành thắng pháp ở các địa trước đều được viên mãn cùng với chư Như Lai tuyên thuyết không khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bach Thế Tôn, Đại Bồ-tát an trú ở Thập địa hưởng đến Như Lai địa như thế nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này dùng phương tiện thiện xảo, thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, tu bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Đầy đủ trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng; vượt qua bậc Tịnh quán, bậc Chứng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát. Lại đoạn trừ hẳn sự tương tục tất cả phiền não tập khí, liền thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và an trú địa vị Như Lai.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy là an trú ở Thập địa hưởng đến Như Lai địa. Như thế Thiện Hiện nên biết, đó là các Đại Bồ-tát phát tâm, hưởng đến Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, thầy có thể hỏi tiếp như vậy: “Đại thừa từ đâu ra và đến an trú ở đâu?”

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa từ trong ba cõi ra và đến an trú trong trí Nhất thiết trí. Lại dùng pháp môn không hai làm phương tiện, cho nên không xuất cũng không trụ. Vì sao? Vì nếu Đại thừa hoặc trí Nhất thiết trí, hai pháp như vậy không hợp cũng không tan; chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến; chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối; đều đồng một tướng gọi là không tướng. Pháp của không tướng thì không xuất,

không trụ. Vì sao? Vì pháp không tướng chẳng phải đã xuất, đã trụ, chẳng phải sẽ xuất, sẽ trụ, chẳng phải đang xuất, đang trụ...

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cho chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh xa lìa sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không có thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì chân như, tự tánh của chân như đều là không, cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tĩnh, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không tánh, cảnh giới không tướng, cảnh giới không tạo tác, cảnh giới vô vi cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi đều không thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn, tự tánh của cảnh giới đoạn là không cho đến cảnh giới vô vi, tự tánh của cảnh giới vô vi cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc không cho đến thức không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc không cho đến thức không đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không có thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc không, tự tánh của sắc không là không, cho đến thức không, tự tánh của thức không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn xứ không cho đến ý xứ không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn xứ không cho đến ý xứ không, đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn xứ không, tự tánh của nhãn xứ không là không; cho đến ý xứ không, tự tánh của ý xứ không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc xứ không cho đến pháp xứ không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc xứ không cho đến pháp xứ

không, đều không có thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc xứ không, tự tánh của sắc xứ không là không; cho đến pháp xứ không, tự tánh của pháp xứ không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ, chỉ vì muốn nhãn giới không cho đến ý giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn giới không cho đến ý giới không, đều không thể ra ngoài ba cõi, cũng không thể đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn giới không, tự tánh của nhãn giới không là không, cho đến ý giới không, tự tánh của ý giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn sắc giới không cho đến pháp giới không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì sắc giới không cho đến pháp giới không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc giới không, tự tánh của sắc giới không là không, cho đến pháp giới không, tự tánh của pháp giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn thức giới không cho đến ý thức giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn thức giới không cho đến ý thức giới không, đều không thể ra ngoài ba cõi cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn thức giới không, tự tánh của nhãn thức giới không là không, cho đến ý thức giới không, tự tánh của ý thức giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhãn xúc không cho đến ý xúc không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhãn xúc không cho đến ý xúc không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhãn xúc không, tự tánh của nhãn xúc không là không, cho đến ý xúc không, tự tánh của ý xúc không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra

không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng là không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không, tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn địa giới không, cho đến thức giới không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì địa giới không, cho đến thức giới không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì địa giới không, tự tánh của địa giới không là không, cho đến thức giới không, tự tánh của thức giới không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nhân duyên không, tự tánh của nhân duyên không, cho đến tăng thượng duyên không, tự tánh của tăng thượng duyên không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn vô minh không, cho đến lão tử không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì vô minh không, cho đến lão tử không, đều không ra ngoài ba cõi, cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì vô minh không, tự tánh của vô minh không đều là không, cho đến lão tử không, tự tánh của lão tử không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quang nắng, hoa đốm trong hư không, thành Tầm hương, các việc biến hóa, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì cảnh mộng, cho đến việc biến hóa, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì cảnh mộng, tự tánh của cảnh mộng là không, cho đến việc biến hóa, tự tánh của việc biến hóa cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn Bồ thí ba-la-mật-đa không cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa không cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa không, tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa không đều là không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không, tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không bên trong, tự tánh của pháp không bên trong là không cho đến pháp không không tánh tự tánh, tự tánh của pháp không không tánh tự tánh cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không, tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Niệm trụ không cho đến tám chi Thánh đạo không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không cho đến tám chi Thánh đạo không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không, tự tánh của bốn Niệm trụ không đều là không, cho đến tám chi Thánh đạo không, tự tánh của tám chi Thánh đạo không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ, chỉ vì muốn bốn Tĩnh lự không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không, tự tánh của bốn Tĩnh lự không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Vô lượng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Vô lượng không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Vô lượng không, tự tánh của bốn Vô lượng không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bốn Định vô sắc không cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bốn Định vô sắc không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bốn Định vô sắc không, tự tánh của bốn Định vô sắc không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không, cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn tám Giải thoát không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì tám Giải thoát không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tám Giải thoát không, tự tánh của tám Giải thoát không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn chín Định thứ đệ không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì chín Định thứ đệ không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì chín Định thứ đệ không, tự tánh của chín Định thứ đệ không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Tịnh quán không cho đến bậc Như Lai không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán không cho đến bậc Như Lai không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán không, tự tánh của bậc Tịnh quán không là không, cho đến bậc Như Lai không, tự tánh của bậc Như Lai không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Cực hỷ không cho đến bậc Pháp vân không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ không cho đến bậc Pháp vân không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ không, tự tánh của bậc Cực hỷ không là không, cho đến bậc Pháp vân không, tự tánh của Pháp vân không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không là không, tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không cũng là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn năm loại mắt, sáu phép thần thông không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông không, tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn mười lực của Như Lai không cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai không cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, đều không ra ngoài ba cõi cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai không, tự tánh của mười lực của Như Lai không đều là không, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an

trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không, tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn bậc Dự lưu lại sinh ác thú, bậc Nhất lai lại thường sinh trở lại, bậc Bất hoàn lại sinh cõi Dục, chư Bồ-tát lại sinh tâm tự lợi, A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại sinh thân đời sau, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu lại sinh ác thú cho đến Như Lai lại sinh thân đời sau, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Dự lưu lại sinh ác thú, tự tánh của Dự lưu lại sinh ác thú đều là không, cho đến Như Lai lại sinh thân đời sau, tự tánh của Như Lai lại sinh thân đời sau cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất có trụ chỉ vì muốn bậc Dự lưu không cho đến Như Lai không, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu không, cho đến Như Lai không, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bậc Dự lưu không, tự tánh của Dự lưu không đều là không, cho đến Như Lai không, tự tánh của Như Lai không cũng đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ; chỉ vì muốn danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ, tự tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ đều là không.

Thiện Hiện nên biết, có người muốn làm cho pháp không tướng có xuất, có trụ chỉ vì muốn pháp không sinh, không diệt, không

nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, cũng có xuất, có trụ. Vì sao? Vì pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, đều không ra ngoài ba cõi; cũng không đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, tự tánh của pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi đều là không.

Thiện Hiện nên biết, do các sự kiện này cho nên Ta thuyết rằng: Đại thừa ra ngoài ba cõi, đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Rồi dùng pháp môn không hai làm phương tiện, cho nên không xuất, không trụ. Vì sao? Vì pháp của không tướng là không động chuyển, cho nên không thể nói có xuất, có trụ.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 492

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (11)

Lại nữa Thiện Hiện, tiếp đó ông lại hỏi: “Đại thừa như vậy là trụ ở đâu?”

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy đều không chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không chỗ trụ. Vì sao? Vì chỗ trụ của các pháp là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, như vậy Đại thừa dùng vô sở đắc làm phương tiện, để an trụ nơi không chỗ trụ. Thiện Hiện, ví như chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh chân như cho đến tự tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì chân như, tự tánh của chân như là không, cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng là không.

Thiện Hiện, ví như cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh cảnh giới đoạn cho đến tự tánh cảnh giới vô vi, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do cảnh giới đoạn, tự tánh của cảnh giới đoạn đều là không, cho đến cảnh giới vô vi, tự tánh của cảnh giới vô vi cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như sắc uẩn cho đến thức uẩn, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn, đều

không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do sắc uẩn, tự tánh của sắc uẩn là không, cho đến thức uẩn, tự tánh của thức uẩn cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn xứ cho đến ý xứ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do nhãn xứ, tự tánh của nhãn xứ là không, cho đến ý xứ, tự tánh của ý xứ cũng là không.

Thiện Hiện, ví như sắc xứ cho đến pháp xứ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do sắc xứ, tự tánh của sắc xứ là không, cho đến pháp xứ, tự tánh của pháp xứ cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn giới cho đến ý giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do nhãn giới, tự tánh của nhãn giới là không, cho đến ý giới, tự tánh của ý giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như sắc giới cho đến pháp giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì sắc giới, tự tánh của sắc giới là không, cho đến pháp giới, tự tánh của pháp giới cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhãn thức giới, tự tánh của nhãn thức giới là không, cho đến ý thức giới, tự tánh của ý thức giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhãn xúc cho đến ý xúc, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhãn xúc, tự tánh của nhãn xúc là không, cho đến ý xúc, tự tánh của ý xúc cũng là không.

Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho

đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như địa giới cho đến thức giới, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì địa giới, tự tánh của địa giới là không; cho đến thức giới, tự tánh của thức giới cũng là không.

Thiện Hiện, ví như nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì nhân duyên, tự tánh của nhân duyên là không, cho đến tăng thượng duyên, tự tánh của tăng thượng duyên cũng là không.

Thiện Hiện, ví như vô minh cho đến lão tử chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì vô minh, tự tánh của vô minh là không, cho đến lão tử, tự tánh của lão tử cũng là không.

Thiện Hiện, ví như cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quang năng, hoa đốm hư không, thành Tầm hương, các việc biến hóa cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của cảnh mộng cho đến tự tánh các việc biến hóa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì cảnh mộng, tự tánh của cảnh mộng là không, cho đến các việc biến hóa, tự tánh của các việc biến hóa cũng là không.

Thiện Hiện, ví như Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Bồ thí ba-la-

mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa, tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa là không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là không.

Thiện Hiện, ví như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không bên trong cho đến tự tánh của pháp không không tánh tự tánh, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp không bên trong, tự tánh của pháp không bên trong là không, cho đến pháp không không tánh tự tánh, tự tánh của pháp không không tánh tự tánh cũng là không.

Thiện Hiện, ví như Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều là không.

Thiện Hiện, ví như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ, tự tánh của bốn Niệm trụ là không, cho đến tám chi Thánh đạo, tự tánh của tám chi Thánh đạo cũng là không.

Thiện Hiện, ví như bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều là không.

Thiện Hiện, ví như pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô

nguyện cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của tám Giải thoát, tự tánh của chín Định thứ đệ đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và chín Định thứ đệ, tự tánh của tám Giải thoát và chín Định thứ đệ đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán, tự tánh của bậc Tịnh quán là không, cho đến bậc Như Lai, tự tánh của bậc Như Lai cũng là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ, tự tánh của bậc Cực hỷ là không, cho đến bậc Pháp vân, tự tánh của bậc Pháp vân cũng là không.

Thiện Hiện, ví như tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, của tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều là không.

Thiện Hiện, ví như năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh năm loại mắt, tự tánh sáu phép thần thông đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông đều là không.

Thiện Hiện, ví như mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh mười

lực của Phật cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì mười lực của Phật, tự tánh của mười lực của Phật là không, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng cũng là không.

Thiện Hiện, ví như pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều là không.

Thiện Hiện, ví như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì tự tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú. Bậc Nhất lai thường sinh lại. Bậc Bất hoàn lại sinh cõi Dục, các vị Bồ-tát lại sinh tự lợi. A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại có sinh thân đời sau... chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú cho đến tự tánh Như Lai mà lại có sinh thân đời sau, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú, tự tánh của bậc Dự lưu lại sinh ác thú là không, cho đến Như Lai mà lại có sinh thân đời sau, tự tánh của Như Lai mà lại có sinh thân đời sau cũng đều là không.

Thiện Hiện, ví như bậc Dự lưu hương, Dự lưu quả; Nhất lai hương, Nhất lai quả; Bất hoàn hương, Bất hoàn quả; A-la-hán hương, A-la-hán quả; Độc giác hương, Độc giác quả, tất cả hạnh Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu hương cho đến tự tánh quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do bậc Dự lưu hương, tự tánh của bậc Dự lưu hương là không, cho đến

quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng là không.

Thiện Hiện, ví như danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ; tự tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ đều là không.

Thiện Hiện, ví như không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều không trụ, không không trụ. Vì sao? Vì do các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi; tự tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều là không.

Thiện Hiện, do các điều trên cho nên Ta nói: “Như vậy Đại thừa tuy không chỗ trụ, nhưng dùng pháp môn không hai làm phương tiện, nên trụ mà không chỗ trụ.”

Lại nữa Thiện Hiện, câu hỏi sau của ông là “Ai giải thoát bằng cách tu tập Đại thừa?”

Thiện Hiện nên biết, hoàn toàn không có thừa nào là Đại thừa để giải thoát cả. Vì sao? Vì việc tu tập Đại thừa hay người tu tập theo Đại thừa; do đây, vì vậy, hoặc nơi, hoặc lúc; tất cả như vậy đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cho nên không thể nói có chỗ tu hành, hoặc có người tu hành Đại thừa, do đây, vì vậy, hoặc nơi, hoặc lúc; do nhân duyên này cho nên nói, không có thừa nào là Đại thừa để giải thoát cả. Vì sao? Vì tất cả pháp hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, ngã là không sở hữu, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh. Như vậy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, sự tạo tác, sự thọ nhận, cái biết, cái thấy cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành

Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được;. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, sắc giới cho đến Pháp giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao vậy? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến

các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, cảnh mộng, việc huyễn, tiếng vang, ảnh trong gương, quán năng, hoa đốm hư không, thành Tâm hương, các việc biến hóa... đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại

thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiền Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng

đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu mà lại sinh ác thú; bậc Nhất lai thường sinh lại; bậc Bất hoàn lại sinh Dục giới; các vị Bồ-tát sinh tâm tự lợi; A-la-hán, Độc giác, Như Lai lại thường sinh thân đời sau đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu hương, Dự lưu quả; Nhất lai hương, Nhất lai quả; Bất hoàn hương, Bất hoàn quả; A-la-hán hương, A-la-hán quả; Độc giác hương, Độc giác quả; tất cả các hạnh của Bồ-tát Ma-ha-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn ngữ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, trước, sau, giữa đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm đều

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Thiện Hiện, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thành thực các hữu tình đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cho nên người tu hành Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn là rốt ráo và thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp nào trong đây là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh ngã ấy cho đến tánh cái thấy là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh ngã cho đến tánh cái thấy, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh chân như ấy cho đến tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh chân như cho đến tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh cảnh giới đoạn ấy cho đến tánh cảnh giới vô vi là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh cảnh giới đoạn cho đến tánh cảnh giới vô vi, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh sắc uẩn ấy cho đến tánh thức uẩn là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc uẩn cho đến tánh thức uẩn, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh nhãn xứ cho đến tánh ý xứ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xứ cho đến tánh ý xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt

được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong sắc xứ tánh ấy cho đến tánh pháp xứ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc xứ cho đến tánh pháp xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh nhãn giới ấy cho đến tánh ý giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn giới cho đến tánh ý giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện, trong tánh sắc giới ấy cho đến tánh pháp giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc giới cho đến tánh pháp giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhãn thức giới ấy cho đến tánh ý thức giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn thức giới cho đến tánh ý thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhãn xúc ấy cho đến tánh ý xúc là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xúc cho đến tánh ý xúc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ấy cho đến tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh địa giới ấy cho đến tánh thức

giới là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh địa giới cho đến tánh thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh nhân duyên ấy cho đến tánh tăng thượng duyên là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhân duyên cho đến tánh tăng thượng duyên, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh vô minh ấy cho đến tánh lão tử là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh vô minh cho đến tánh lão tử chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh cảnh mộng cho đến tánh của các việc biến hóa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh cảnh mộng cho đến tánh các việc biến hóa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh pháp không bên trong ấy cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp không bên trong cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì

sao? Vì tánh Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bốn Niệm trụ ấy cho đến tánh tám chi Thánh đạo chỉ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm trụ cho đến tánh tám chi Thánh đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bậc Tịnh quán ấy cho đến tánh bậc Như Lai là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Tịnh quán cho đến tánh bậc Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh bậc Cực hỷ ấy cho đến tánh bậc Pháp vân là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Cực hỷ cho đến tánh bậc Pháp

vân, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh mười lực của Phật ấy cho đến tánh mười tám pháp Phật bất cộng là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật cho đến tánh mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của Dự lưu mà lại sinh ác thú cho đến tánh Như Lai lại có sinh thân đời sau là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Dự

lưu mà lại sinh ác thú cho đến tánh Như Lai lại có sinh thân đời sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của các bậc Dự lưu hương, Dự lưu quả, Nhất lai hương, Nhất lai quả, Bất hoàn hương, Bất hoàn quả, A-la-hán hương, A-la-hán quả, Độc giác hương, Độc giác quả, tất cả hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các bậc Dự lưu hương đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của bậc Dự lưu cho đến tánh của Như Lai là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của bậc Dự lưu cho đến tánh của Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn thuyết, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của danh tự, giả tướng, thiết lập, ngôn thuyết, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tác, vô vi, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh giai đoạn đầu, giữa, sau là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của giai đoạn đầu, giữa, sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể

nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của hoặc qua, hoặc lại, hoặc đi, hoặc đứng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh của hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của hoặc chết, hoặc sống, hoặc tăng, hoặc giảm, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trong đấy, tánh trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu cho hữu tình là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc cho đến thức, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đây, sắc cho đến thức, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn xứ cho đến ý xứ, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn xứ cho đến ý xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc xứ cho đến pháp xứ, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, sắc xứ cho đến pháp xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt

được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới cho đến ý giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn giới cho đến ý giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc giới cho đến pháp giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, sắc giới cho đến pháp giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn xúc cho đến ý xúc, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đấy, nhãn xúc cho đến ý xúc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được;. Vì sao? Vì trong đó các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, địa giới cho đến thức giới, trong pháp

không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong ấy địa giới cho đến thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, vô minh cho đến lão tử, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, vô minh cho đến lão tử, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm

bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó tám Giải thoát, chín thứ đệ định, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, năm loại mắt, sáu phép thần thông; trong

pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó nắm loại mất, sáu phép thần thông, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Dự lưu hướng cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, Dự lưu hướng cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật trong pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói là

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, chẳng phải đang có thể nắm bắt được, chẳng phải sẽ có thể nắm bắt được, vì hoàn toàn là thanh tịnh.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy quán các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, hoàn toàn thanh tịnh; cho nên không có Đại thừa để xuất trụ, nhưng dùng vô sở đắc làm phương tiện, người tu hành Đại thừa sẽ từ trong ba đường sinh tử mà ra đi đến an trụ nơi trí Nhất thiết trí; suốt đời vị lai làm lợi ích, an lạc cho loài hữu tình không đoan, không tận.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 493

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (12)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nói Đại thừa, Đại thừa ấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc,... tối tôn, tối thắng. Đại thừa như vậy cùng với hư không là bình đẳng. Ví như hư không có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình; Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Như hư không, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy; Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Như hư không khoảng trước, sau, giữa đều là chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, giai đoạn trước, sau, giữa đều là chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa như vậy cũng tối tôn, tối thắng cùng với hư không bình đẳng, dung nạp rất nhiều không động, không trụ, bình đẳng của ba đời, vượt khỏi ba đời, cho nên gọi là Đại thừa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông lời nói! Bồ-tát Đại thừa đủ công đức vô biên như vậy. Thiện Hiện nên biết, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là sáu pháp Ba-la-mật-đa đó là Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tán mạn, pháp không bản tánh, pháp không tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không không tánh, pháp không không tánh tự tánh. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tất cả pháp môn Đà-la-ni, đó là Văn tự Đà-la-ni..., vô lượng, vô số pháp môn Đà-la-ni. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là tất cả pháp môn

Tam-ma-địa, đó là Kiện hành Tam-ma-địa... vô lượng, vô số pháp môn Tam-ma-địa. Lại nữa Thiện Hiện, Đại thừa của các Đại Bồ-tát là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng... công đức vô lượng, vô biên thù thắng thì nên biết đó đều là Đại thừa Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, thầy nói Đại thừa vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Thiện Hiện nên biết, nếu Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là chân như, không hư vọng, không đổi khác, chẳng điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không đổi, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, là có đời động cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến đổi, có sai trái, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc uẩn cho đến thức uẩn là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc uẩn cho đến thức uẩn là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, là có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến có dị, đều không thật tánh, thì đều là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn xứ cho đến ý xứ là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhãn xứ cho đến ý xứ là biến kế sở chấp; là hư vọng; giả hợp; là có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đấy là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc xứ cho đến pháp xứ là chân như,

chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đây là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc xứ cho đến pháp xứ là biến kế sở chấp, là hư vọng giả hợp, là có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đây là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhân giới cho đến ý giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đây là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhân giới cho đến ý giới là biến kế sở chấp, là hư vọng giả hợp, là có đời động, cho đến tất cả đều vô thường vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đây là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sắc giới cho đến pháp giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đây là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sắc giới cho đến pháp giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đây là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhân thức giới cho đến ý thức giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đây là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu nhân thức giới cho đến ý thức giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì đây là Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhãn xúc cho đến ý xúc là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu nhãn xúc cho đến ý xúc là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì đấy là Đại thừa chẳng được tôn, chẳng được thắng, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu địa giới cho đến thức giới là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu địa giới cho đến thức giới là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có dời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đấy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là biến

kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đầy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu vô minh cho đến lão tử là chân như, chẳng phải hư vọng, không biến dị, không điên đảo, chẳng phải giả dụ, thiết lập, mà là chân, là thật, có thường, có hằng, không biến, không dị, có thật tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu vô minh cho đến lão tử là biến kế sở chấp, là hư vọng, giả hợp, có đời động, cho đến tất cả đều vô thường, vô hằng, có biến, có dị, đều không thật tánh, thì Đại thừa đầy vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng phải thật hữu tánh, mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tổ-lạc...tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bốn Tính lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu bốn Tính lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-

lạc...; còn nếu tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu năm loại mắt, sáu phép thần thông là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu năm loại mắt, sáu phép thần thông, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp bậc Cực hỷ cho đến pháp bậc Pháp vân là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp bậc Cực hỷ cho đến pháp bậc Pháp vân; chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Còn nếu bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đầy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu pháp bậc Tịnh quán cho đến pháp bậc Như Lai là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu pháp bậc Tịnh quán cho đến pháp bậc Như Lai, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi an lạc trên tòa diệu Bồ-đề. Trong khoảng thời gian đó, mà khởi vô lượng loại tâm là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi an lạc trên tòa diệu Bồ-đề trong khoảng thời gian đó, khởi vô lượng loại tâm, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu trí Kim cang dụ của Bồ-tát Ma-ha-tát là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu trí Kim cang dụ của Bồ-tát Ma-ha-tát, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì Đại thừa đấy vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát dùng trí Kim cang

dụ, để liên tục đoạn trừ phiền não tập khí là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì trí Năng đoạn kim cang dụ đấy, không thể đạt được điều kia là đoạn, không có tự tánh, là chứng đắc trí Nhất thiết trí vô thượng vi diệu, nên chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu dùng trí Kim cang dụ, để liên tục đoạn trừ phiền não, tập khí, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì trí Năng đoạn kim cang dụ đấy, có thể liễu đạt được điều kia, là đoạn, không có tự tánh, là chứng đắc trí Nhất thiết trí Vô thượng vi diệu, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì oai quang diệu đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; chẳng được tôn, chẳng được thắng, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu ba mươi hai tướng Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì oai quang diệu đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu việc phóng quang minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì việc phóng quang minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thể chiếu khắp mười phương hằng hà sa thế giới, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc...; còn nếu việc phóng quang minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì việc phóng quang minh của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều có thể chiếu khắp mười phương hằng hà sa thế giới, vượt hơn tất cả thế gian, Trời, Người, A-tổ-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh, thì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt ấy chẳng được tôn, chẳng được thắng không thể giáo hóa hữu tình khắp mười phương,

vô lượng, vô biên trăm ngàn câu-chi hằng hà sa thế giới, không vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Còn nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đầy đủ sáu mươi âm thanh vi diệu, trong suốt ấy đều có thể giáo hóa hữu tình khắp mười phương vô lượng, vô biên trăm ngàn câu-chi hằng hà sa thế giới, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh; thì sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thanh tịnh, cũng không thể chuyển hóa được tất cả thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh, thì sự chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy rất cực thanh tịnh, tất cả thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn đều không có, cho nên có thể giáo hóa, vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu việc giáo hóa hữu tình của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thật hữu tánh, chẳng phải phi hữu tánh; thì sự vận chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng được tôn, chẳng được thắng, không thể đưa các loài hữu tình kia vào cõi Vô dư y Niết-bàn, không vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc...; còn nếu việc giáo hóa hữu tình của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải thật hữu tánh mà là phi hữu tánh; thì sự vận chuyển pháp luân vô thượng vi diệu của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều có thể đưa các loài hữu tình kia vào cõi Vô dư y Niết-bàn, vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Do mỗi mỗi nhân duyên như vậy, cho nên nói Đại thừa vượt tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... tối tôn, tối thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói, Đại thừa như vậy cùng với hư không là bình đẳng. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông

nói! Vì sao? Ví như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, tất cả phương phần, đều chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa cũng vậy, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, tất cả phương phần, đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại nữa hư không dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn, nghiêng, thẳng, tất cả hình sắc đều chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn, nghiêng, thẳng, tất cả hình sắc đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, hiển hiện các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng tía bích, xanh biếc, xanh lơ, đều là chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, hiển hiện sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía bích, xanh biếc, xanh lơ, đều chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Đại thừa cũng vậy, chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng tiến, chẳng lui. Đại thừa cũng vậy, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng tiến, chẳng lui. Cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh. Đại thừa cũng vậy, chẳng tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh, cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không sinh, không diệt, không trụ, không biến đổi. Đại thừa cũng vậy, không sinh, không diệt, không trụ, không biến đổi; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng vô ký. Đại thừa cũng vậy, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng vô ký; cho nên nói Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không thấy, không nghe, không cảm giác, không hiểu biết. Đại thừa cũng vậy, không thấy, không nghe, không cảm giác, không hiểu biết; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng sở tri, chẳng sở thức; Đại thừa cũng vậy, chẳng sở tri, chẳng sở thức; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng biết khắp, chẳng dứt hẳn, chẳng tác chứng, chẳng tu tập; Đại thừa cũng vậy, chẳng biến tri, chẳng dứt hẳn, chẳng tác chứng, chẳng tu tập; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng quả, chẳng pháp quả, chẳng dị thực, chẳng pháp dị thực. Đại thừa cũng vậy, chẳng quả, chẳng pháp quả; chẳng dị thực, chẳng pháp dị thực; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng pháp hữu tham, chẳng pháp ly tham, chẳng pháp hữu sân, chẳng pháp ly sân, chẳng pháp hữu si, chẳng pháp ly si; Đại thừa cũng vậy, chẳng pháp hữu tham, chẳng pháp ly tham, chẳng pháp hữu sân, chẳng pháp ly sân, chẳng pháp hữu si, chẳng pháp ly si; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng đọa Dục giới, chẳng đọa Sắc giới, chẳng đọa Vô sắc giới; Đại thừa cũng vậy, chẳng đọa Dục giới, chẳng đọa Sắc giới, chẳng đọa Vô sắc giới; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có mới phát tâm, không phát tâm lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười; Đại thừa cũng vậy, không có mới phát tâm cho đến không có phát tâm lần thứ mười; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có Dự lưu hương, Dự lưu quả, Nhất lai hương, Nhất lai quả, Bất hoàn hương, Bất hoàn quả, A-la-hán hương, A-la-hán quả, Độc giác hương, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không Dự lưu hương, Dự

lưu quả cho đến Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, không có các quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, không có các quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai có thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng hữu sắc, chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến, chẳng vô kiến, chẳng hữu đối, chẳng vô đối, chẳng hợp, chẳng tan; Đại thừa cũng vậy, chẳng hữu sắc, chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến, chẳng vô kiến, chẳng hữu đối, chẳng vô đối, chẳng hợp, chẳng tan; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng lạc, chẳng khổ, chẳng ngã, chẳng vô ngã, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh; Đại thừa cũng vậy, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng lạc, chẳng khổ, chẳng ngã, chẳng vô ngã, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng không, chẳng bất không, chẳng hữu tướng, chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện, chẳng vô nguyện; Đại thừa cũng vậy, chẳng không, chẳng bất không, chẳng hữu tướng, chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện, chẳng vô nguyện; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng tịch tĩnh, chẳng chẳng tịch tĩnh, chẳng xa lìa, chẳng chẳng xa lìa; Đại thừa cũng vậy, chẳng tịch tĩnh, chẳng chẳng tịch tĩnh, chẳng xa lìa, chẳng chẳng xa lìa; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng sáng, chẳng tối; Đại thừa cũng vậy, chẳng sáng, chẳng tối; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có thể nắm bắt được, chẳng phải chẳng thể nắm bắt được; Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có thể nắm bắt được, chẳng phải chẳng thể nắm bắt được; cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng uẩn, xứ, giới; chẳng lìa uẩn, xứ, giới. Đại thừa cũng vậy, chẳng uẩn, xứ, giới; chẳng lìa uẩn, xứ, giới. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có thể nêu bày, chẳng phải chẳng thể nêu bày. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có thể nêu bày, chẳng phải chẳng thể nêu bày. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại như hư không, chẳng phải có hý luận, chẳng phải không hý luận. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải có hý luận, chẳng phải không hý luận. Cho nên nói, Đại thừa cùng với hư không là bình đẳng.

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói: “Ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.” Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì hữu tình là không sở hữu, cho nên biết hư không cũng là không sở hữu. Hư không là không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tình là vô lượng, cho nên biết hư không cũng là vô lượng. Hư không là vô lượng, cho nên biết Đại thừa cũng là vô lượng. Hữu tình là vô số, cho nên biết hư không cũng là vô số. Hư không là vô số, cho nên biết Đại thừa cũng là vô số. Hữu tình là vô biên, cho nên biết hư không cũng là vô biên; hư không là vô biên, cho nên biết Đại thừa cũng là vô biên. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì nếu hữu tình vô lượng, vô số, vô biên, hoặc hư không vô lượng, vô số, vô biên, hoặc Đại thừa vô lượng, vô số, vô biên, thì tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tình không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu cho nên biết vô lượng cũng không sở hữu. Vô lượng không sở hữu, cho nên biết vô số cũng không sở hữu. Vô số không sở hữu, cho nên biết vô biên cũng không sở hữu. Vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như

hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp... thì tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã không sở hữu, cho nên biết hữu tình cũng không sở hữu. Hữu tình không sở hữu, cho nên biết dòng sinh mạng cũng không sở hữu. Dòng sinh mạng không sở hữu, cho nên biết sự sinh khởi cũng không sở hữu. Sự sinh khởi không sở hữu, cho nên biết sự dưỡng dục cũng không sở hữu. Sự dưỡng dục không sở hữu, cho nên biết sự trưởng thành cũng không sở hữu. Sự trưởng thành không sở hữu, cho nên biết chủ thể luân hồi cũng không sở hữu. Chủ thể luân hồi không sở hữu, cho nên biết ý sinh cũng không sở hữu. Ý sinh không sở hữu, cho nên biết nho đồng cũng không sở hữu. Nho đồng không sở hữu, cho nên phải biết sự tạo tác cũng không sở hữu. Sự tạo tác không sở hữu, cho nên biết sự thọ nhận cũng không sở hữu. Sự thọ nhận không sở hữu, cho nên biết cái biết cũng không sở hữu. Cái biết không sở hữu, cho nên biết cái thấy cũng không sở hữu. Cái thấy không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng cũng không sở hữu. Vô lượng không sở hữu, cho nên biết vô số cũng không sở hữu. Vô số không sở hữu, cho nên biết vô biên cũng không sở hữu. Vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì hoặc ngã cho đến cái thấy, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, lần lượt cũng không sở hữu. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết

tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi lần lượt cũng không sở hữu. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy hoặc cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết sắc uẩn cho đến thức uẩn, lần lượt cũng không sở hữu. Sắc uẩn cho đến thức uẩn không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc sắc uẩn cho đến thức uẩn, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp. Tất cả như thế đều là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết nhãn xứ cho đến ý xứ lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn xứ cho đến ý xứ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên

lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn xứ cho đến ý xứ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết sắc xứ cho đến pháp xứ lần lượt cũng không sở hữu. Sắc xứ cho đến pháp xứ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc sắc xứ cho đến pháp xứ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết nhãn giới cho đến ý giới lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn giới cho đến ý giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc nhãn giới cho đến ý giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết sắc giới cho đến pháp giới lần lượt của không sở hữu. Sắc giới cho đến pháp giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng

không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên, không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc sắc giới cho đến pháp giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như vậy đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 494

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (13)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biến nhãn thức giới cho đến ý thức giới lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn thức giới cho đến ý thức giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết nhãn xúc cho đến ý xúc lần lượt cũng không sở hữu. Nhãn xúc cho đến ý xúc không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhãn xúc cho đến ý xúc, hoặc hư không; hoặc Đại thừa; hoặc vô lượng, vô số, vô biên; hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, lần lượt cũng không sở hữu. Các thọ do

nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy là không sở hữu, cho nên biết địa giới cho đến thức giới lần lượt cũng không sở hữu. Địa giới cho đến thức giới không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc địa giới cho đến thức giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết nhân duyên cho đến tăng thượng duyên lần lượt cũng không sở hữu. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu, cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt

được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết vô minh cho đến lão tử lần lượt cũng không sở hữu. Vô minh cho đến lão tử không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc vô minh cho đến lão tử, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, lần lượt cũng không sở hữu. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc hư không; hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên; hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô

lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo lần lượt cũng không sở hữu. Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, lần lượt cũng không sở hữu. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, lần lượt cũng không sở hữu. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở

hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc hư không, hoặc Đại thừa; hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, lần lượt cũng không sở hữu. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc tám Giải thoát cho đến chín Định thứ đệ, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, lần lượt cũng không sở hữu. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không sở hữu, cho nên biết

hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, lần lượt cũng không sở hữu. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, lần lượt cũng không sở hữu. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni; hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho

nên biết năm loại mắt, sáu phép thần thông lần lượt cũng không sở hữu. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, lần lượt cũng không sở hữu. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc mười lực của Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, lần lượt cũng không sở hữu. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên,

hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, lần lượt cũng không sở hữu. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai lần lượt cũng không sở hữu. Dự lưu cho đến Như Lai không sở hữu, cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Dự lưu cho đến Như Lai, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã cho đến cái thấy không sở hữu, cho nên biết Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa, lần lượt cũng không sở hữu. Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa không sở hữu; cho nên biết hư không cũng không sở hữu. Hư không không sở hữu, cho nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Đại thừa không sở hữu; cho nên biết vô lượng, vô số, vô biên, lần lượt cũng không sở hữu. Vô lượng, vô số, vô biên không sở hữu; cho nên biết tất cả pháp cũng không sở hữu. Do nghĩa như vậy, cho nên nói Đại thừa ví như

hư không, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì ngã cho đến cái thấy; hoặc Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Như Lai thừa, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, vô số, vô biên, hoặc tất cả pháp; tất cả như thế đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, như cõi Niết-bàn có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Do nhân duyên đấy, nên nói: Ví như hư không, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, như lời ông nói, hư không không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì tất cả pháp không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều hoặc động, hoặc trụ, là chẳng thể nắm bắt được. Do nhân duyên đấy, nên Đại thừa cũng không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ trụ, có thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh sắc cho đến thức cũng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng sắc cho đến thức không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc cho đến thức đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ, không đến không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn xứ cho đến ý xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn xứ cho đến ý xứ, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ không

đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của sắc xứ cho đến pháp xứ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc xứ cho đến pháp xứ đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn giới cho đến ý giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn giới cho đến ý giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của sắc giới cho pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của sắc giới cho đến pháp giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của sắc giới cho đến pháp giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhãn thức giới cho đến ý thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn thức giới cho đến ý thức giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhãn xúc cho đến ý

xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của nhãn xúc cho đến ý xúc; đều hoặc động hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của địa giới cho đến thức giới không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của địa giới cho đến thức giới đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của

nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của vô minh cho đến lão tử không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của vô minh cho đến lão tử; đều hoặc động hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, cảnh giới đoạn, cảnh giới xa lìa, cảnh giới diệt, cảnh giới an ổn, cảnh giới vắng lặng, cảnh giới không sinh, cảnh giới không diệt, cảnh giới không nhiễm, cảnh giới không tịnh, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ.

Bản tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám

chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của năm loại mắt, sáu

phép thần thông không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của năm loại mắt, sáu phép thần thông đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm

bất được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bồ-tát, pháp Bồ-tát không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bồ-tát, pháp Bồ-tát đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của Bồ-đề Phật-đà không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của Bồ-đề Phật-đà đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Bản tánh của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Chân như của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tánh của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Tự tướng của hữu vi, vô vi không đến, không đi, cũng lại không trụ. Vì sao? Vì bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của hữu vi, vô vi đều hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, do nghĩa như vậy cho nên nói: cũng như hư không, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy. Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ, có thể thấy.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 495

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (14)

Lại nữa Thiện Hiện, theo lời ông nói, như hư không khoảng trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bình đẳng ba đời, vượt qua ba đời, cho nên gọi là Đại thừa. Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; vượt qua ba đời, vượt qua ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ-tát, Bồ-tát không. Vì sao? Nay Thiện Hiện, không, không có các tướng; cho dù từ một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười cho đến trăm ngàn; đó là Đại thừa bình đẳng của ba đời, vượt qua ba đời.

Thiện Hiện nên biết, trong Đại thừa đầy tướng đẳng, bất đẳng, đều chẳng thể nắm bắt được; tướng tham, bất tham; tướng sân, bất sân; tướng si, bất si; tướng mạn, bất mạn cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến tướng thiện, chẳng phải thiện; tướng hữu ký, vô ký; tướng hữu lậu, vô lậu; tướng hữu tội, vô tội; tướng tạp nhiễm, thanh tịnh; tướng thế gian, xuất thế gian; tướng hữu nhiễm, ly nhiễm; tướng sinh tử, Niết-bàn cũng chẳng thể nắm bắt được. Tướng thường, vô thường; tướng khổ, phi khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, phi tịnh; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa cũng chẳng thể nắm bắt được. Tướng ở cõi Dục, vượt ngoài cõi Dục; tướng ở cõi Sắc, vượt ngoài cõi Sắc; tướng ở cõi Vô sắc, vượt ngoài cõi Vô sắc. Các tướng như thế, cũng đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong Đại thừa này, tự tánh các pháp là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai,

hiện tại đều không. Trong không đó, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của sắc uẩn cho đến thức uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể đắc ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhãn giới cho đến ý giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không.

Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của sắc giới cho đến pháp giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không, cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai,

hiện tại đều không. Trong không đó, địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của địa giới cho đến thức giới ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của vô minh cho đến lão tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được; huống chi trong không đó, có tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo

ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không

trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, năm loại mắt,

sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi trong không, có tự

tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Thiện Hiện nên biết, phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Tự tánh của phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không. Trong không đó, phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại tức là không. Tánh không cũng là không. Tánh không trong không, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi trong không, có tự tánh của phàm phu cho đến Như Lai ở quá khứ, vị lai, hiện tại lại có thể nắm bắt được ư?

Vì ngã, hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc uẩn cho đến thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng, còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh sắc uẩn cho đến tự tánh thức uẩn ở giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xứ cho đến ý xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn xứ cho đến tự tánh ý xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, sắc xứ cho đến pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống

chi tự tánh sắc xứ cho đến tự tánh pháp xứ ở giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn giới cho đến ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn giới cho đến tự tánh ý giới trong giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, sắc giới cho đến pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh sắc giới cho đến tự tánh pháp giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn thức giới cho đến ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn thức giới cho đến tự tánh ý thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xúc cho đến ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, địa giới cho đến thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới, trong ba giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh địa giới cho đến tự tánh thức giới trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên trong ba giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng; tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh nhân duyên cho đến tự tánh tăng thượng duyên trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, vô minh cho đến lão tử trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được,

huống chi tự tánh vô minh cho đến tự tánh lão tử. Trong giai đoạn trước, sau, giữa; lại có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh bốn Niệm trụ cho đến tự tánh tám chi Thánh đạo, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng,

Vô nguyện; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi tự tánh của Không, Vô tướng, Vô nguyện trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của tám Giải thoát, chín Định thứ đệ trong giai đoạn trước, sau, giữa; đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi tự tánh tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi tự tánh bậc Tịnh quán cho đến tự tánh bậc Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, hướng chi tự tánh bậc Cực hỷ cho đến tự tánh bậc Pháp vân, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp

môn Tam-ma-địa, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể đắc ư?

Lại nữa Thiện Hiện, năm loại mắt, sáu phép thần thông; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của mười lực của Như Lai cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh mười lực của Như Lai cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Lại nữa Thiện Hiện, phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Phàm phu cho đến Như Lai, trong ba giai đoạn bình đẳng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở dĩ như vậy, vì trong bình đẳng, tự tánh của phàm phu cho đến tự tánh Như Lai; trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống chi tự tánh phàm phu cho đến tự tánh Như Lai trong giai đoạn trước, sau, giữa mà có thể nắm bắt được ư?

Vì ngã, hữu tình, nói rộng cho đến cái biết, cái thấy, đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, tinh cần tu học ba giai đoạn bình đẳng, mau chóng viên mãn trí Nhất thiết trí, như thế gọi là tướng Đại thừa ba giai đoạn bình đẳng của các Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát nào an trụ trong tướng Đại thừa như vậy thì vượt qua tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... mau chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí, làm lợi lạc hữu tình tận đời vị lai.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, lành thay, lành thay! Nay Như Lai khéo vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết nghĩa Đại thừa như vậy. Đại thừa như vậy thật tối tôn, tối thắng. Chúng Đại Bồ-tát ở đời quá khứ, đã học trong đấy, mà chứng đắc trí Nhất thiết trí. Chúng Đại Bồ-tát ở đời vị lai, sẽ học trong đấy, mà chứng đắc trí Nhất thiết trí. Tất cả chúng Đại Bồ-tát, đời hiện tại, ở mười phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới, đang học trong đấy, cũng sẽ được chứng đắc trí Nhất thiết trí. Cho nên Đại thừa tối tôn tối thắng, có thể làm nơi nương tựa chân thật, thù thắng cho tất cả chúng Đại Bồ-tát và hàng trí Nhất thiết trí.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Chúng Đại Bồ-tát ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại có thể dựa vào Đại thừa mà tinh cần tu học để mau chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí, làm lợi lạc hữu tình tới tận đời vị lai. Cho nên Đại thừa tối tôn, tối thắng; vượt khắp tất cả thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc... Vì vậy chúng Đại Bồ-tát phải siêng năng tu học.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc trước Như Lai dạy Tôn giả Thiện Hiện vì chúng Đại Bồ-tát tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà sao nay lại thuyết nhiều nghĩa về Đại thừa?

Lúc đó Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, từ trước đến nay, con nói nhiều nghĩa về Đại thừa, nhưng không lúc nào trái ý Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Từ trước đến nay, ông thuyết nhiều nghĩa Đại thừa đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện, pháp phần Bồ-đề, có thể pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ-tát hoặc pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế, đều thâm nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Khi đó, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì gọi là tất cả pháp thiện, pháp phần Bồ-đề, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế đều thâm nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Thiện Hiện nên biết, các pháp như vậy, đều là tất cả thiện pháp,

pháp phần Bồ-đề, pháp Thanh văn, pháp Độc giác, pháp Bồ-tát, pháp Như Lai. Tất cả pháp như thế, đều thâm nhiếp thâm nhập vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa từ Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; sắc uẩn cho đến thức uẩn; nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý giới; sắc giới cho đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc giới cho đến ý xúc giới; nhãn xúc cho đến ý xúc; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; địa giới cho đến thức giới; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; vô minh cho đến lão tử; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; pháp thiện, pháp bất thiện; pháp vô ký, pháp hữu học, pháp vô học, pháp chẳng phải học, chẳng phải không học; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; năm loại mắt, sáu phép thần thông; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; pháp thiện, pháp bất thiện; pháp hữu ký, pháp vô ký; pháp hữu lậu, pháp vô lậu; pháp hữu vi, pháp vô vi; pháp thế gian, pháp xuất thế gian; thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; pháp luật Phật thuyết về sự giác ngộ, Bồ-đề, Niết-bàn, tất cả pháp như thế đều chẳng phải tương ứng, chẳng phải chẳng tương ứng. Vô sắc, vô kiến, vô đối nhất tướng gọi là không tướng. Do nhân duyên này, cho nên từ trước đến nay, ông thuyết nhiều nghĩa Đại thừa đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Sở dĩ như vậy, vì Đại thừa không khác Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa. Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù Đại thừa, dù Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến Bồ thí ba-la-mật-đa, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác tám Giải thoát, chín Định thứ đệ. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là tám Giải thoát, chín Định thứ đệ thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác năm loại mắt, sáu phép thần thông. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là năm loại mắt, sáu phép thần thông thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp

Phật bất cộng, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp thiện, pháp bất thiện. Pháp thiện, pháp bất thiện, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp thiện, pháp bất thiện thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu ký, pháp vô ký. Pháp hữu ký, pháp vô ký, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu ký, pháp vô ký thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu lậu, pháp vô lậu thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian, cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp thế gian, pháp xuất thế gian thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là pháp hữu vi, pháp vô vi thì tánh nó không hai, không hai phần.

Đại thừa không khác uẩn, xứ, giới. Uẩn, xứ, giới cũng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì dù là Đại thừa, dù là uẩn, xứ, giới thì tánh nó không hai, không hai phần.

Thiện Hiện nên biết, do nghĩa này cho nên từ trước đến nay, ông nói nhiều nghĩa Đại thừa, đều tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ nào sai trái. Vậy thuyết Đại thừa tức là thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là thuyết Đại thừa. Danh và nghĩa cả hai đều không khác.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 496

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (15)

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn xứ cho đến ý xứ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Sắc xứ cho đến pháp xứ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn giới cho đến ý giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Sắc giới cho đến pháp giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhãn xúc cho đến ý xúc vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Địa giới cho đến thức giới vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Vô minh cho đến lão tử vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Năm loại mắt, sáu phép thần thông vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả vô biên,

cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bạc Tịnh quán cho đến bạc Như Lai vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Bạc Cực hỷ cho đến bạc Pháp vân vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Như vậy, bạch Thế Tôn, đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được. Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ dạy, răn dè cho các Đại Bồ-tát?

Lại nữa bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh. Cũng như nói ngã... hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh nên hoàn toàn không tự tánh. Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Bạch Thế Tôn, những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh. Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?

Bạch Thế Tôn, con đâu dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh mà dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh.

Bạch Thế Tôn, nếu xa lìa pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát có thể thực hành Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy, tâm không chìm đắm, cũng không ưu sầu, hối hận; tâm kia cũng không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt. Nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà nói: “Các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được?”

Do duyên gì mà nói: “Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên? Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên?”

Do duyên gì mà nói: “Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được? Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được?”

Do duyên gì mà nói: “Đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được. Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát?”

Do duyên gì mà nói: “Các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?”

Do duyên gì mà nói: “Cũng như nói ngã... hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh nên hoàn toàn không tự tánh?”

Do duyên gì mà nói: “Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, nên hoàn toàn không tự tánh?”

Do duyên gì mà nói: “Những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh, như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh?”

Do duyên gì mà nói: “Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến nếu hoàn toàn không sinh, thì

không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?”

Do duyên gì mà nói: “Con đâu có thể dùng pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh mà dạy dỗ răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh?”

Do duyên gì mà nói: “Nếu xa pháp hoàn toàn không sinh, thì không có Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột?”

Do duyên gì mà nói: “Nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy, mà tâm không chìm đắm, không ưu sầu, tâm kia không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, thì nên biết Đại Bồ-tát đấy có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?”

–Này Cù thọ, nay thầy nên vì tôi mà diễn thuyết!

Lúc đó Cù thọ Thiện Hiện trả lời ngài Xá-lợi-phất rằng:

–Thưa Tôn giả, theo lời Tôn giả hỏi, do duyên gì mà nói các Đại Bồ-tát giai đoạn trước chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn sau chẳng thể nắm bắt được, giai đoạn giữa chẳng thể nắm bắt được? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử, vì hữu tình không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì hữu tình tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến thức uẩn không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc uẩn cho đến thức uẩn tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ cho đến ý xứ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ không cho nên nói các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ cho đến ý xứ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa

đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân xứ cho đến ý xứ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc xứ cho đến pháp xứ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ cho đến pháp xứ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn giới cho đến ý giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới cho đến ý giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc giới cho đến pháp giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới cho đến pháp giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xúc cho đến ý xúc không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc cho đến ý xúc tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, địa giới cho đến thức giới không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Địa giới cho đến thức giới tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều

chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vô minh cho đến lão tử không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vô minh cho đến lão tử tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước,

sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt, sáu phép thần thông không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt, sáu phép thần thông xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt sáu phép thần thông tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa

đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm

bất được. Bạc Tịnh quán cho đến bạc Như Lai tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi-phất, bạc Cực hỷ cho đến bạc Pháp vân không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bạc Cực hỷ cho đến bạc Pháp vân không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bạc Cực hỷ cho đến bạc Pháp vân xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Bạc Cực hỷ cho đến bạc Pháp vân tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau,

giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thanh văn, Độc giác, Đại thừa không sở hữu cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa xa lìa cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Thanh văn, Độc giác, Đại thừa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Xá-lợi Tử, vì hữu tình cho đến Đại thừa, đều là không sở hữu, không, xa lìa tự tánh không cho nên các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa không sở hữu, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa không, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa xa lìa, có sai khác. Chẳng phải hữu tình cho đến Đại thừa tự tánh không, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn sau, có sai khác. Chẳng phải Đại Bồ-tát trong giai đoạn giữa, có sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc hữu tình cho đến Đại thừa không sở hữu. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa không. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa, xa lìa. Hoặc hữu tình cho đến Đại thừa, tự tánh không. Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, Đại Bồ-tát trong giai đoạn sau, Đại Bồ-tát trong giai đoạn giữa. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: “Các Đại Bồ-tát trong giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói sắc uẩn cho đến thức uẩn, vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên? Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên?”

Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến Đại thừa đều như hư không. Vì sao? Vì như hư không rộng lớn, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Do trong vô biên đó, chẳng thể nắm bắt được, nên gọi là hư không. Sắc uẩn cho đến Đại thừa cũng như vậy, giai đoạn trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc uẩn cho đến Đại thừa đều tánh không. Trong không, khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Cũng do trong vô biên đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên gọi là không. Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: “Sắc uẩn cho đến thức uẩn vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên. Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Đại thừa vô biên, cho nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi “Do duyên gì mà nói Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát là xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được?”

Thưa Ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn cho đến Đại thừa, tánh của sắc uẩn cho đến Đại thừa đều không. Vì sao? Vì trong tánh không của sắc uẩn cho đến Đại thừa cũng như Sắc uẩn cho đến Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên các Đại Bồ-tát cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa; tánh của chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa đều không. Vì sao? Vì trong tánh không của chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa cũng như chẳng phải sắc uẩn cho đến chẳng phải Đại thừa đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên các Đại Bồ-tát cũng không sở

hữu và chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: “Đại Bồ-tát cùng với sắc uẩn cho đến thức uẩn đều không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa sắc uẩn cho đến thức uẩn cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.” Như vậy cho đến Đại Bồ-tát cùng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát xa lìa Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì lại nói, đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu cho Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được?” Điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát?

Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc đối với sắc, chẳng thể nắm bắt được. Sắc đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với thọ, chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với sắc, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tưởng đối với tưởng, chẳng thể nắm bắt được. Tưởng đối với sắc, thọ, hành, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với hành, chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với sắc, thọ, tưởng, thức, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với thức, chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với sắc, thọ, tưởng, hành, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ đối với nhãn xứ, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xứ đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xứ đối với nhĩ xứ, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xứ đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xứ đối với tỷ xứ, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xứ đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xứ đối với thiệt xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân xứ đối với thân xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thân xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý xứ đối với ý xứ, chẳng thể nắm bắt được. Ý xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc xứ đối với sắc xứ, chẳng thể nắm bắt được. Sắc xứ đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt

được. Thanh xứ đối với thanh xứ, chẳng thể nắm bắt được. Thanh xứ đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hương xứ đối với hương xứ, chẳng thể nắm bắt được. Hương xứ đối với sắc, thanh, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vị xứ đối với vị xứ, chẳng thể nắm bắt được. Vị xứ đối với sắc, thanh, hương, xúc pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc xứ đối với xúc xứ, chẳng thể nắm bắt được. Xúc xứ đối với sắc, thanh, hương, vị, pháp xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp xứ đối với pháp xứ, chẳng thể nắm bắt được. Pháp xứ đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn giới đối với nhãn giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn giới đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ giới đối với nhĩ giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ giới đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ giới đối với tỷ giới, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ giới đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt giới đối với thiệt giới, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân giới đối với thân giới, chẳng thể nắm bắt được. Thân giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý giới đối với ý giới, chẳng thể nắm bắt được. Ý giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc giới đối với sắc giới, chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thanh giới đối với thanh giới, chẳng thể nắm bắt được. Thanh giới đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hương giới đối với hương giới, chẳng thể nắm bắt được. Hương giới đối với sắc, thanh, vị, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vị giới đối với vị giới, chẳng thể nắm bắt được. Vị giới đối với sắc, thanh, hương, xúc, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc giới đối với xúc giới, chẳng thể nắm bắt được. Xúc giới đối với sắc, thanh, hương, vị, pháp giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp giới đối với pháp giới, chẳng thể nắm bắt được. Pháp giới đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc giới, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn thức giới đối với nhãn thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn thức giới đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ thức giới đối với nhĩ thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ thức giới đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ thức giới đối với tỷ thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ thức giới đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt thức giới đối với thiệt thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân thức giới đối với thân thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thân thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý thức giới đối với ý thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Ý thức giới đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thân thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xúc đối với nhãn xúc, chẳng thể nắm bắt được. Nhãn xúc đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xúc đối với nhĩ xúc, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ xúc đối với nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xúc đối với tỷ xúc, chẳng thể nắm bắt được. Tỷ xúc đối với nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xúc đối với thiệt xúc, chẳng thể nắm bắt được. Thiệt xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân xúc đối với thân xúc, chẳng thể nắm bắt được. Thân xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý xúc đối với ý xúc, chẳng thể nắm bắt được. Ý xúc đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được.

Các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể nắm bắt được. Các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, địa giới đối với địa giới chẳng thể nắm bắt được. Địa giới đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thủy giới đối với thủy giới, chẳng thể nắm bắt được. Thủy giới đối với địa, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hỏa giới đối với hỏa giới, chẳng thể nắm bắt được. Hỏa giới đối với địa, thủy, phong, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Phong giới đối với phong giới, chẳng thể nắm bắt được. Phong giới đối với địa, thủy, hỏa, không, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Không giới đối với không giới, chẳng thể nắm bắt được. Không giới đối với địa, thủy, hỏa, phong, thức giới, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức giới đối với thức giới, chẳng thể nắm bắt được. Thức giới đối với địa, thủy, hỏa, phong, không giới, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhân duyên đối với nhân duyên, chẳng thể nắm bắt được. Nhân duyên đối với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đẳng vô gián duyên đối với đẳng vô gián duyên, chẳng thể nắm bắt được. Đẳng vô gián duyên đối với nhân duyên sở duyên duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sở duyên duyên đối với sở duyên duyên chẳng thể nắm bắt được, sở duyên duyên đối với nhân duyên đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. tăng thượng duyên đối với tăng thượng duyên, chẳng thể nắm bắt

được. tăng thượng duyên đối với nhân duyên đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vô minh đối với vô minh, chẳng thể nắm bắt được. Vô minh đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hành đối hành, chẳng thể nắm bắt được. Hành đối với vô minh, thức, danh, sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với thức, chẳng thể nắm bắt được. Thức đối với vô minh, hành, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Danh sắc đối với danh sắc, chẳng thể nắm bắt được. Danh sắc đối với vô minh, hành, thức, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Lục xứ đối với lục xứ, chẳng thể nắm bắt được. Lục xứ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xúc đối với xúc, chẳng thể nắm bắt được. Xúc đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với thọ, chẳng thể nắm bắt được. Thọ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ái đối với ái, chẳng thể nắm bắt được. Ái đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, thủ, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thủ đối với thủ, chẳng thể nắm bắt được. Thủ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, hữu, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hữu đối với hữu, chẳng thể nắm bắt được. Hữu đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, sinh, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sinh đối với sinh, chẳng thể nắm bắt được. Sinh đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, lão tử, cũng chẳng thể nắm bắt được. Lão tử đối với lão tử, chẳng thể nắm bắt được. Lão tử đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Bồ thí ba-la-mật-đa đối với Bồ thí ba-la-mật-đa, chẳng thể nắm bắt được. Bồ thí ba-la-mật-đa đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng thể nắm bắt

được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bồ thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự đối với bốn Tĩnh lự, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Tĩnh lự đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Vô lượng đối với bốn Vô lượng, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Vô lượng đối với bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Định vô sắc đối với bốn Định vô sắc, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Định vô sắc đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ đối với bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được. Bốn Niệm trụ đối với bốn Chánh đoạn... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến tám chi Thánh đạo đối với tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được. Tám chi Thánh đạo đối với bốn Niệm trụ... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát đối với tám Giải thoát, chẳng thể nắm bắt được. Tám Giải thoát đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tám Thắng xứ đối với tám Thắng xứ, chẳng thể nắm bắt được. Tám Thắng xứ đối với tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Chín Định thứ đệ đối với chín Định thứ đệ, chẳng thể nắm bắt được. Chín Định thứ đệ đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, cũng chẳng thể nắm bắt được. Mười Biến xứ đối với mười Biến xứ, chẳng thể nắm bắt được. Mười Biến xứ đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Không, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Không, Vô nguyện, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Vô nguyện, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt đối với năm loại mắt, chẳng thể nắm bắt được. Năm loại mắt đối với sáu phép thần thông, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sáu phép thần thông đối với sáu phép thần thông, chẳng thể nắm bắt được. Sáu phép thần thông đối với năm loại mắt, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, mười lực của Như Lai đối với mười lực của Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Mười lực của Như Lai đối với bốn điều không sợ... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng thể nắm bắt được. Mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười lực của Như Lai... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất đối với pháp không quên mất, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không quên mất đối với tánh luôn luôn xả, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tánh luôn luôn xả đối với tánh luôn luôn xả, chẳng thể nắm bắt được. Tánh luôn luôn xả đối với pháp không quên mất, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết đối với trí Nhất thiết, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Đạo tướng đối với trí Đạo tướng, chẳng thể nắm bắt được. Trí Đạo tướng đối với trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết tướng, chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong đối với pháp không bên trong, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên trong đối với pháp không bên ngoài... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không không tánh tự tánh, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không bên trong... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chân như đối với chân như, chẳng thể nắm bắt được. Chân như đối với pháp giới... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với chân như... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, cảnh giới đoạn đối với cảnh giới đoạn, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới đoạn đối với cảnh giới xa lia..., cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến cảnh giới vô vi đối với cảnh giới vô vi, chẳng thể nắm bắt được. Cảnh giới vô vi đối với cảnh giới đoạn... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ đối với Thánh đế khổ, chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế khổ đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế tập đối với Thánh đế tập chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế tập đối với Thánh đế khổ, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế diệt đối với Thánh đế diệt chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế diệt đối với Thánh đế khổ, tập, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế đạo đối với Thánh đế đạo chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế đạo đối với Thánh đế khổ, tập, diệt cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với môn Tam-ma-địa, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, hàng phàm phu đối với hàng phàm phu, chẳng thể nắm bắt được. Hàng phàm phu đối với bậc Chủng tánh... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bậc Như Lai đối với bậc Như Lai, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Như Lai đối với hàng phàm phu... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ đối với bậc Cực hỷ, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Cực hỷ đối với bậc Ly cấu... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bậc Pháp vân đối với bậc Pháp vân, chẳng thể nắm bắt được. Bậc Pháp vân đối với bậc Cực hỷ... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Dự lưu đối với Dự lưu, chẳng thể nắm bắt được. Dự lưu đối với Nhất lai... cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến Chánh Đẳng Giác đối với Chánh Đẳng Giác, chẳng thể nắm bắt được. Chánh Đẳng Giác đối với Dự lưu... cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát đối với Đại Bồ-tát, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Đại Bồ-tát dạy dỗ, răn dè, cũng chẳng thể nắm bắt được. Dạy dỗ, răn dè đối với dạy dỗ, răn dè, chẳng thể nắm bắt được. Dạy dỗ, răn dè đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các pháp như vậy là ngã, là tự tánh không của ngã.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: “Đối với tất cả pháp này, con dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời để cầu Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở kiến, chẳng thể nắm bắt được; và điều gì đã khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy dỗ, răn dè các Đại Bồ-tát.”



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 497

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (16)

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?”

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát chỉ là tên gọi nhất thời.

Khi đó ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Vì sao lại nói các Đại Bồ-tát chỉ là tên gọi nhất thời.

Thiện Hiện đáp:

– Bạch Tôn giả, cũng như tất cả pháp, tên gọi chỉ là nhất thời. Mười phương thế giới ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Trong tất cả pháp không có tên gọi. Trong tên gọi, không có tất cả pháp, chẳng hợp, chẳng tan, chỉ giả thiết trình bày mà thôi. Vì sao? Vì tất cả pháp cùng với tên gọi, tự tánh đều không. Trong tự tánh không, tất cả pháp hoặc tên gọi đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát cũng vậy, chỉ là tên gọi nhất thời, cũng không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ, chỉ là giả thiết. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc uẩn cho đến thức uẩn, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc uẩn... chẳng phải tên gọi; tên gọi cũng phải sắc uẩn... Trong sắc uẩn... không có tên gọi, trong tên gọi không có sắc uẩn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc uẩn... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không, sắc uẩn... hoặc tên gọi hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn xứ cho đến ý xứ, chỉ là tên gọi nhất thời.

Vì sao? Vì nhãn xứ... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải nhãn xứ... Trong nhãn xứ... không có tên gọi; trong tên gọi không có nhãn xứ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn xứ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, nhãn xứ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi, của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc xứ cho đến pháp xứ, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc xứ... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải sắc xứ... Trong sắc xứ... không có tên gọi; trong tên gọi không có sắc xứ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc xứ... cùng với tên gọi đều cùng tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc sắc xứ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn giới cho đến ý giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn giới... chẳng phải tên gọi, tên gọi chẳng phải nhãn giới... Trong nhãn giới... không có tên gọi; trong tên gọi không có nhãn giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như sắc giới cho đến pháp giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì sắc giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải sắc giới... Trong sắc giới... không có tên gọi; trong tên gọi không có sắc giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì sắc giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc sắc giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn thức giới cho đến ý thức giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn thức giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhãn thức giới... Trong nhãn thức giới... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhãn thức giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn thức giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn thức giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhãn xúc cho đến ý xúc, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhãn xúc... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhãn xúc... Trong nhãn xúc... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhãn xúc... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhãn xúc... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhãn xúc... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... Trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... không có tên gọi; trong tên gọi, không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như địa giới cho đến thức giới, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì địa giới... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải địa giới... Trong địa giới... không có tên gọi; trong tên gọi, không có địa giới... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì địa giới... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó,

hoặc địa giới... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì nhân duyên... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải nhân duyên... Trong nhân duyên... không có tên gọi; trong tên gọi, không có nhân duyên... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì nhân duyên... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc nhân duyên... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như vô minh cho đến lão tử, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì vô minh... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải vô minh... Trong vô minh... không có tên gọi; trong tên gọi, không có vô minh... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì vô minh... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc vô minh... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Bồ thí ba-la-mật-đa... Trong Bồ thí ba-la-mật-đa... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Bồ thí ba-la-mật-đa... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật-đa... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc Bồ thí ba-la-mật-đa... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp không bên trong... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp không bên

trong... Trong pháp không bên trong... không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp không bên trong... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp không bên trong... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc pháp không bên trong... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì chân như... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải chân như... Trong chân như... không có tên gọi; trong tên gọi, không có chân như... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì chân như... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc chân như... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải cảnh giới đoạn... Trong cảnh giới đoạn... không có tên gọi; trong tên gọi, không có cảnh giới đoạn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì cảnh giới đoạn... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc cảnh giới đoạn... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Thánh đế khổ... Trong Thánh đế khổ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Thánh đế khổ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc Thánh đế khổ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói,

các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bốn Niệm trụ... Trong bốn Niệm trụ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bốn Niệm trụ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bốn Niệm trụ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bốn Tịch lự... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bốn Tịch lự... Trong bốn Tịch lự không có tên gọi; trong tên gọi, không có bốn Tịch lự... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bốn Tịch lự... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bốn Tịch lự... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì tám Giải thoát... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải tám Giải thoát... Trong tám Giải thoát... không có tên gọi; trong tên gọi, không có tám Giải thoát... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì tám Giải thoát... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc tám Giải thoát... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp môn giải thoát Không... Trong pháp môn giải thoát Không, không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp môn giải thoát Không... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc

pháp môn giải thoát Không... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bậc Tịnh quán... Trong bậc Tịnh quán... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bậc Tịnh quán... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bậc Tịnh quán... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bậc Tịnh quán... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Cực địa hỷ cho đến bậc Pháp vân, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải bậc Cực hỷ... Trong bậc Cực hỷ... không có tên gọi; trong tên gọi, không có bậc Cực hỷ... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc bậc Cực hỷ... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như năm loại mắt, sáu phép thần thông, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì năm loại mắt... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải năm loại mắt... Trong năm loại mắt... không có tên gọi; trong tên gọi, không có năm loại mắt... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì năm loại mắt... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc năm loại mắt... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải mười lực của Như Lai... Trong mười lực của Như Lai... không có tên gọi; trong tên gọi, không

có mười lực của Như Lai... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc mười lực của Như Lai... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì pháp không quên mất... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải pháp không quên mất... Trong pháp không quên mất... không có tên gọi; trong tên gọi, không có pháp không quên mất... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì pháp không quên mất... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc pháp không quên mất... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải trí Nhất thiết... Trong trí Nhất thiết... không có tên gọi; trong tên gọi, không có trí Nhất thiết... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc trí Nhất thiết... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni... Trong tất cả pháp môn Đà-la-ni... không có tên gọi; trong tên gọi, không có tất cả pháp môn Đà-la-ni... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... cùng với tên gọi đều tự tánh không. Trong tự tánh không đó, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là

nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Xá-lợi Tử, như Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, chỉ là tên gọi nhất thời. Vì sao? Vì Thanh văn... chẳng phải tên gọi; tên gọi chẳng phải Thanh văn... Trong Thanh văn... không có tên gọi; trong tên gọi, không có Thanh văn... chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả thiết mà thôi. Vì sao? Vì Thanh văn... cùng với tên gọi, đều tự tánh không. Trong tự tánh không; hoặc Thanh văn... hoặc tên gọi, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tên gọi của các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là nhất thời. Do đó cho nên nói, các Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói: Nếu như nói ngã... hoàn toàn không sinh, thì chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.”

Xá-lợi Tử, ngã hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Cho đến cái thấy cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Xá-lợi Tử, sắc hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Thọ, tưởng, hành, thức cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Như vậy cho đến Thanh văn thừa, hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh? Độc giác thừa, Đại thừa cũng hoàn toàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tại sao phải có sinh?

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này nên tôi nói: “Nếu như nói ngã... hoàn toàn không sinh, thì chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do nhân duyên gì mà nói các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, hoàn toàn không tự tánh?”

Thưa ngài Xá-lợi Tử, các pháp tự tánh hoàn toàn không hòa hợp. Vì sao? Vì các pháp có hòa hợp, thì tự tánh cũng là không vậy.

Khi ấy Ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào tự tánh đều không hòa hợp?

Ngài Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn, tự tánh đều không hòa hợp.

Thọ, tưởng, hành, thức uẩn, tự tánh cũng đều không hòa hợp. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, tự tánh đều không hòa hợp. Độc giác, Đại thừa, tự tánh cũng đều không hòa hợp.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: “Các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, đều không tự tánh.” Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải thường, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp chẳng phải thường, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải thường, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải thường, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải thường, cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải thường, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường còn, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường còn, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải thường thì không tự tánh. Nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp chẳng phải lạc, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải lạc, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc uẩn chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải lạc, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải lạc thì không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp chẳng phải ngã, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải ngã, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Như vậy

cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa, chẳng phải ngã, cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp chẳng phải ngã thì không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, sự tịch tĩnh của tất cả pháp, cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp tịch tĩnh thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Sự tịch tĩnh của pháp nào không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

– Xá-lợi Tử, sự tịch tĩnh của sắc uẩn, cũng không tan rã. Sự tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức uẩn, cũng không tan rã. Như vậy cho đến sự tịch tĩnh của Thanh văn thừa, cũng không tan rã. Sự tịch tĩnh của Độc giác thừa, Đại thừa cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sự tịch tĩnh của pháp là không tự tánh, nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, sự xa lìa của tất cả pháp, cũng không tan rã. Vì sao? Vì sự xa lìa của pháp, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Sự xa lìa của pháp nào, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

– Xá-lợi Tử, sự xa lìa sắc uẩn cũng không tan rã. Sự xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không tan rã. Như vậy cho đến sự xa lìa Thanh văn thừa, cũng không tan rã. Sự xa lìa của Độc giác thừa, Đại thừa cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sự xa lìa của pháp thì không tự tánh, nếu không tự tánh, thì không chấm dứt.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Pháp nào là Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

– Xá-lợi Tử, sắc uẩn là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Như vậy cho đến Thanh văn thừa là

Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Độc giác thừa, Đại thừa là Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện thì không tự tánh. Nếu không tự tánh thì không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Vì sao? Vì nếu pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh vô vi, thì tánh không chấm dứt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh vô vi, cũng không tan rã?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi cũng không tan rã. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nếu pháp là thiện, không tội, không lậu hoặc, không nhiễm ô, ra ngoài thế gian, thanh tịnh, vô vi thì không tự tánh; nếu không tự tánh là không chấm dứt.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc uẩn chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Như thế cho đến Thanh văn thừa, chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy. Độc giác thừa, Đại thừa; cũng chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nói tóm lại hoặc pháp thiện, pháp bất thiện; hoặc pháp hữu ký, pháp vô ký; hoặc pháp hữu tội, pháp vô tội; hoặc pháp hữu lậu, pháp vô lậu; hoặc pháp hữu nhiễm, pháp vô nhiễm;

hoặc pháp thế gian, pháp xuất thế gian; hoặc pháp tạp nhiễm, pháp thanh tịnh; hoặc pháp sinh tử, pháp Niết-bàn; hoặc pháp hữu vi, pháp vô vi... Tất cả pháp như vậy, đều chẳng phải thường còn, chẳng phải hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó vậy.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói các pháp cũng vậy, hoàn toàn không sinh, chỉ có giả danh, đều không tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi:

–Do duyên gì mà nói những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào, hoàn toàn không sinh?

Xá-lợi Tử, bản tánh của tất cả sắc cho đến thức, đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh của sắc cho đến thức đều không, không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì pháp không tác giả, chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến bản tánh của tất cả Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không; không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì pháp không tác giả, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, nên tôi nói: “Những sắc cho đến thức nào hoàn toàn không sinh. Như vậy cho đến những Thanh văn, Độc giác, Đại thừa nào hoàn toàn không sinh.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói: Nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến... nếu hoàn toàn không sinh, thì không gọi Thanh văn, Độc giác, Đại thừa?”

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc cho đến thức là không. Nếu bản tánh của pháp là không thì không thể thành lập là sinh, diệt, trụ hay dị.

Do nhân duyên này, cho nên nói nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là sắc cho đến thức. Vì sao? Vì không chẳng phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến bản tánh của Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng là không. Nếu bản tánh của pháp là không; thì không thể thành lập sinh, trụ, dị, diệt.

Do nhân duyên này, cho nên nói: Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa. Vì sao? Vì không chẳng phải là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: Nếu hoàn toàn không sinh thì không gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến: Nếu hoàn toàn không sinh; thì không gọi là Thanh văn, Độc giác, Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do nhân duyên gì mà nói làm sao con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh để dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh?”

Xá-lợi Tử, hoàn toàn không sinh, tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là hoàn toàn không sinh. Vì sao? Vì hoàn toàn không sinh cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai, không hai phần. Xá-lợi Tử, hoàn toàn không sinh tức là Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát tức là hoàn toàn không sinh. Vì sao? Vì hoàn toàn không sinh cùng với Đại Bồ-tát không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: “Con đâu dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sinh để dạy dỗ, răn dè Đại Bồ-tát hoàn toàn không sinh.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói nếu xa các pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát hành được Vô thượng Bồ-đề?”

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, cũng không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, hoặc Đại Bồ-tát đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có sắc cho đến thức. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh, hoặc sắc cho đến thức đều không hai, không hai phần. Như vậy cho đến khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy xa lìa pháp hoàn toàn không sinh là có Thanh văn, Độc giác, Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc pháp hoàn toàn không sinh; hoặc Thanh văn, Độc giác, Đại thừa đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này, cho nên tôi nói: “Nếu xa các pháp hoàn toàn không sinh thì không có Đại Bồ-tát hành được Vô

thượng Bồ-đề.”

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Do duyên gì mà nói, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy mà tâm không chìm đắm, không ưu sầu, tâm kia cũng không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành được Bát-nhã ba-la-mật-đa.”

Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không thấy các pháp có giác, có dụng; còn quán tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh trong gương, như bóng dáng, như quang năng, như hoa đốm hư không, như việc huyễn hóa, như thành Tầm hương chỉ hiện ra như là có mà không thật. Đại Bồ-tát nghe thuyết bản tánh của các pháp đều không, liền bộc lộ sự vui mừng, trong tâm tin tưởng, hỷ lạc sâu xa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói: Nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết như vậy, tâm không chìm đắm, cũng không ưu sầu sợ hãi, tâm kia không kinh hãi, không hoảng hốt, không sợ sệt, nên biết Đại Bồ-tát này có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và quán sát các pháp, khi đó Đại Bồ-tát đối với sắc cho đến thức đều vô sở đắc, không lãnh thọ, không chấp giữ, không an trụ, không trú trước, cũng không thành lập sắc uẩn cho đến thức uẩn. Đối với nhãn xứ cho đến ý xứ; đối với sắc xứ cho đến pháp xứ; đối với nhãn giới cho đến ý giới; đối với sắc giới cho đến pháp giới; đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới; đối với nhãn xúc cho đến ý xúc; đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đối với địa giới cho đến thức giới; đối với nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đối với vô minh cho đến lão tử cũng đều như vậy.

Khi ấy, Đại Bồ-tát đối với Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều vô sở đắc, không lãnh thọ, không chấp giữ, không an trụ, không trú trước, cũng không thành lập Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; đối với Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo; đối với bốn

Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đối với bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đối với tám Giải thoát, chín Định thứ đệ; đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đối với bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; đối với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đối với các Đại Bồ-tát hành quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đối với cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi; đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng lại như vậy. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì khi Đại Bồ-tát này hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thấy sắc uẩn cho đến thức uẩn, như vậy cho đến không thấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tánh không của sắc là không sinh, không diệt. Tánh không của thọ, tưởng, hành, thức cũng không sinh, không diệt. Như vậy cho đến tánh không của trí Nhất thiết, không sinh, không diệt. Tánh không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt.

Bạch Thế Tôn, sắc không sinh, không diệt, tức chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không sinh, không diệt, tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì sắc cho đến thức cùng không sinh, không diệt không hai, không hai phần. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng không sinh, không diệt, cũng không hai, không hai phần. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì pháp không sinh, không diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Cho nên sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức là chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng: không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, sắc không hai, tức chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không hai, tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết không hai, tức chẳng phải trí Nhất thiết. Trí

Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức chẳng phải trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, sắc thuộc về pháp không hai. Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về pháp không hai, cho nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết thuộc về pháp không hai. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc về pháp không hai, cho nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Lúc bấy giờ, Ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiệ:

– Theo lời Nhân giả nói, nếu khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và quán sát các pháp. Vậy, thế nào là Đại Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Thế nào là quán sát các pháp?

Thiện Hiệ đáp:

– Theo lời Tôn giả hỏi: “Sao gọi là Đại Bồ-tát?” Xá-lợi Tử, vì muốn lợi lạc các loài hữu tình và cần cầu quả vị Giác ngộ cao tốt, cho nên gọi là Bồ-tát. Đây đủ sự hiểu biết như thật, tuy biết rõ khắp tướng của tất cả pháp mà không bị chấp trước, cho nên gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiệ:

– Vì sao Đại Bồ-tát có đầy đủ sự hiểu biết như thật, tuy biết rõ khắp tướng của tất cả pháp mà không bị chấp trước?

Thiện Hiệ đáp:

– Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy như thật biết tướng của tất cả sắc mà không bị chấp trước. Tuy như thật biết tướng của tất cả thọ, tưởng, hành, thức mà không bị chấp trước. Như vậy cho đến như thật biết tướng của tất cả trí Nhất thiết mà không bị chấp trước. Tuy như thật biết tướng của tất cả trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà không bị chấp trước.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiệ:

– Những gì gọi là tướng của tất cả pháp?

Thiện Hiệ đáp:

– Do các tướng trạng của hành được biểu thị như vậy, nên biết các pháp là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp, là trong, là ngoài, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi. Những pháp này gọi là tướng của tất cả pháp.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Sao gọi là Bát-nhã

ba-la-mật-đa?”

Xá-lợi Tử, có trí tuệ, thù thắng, vi diệu đối với tất cả pháp, có thể như thật hiểu được sự xa lìa những gì đã xa lìa, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Ở đây, đối với pháp nào mà có thể xa lìa?

Thiện Hiện đáp:

– Ở đây, đối với các uẩn, các xứ, các giới, các pháp duyên khởi; đều có thể xa lìa, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có trí tuệ, thù thắng, vi diệu đối với tất cả pháp, có thể như thật hiểu được sự xa lìa những gì đã đạt được, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Ở đây, đối với pháp nào mà có thể xa lìa những gì đã đạt được?

Thiện Hiện đáp:

– Ở đây, đối với Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều có thể xa lìa những gì đã đạt được. Như vậy, cho đến đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều có thể xa lìa những gì đã đạt được, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên tôi nói là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, theo lời Tôn giả hỏi: “Tại sao phải quán sát các pháp?”

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát sắc cho đến thức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải vui, chẳng phải khổ; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải không, chẳng phải bất không; chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; chẳng phải xa lìa, chẳng phải không xa lìa. Như vậy cho đến quán sát trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải vui, chẳng phải khổ; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải không, chẳng phải bất không;

chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; chẳng phải xa lìa, chẳng phải không xa lìa.

Xá-lợi Tử, đây gọi là quán sát các pháp. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, phải nên quán sát các pháp như vậy.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà Nhân giả lại nói: Sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức là chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức; tánh của sắc cho đến thức là không. Trong tánh không này không sinh, không diệt, cũng không sắc cho đến thức. Do đó, cho nên nói; sắc cho đến thức không sinh, không diệt, tức chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không. Trong tánh không này không sinh, không diệt, cũng không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó cho nên nói, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bấy giờ, Ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do nhân duyên gì mà Nhân giả lại nói như vậy: “Sắc cho đến thức không hai, tức chẳng phải sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?”

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, hoặc sắc hoặc không hai, cho đến hoặc thức hoặc không hai; như vậy cho đến hoặc trí Nhất thiết hoặc không hai, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc không hai. Tất cả như thế chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng, gọi là không tướng. Do nghĩa đó, cho nên tôi nói: Sắc cho đến thức không hai, tức là chẳng phải sắc cho đến thức, như vậy cho đến trí Nhất

thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai, tức là chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Do duyên gì mà nhân giả nói như vậy: “Sắc cho đến thức thuộc về pháp không hai, nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc về pháp không hai, nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?”

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức chẳng khác không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt chẳng khác sắc cho đến thức. Vậy sắc cho đến thức tức là không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt tức là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng khác không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt chẳng khác trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vậy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tức là không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt tức là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó cho nên tôi nói: Sắc cho đến thức thuộc pháp không hai, nên gọi là sắc cho đến thức. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc pháp không hai, nên gọi là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 498

Phẩm 3: THIỆN HIỆN (17)

Lúc bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu khi Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát như thật tướng của tất cả pháp, thì khi đó Đại Bồ-tát thấy ta cho đến thấy người là không sinh là hoàn toàn thanh tịnh, cho nên thấy sắc cho đến thức là không sinh là hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn xứ cho đến ý xứ là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy sắc xứ cho đến pháp xứ là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn giới cho đến ý giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy sắc giới cho đến pháp giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy địa giới cho đến thức giới là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy nhân duyên cho đến tăng thượng duyên là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy vô minh cho đến lão tử, là không sinh và hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy cảnh giới đoạn cho đến cảnh giới vô vi là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy tám giải giải thoát, chín Định thứ đệ là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy năm loại mắt, sáu phép thần thông là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy phàm phu và pháp phàm phu là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Dự lưu và pháp Dự lưu là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Nhất lai và pháp Nhất lai là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Bất hoàn cho đến pháp Bất hoàn là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy A-la-hán và pháp A-la-hán là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Độc giác và pháp Độc giác là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy Đại Bồ-tát và pháp Đại Bồ-tát là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh. Thấy chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và pháp của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không sinh, hoàn toàn thanh tịnh.

Khi ấy, ngài Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện:

–Theo như tôi hiểu nghĩa lời Nhân giả nói, thì ngã, hữu tình... hoàn toàn không sinh. Sắc cho đến thức, hoàn toàn không sinh; cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và pháp của Như Lai cũng hoàn toàn không sinh. Nếu như thế thì hàng phàm phu chịu thọ sinh trong sáu đường không khác nhau. Vậy thì không cần phải Dự lưu đắc quả Dự lưu. Không cần phải Nhất lai đắc quả Nhất lai. Không cần phải Bất hoàn đắc quả Bất hoàn. Không cần phải A-la-hán đắc quả A-la-hán. Không cần phải Độc giác đắc quả Độc giác Bồ-đề. Không cần phải Đại Bồ-tát vì đắc trí Nhất thiết tướng mà tinh cần tu học, để lần lượt chứng đắc năm loại Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả pháp hoàn toàn không sinh, thì tại sao Dự lưu lại vì quả Dự lưu mà siêng năng tu tập chân đạo, để vĩnh viễn chấm dứt ba kết sử? Tại sao Nhất lai lại vì quả Nhất lai mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt tham, sân, si? Tại sao Bất hoàn lại vì quả Bất hoàn mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt hạ phần kết sử, kiến lập năm loại phân vị khác biệt? Tại sao A-la-hán lại vì quả A-la-hán mà siêng năng tu tập, để vĩnh viễn chấm dứt hạ phần kết sử? Tại sao Độc giác lại vì Độc giác Bồ-đề mà siêng năng tu tập pháp Duyên khởi để tự giác ngộ? Tại sao Đại Bồ-tát lại vì cứu độ vô lượng, vô số hữu tình mà siêng năng tu tập hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành; đảm nhận vô lượng khổ lớn khó nhẫn? Tại sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột lại chuyển pháp luân vi diệu để cứu độ hữu tình.

Thiện Hiện đáp:

–Thưa ngài Xá-lợi Tử, không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có hàng phàm phu vì nghiệp phiền não mà phải qua lại trong sáu đường, chịu sự thọ sinh sai khác. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có người nhập vào Thánh đế hiện quán. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi cho rằng có Dự lưu đắc quả Dự lưu; cho đến có Độc giác đắc quả Độc giác Bồ-đề. Không phải đối với pháp không sinh, mà tôi chấp nhận có Đại Bồ-tát vì đắc trí Nhất thiết tướng mà siêng năng tu học, để lần lượt chứng đắc năm loại Bồ-đề. Không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Dự lưu vì quả Dự lưu, mà siêng năng tu tập chân đạo, để vĩnh viễn chấm dứt ba phần kết sử; cho đến có Độc giác vì Độc giác Bồ-đề, mà siêng năng tu tập pháp duyên khởi để tự giác ngộ. Không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Đại Bồ-tát, vì cứu độ vô lượng, vô số hữu tình mà tu tập hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành, đảm nhận vô lượng khổ lớn khó nhẫn. Các Đại Bồ-tát tuy vì loại hữu tình, tu vô lượng hạnh khổ khó hành; nhưng trong lúc đó, không bao giờ vọng tưởng về khổ hạnh. Vì sao? Vì nếu ở trong khổ hạnh mà vọng tưởng về khổ hạnh, thì hoàn toàn không thể vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình mà làm lợi ích lớn được.

Tất cả chúng Đại Bồ-tát, chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện. Đối với các hữu tình, tưởng như cha, mẹ, anh, em, vợ, con và chính thân mình, vì muốn cứu độ cho họ, nên phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, có thể làm lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nào khởi ý niệm như vậy: “Như tự tánh, ta đối với tất cả pháp, dùng tất cả loại, tất cả nơi, tất cả thời chỉ để cầu điều chẳng thể nắm bắt được. Các pháp trong ngoài, cũng lại như vậy, hoàn toàn là không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được.” Nên trụ ý tưởng này, liền không thấy có hạnh khổ khó hành. Do đó, có thể vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, mà tu hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành và làm lợi ích lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đối với tất cả pháp, tất cả hữu tình, dùng tất cả loại,

tất cả nơi, tất cả thời, chỉ để câu điều chẳng thể nắm bắt được, cho nên không bị chấp trước với sự việc ấy.

Xá-lợi Tử, không phải đối với pháp không sinh kia, mà tôi chấp nhận có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ hữu tình. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp, tất cả hữu tình, là hoàn toàn không sở hữu và chẳng thể nắm bắt được, cho nên không có chứng, không có cứu độ và không có người chứng, không có người được cứu độ.

Lúc bấy giờ ngài Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp sinh nên chứng pháp sinh vì chấp thuận pháp không sinh nên chứng pháp không sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp nhận pháp sinh để chứng pháp sinh, cũng không chấp thuận pháp không sinh chứng pháp không sinh.

Khi đó, Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp sinh nên chứng pháp không sinh hay vì chấp thuận pháp không sinh nên chứng pháp sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi cũng không chấp thuận pháp sinh để chứng pháp không sinh, cũng lại không chấp thuận pháp không sinh để chứng pháp sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu như vậy, thì lẽ nào không có chứng đắc, không có hiện quán ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tuy có chứng đắc, có hiện quán, nhưng không do hai pháp này mà chứng. Chỉ tùy theo thế gian mà nói hay trình bày có chứng đắc, có hiện quán, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa mà có chứng đắc, có hiện quán. Chỉ tùy theo thế gian mà nói hay trình bày có Dự lưu, quả Dự lưu cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa mà có những điều như vậy. Vậy thì sáu đường sai khác cũng tùy theo thế gian mà nói hay trình bày, chứ chẳng phải thắng nghĩa ư?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, vì sao? Vì không phải trong thắng nghĩa mà có phiền não, nghiệp chướng, dị thực, hoặc pháp sinh, pháp diệt, pháp nhiễm, pháp tịnh.

Bấy giờ Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Chẳng lẽ vì chấp nhận pháp chưa sinh cho là sinh hay vì chấp thuận pháp đã sinh cho là sinh ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp thuận pháp chưa sinh cho là sinh, cũng không chấp thuận pháp đã sinh cho là sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp nào đã sinh mà không chấp thuận pháp đó là sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc cho đến thức là pháp đã sinh. Tôi không chấp thuận pháp đó sinh. Vì sao? Vì tự tánh nó không. Như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là pháp đã sinh. Tôi không chấp thuận pháp đó là sinh. Vì sao? Vì tự tánh không.

Bấy giờ Xá-lợi Tử lại hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ý ông thế nào? Vì chấp thuận pháp sinh là sinh hay vì chấp thuận pháp chẳng sinh là sinh ư?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi không chấp thuận pháp sinh là sinh, cũng không chấp thuận pháp chẳng sinh là sinh. Vì sao? Vì sinh cùng với chẳng sinh. Hai pháp như vậy không hòa hợp, không tan rã, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng gọi là không tướng. Do ý nghĩa như thế, cho nên tôi không chấp nhận pháp sinh là sinh, cũng không chấp nhận pháp chẳng sinh là sinh.

Khi đó, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Nhân giả, theo lời ông nói. Vậy pháp không sinh là trình bày cụ thể về tướng không sinh phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Theo tôi thì pháp không sinh cũng không thể trình bày cụ thể về tướng không sinh. Vì sao? Vì pháp không sinh, tướng không sinh, hoặc sự trình bày cụ thể, tất cả như thế đều chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, một tướng gọi là không tướng, không thể nói rốt ráo.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đối với pháp không sinh, mà có ngôn ngữ không sinh, vậy ngôn ngữ không sinh này cũng không sinh hay sao?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đối với pháp không sinh mà có ngôn ngữ không sinh, thì ngôn ngữ pháp này và ngôn ngữ nghĩa đều không sinh. Vì sao? Vì sắc cho đến thức, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhãn xứ cho đến ý xứ tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Sắc xứ cho đến pháp xứ, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhãn giới cho đến ý giới, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhãn xúc cho đến ý xúc tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Địa giới cho đến thức giới, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Vô minh cho đến lão tử, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Thân, ngữ, ý, hành, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, tất cả không sinh. Vì sao? Vì bản tánh không.

Xá-lợi Tử, do nghĩa như vậy, cho nên đối với pháp không sinh mà có ngôn ngữ không sinh. Ngôn ngữ pháp này và ngôn ngữ nghĩa đều không sinh. Xá-lợi Tử, pháp được thuyết, lời thuyết pháp, người thuyết, người nghe, nghĩa đều không sinh. Vì sao? Vì bản tánh tất cả pháp đều không. Trong không đó, không có nghĩa phát sinh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử khen ngợi Thiện Hiện:

–Nhân giả là bậc Đệ nhất trong những người thuyết pháp, trừ Đức Thế Tôn, không ai sánh bằng. Vì sao? Vì nhân giả tùy theo từng câu hỏi của mỗi pháp môn, mà đối đáp một cách thông suốt, không chỗ nào bị trở ngại.

Thiện Hiện đáp:

–Là đệ tử Phật thì đối với tất cả pháp không để vướng mắc và chấp trước. Pháp nhĩ là tùy theo sự gạn hỏi mà đối đáp một cách tự tại vô ngại. Vì sao? Vì tất cả pháp

hoàn toàn không chỗ y cứ.

Lúc đó, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Vì sao các pháp hoàn toàn không chỗ y cứ?

Thiện Hiện đáp:

– Vì sắc cho đến thức, bản tánh không, cho nên không dựa vào bên trong, không dựa bên ngoài, không dựa ở giữa, hai bên. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, bản tánh không; cũng không dựa bên trong, không dựa bên ngoài, không dựa ở giữa, hai bên.

Xá-lợi Tử, do nghĩa này nên tôi nói các pháp hoàn toàn không chỗ y cứ.

Như vậy Xá-lợi Tử, khi các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì sắc phải nên thanh tịnh; thọ tướng, hành, thức phải nên thanh tịnh. Như vậy cho đến trí Nhất thiết, phải nên thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng phải nên thanh tịnh. Như vậy cho đến đạo quả Bồ-đề cũng phải nên thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Vì sao Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đạo quả Bồ-đề phải nên thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp:

– Xá-lợi Tử, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mỗi thứ đều có hai loại là thế gian và xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Sao gọi là thế gian Bố thí ba-la-mật-đa? Sao gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

– Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát làm vị thí chủ lớn, có thể bố thí cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, bệnh hoạn, cô đơn, lỡ đường, người đi xin, áo quần, thức ăn, nước uống và những vật cần dùng khác. Nếu lại có người đến xin con trai, cho con trai; xin con gái, cho con gái; xin vợ, cho vợ; xin chức quan, cho chức quan; xin đất đai, cho đất đai; xin ngôi vua, cho ngôi vua; xin đầu cho đầu; xin mắt cho mắt; xin tay chân, cho tay chân, xin lông đốt cho lông đốt; xin máu thịt cho máu thịt; xin da xương cho da xương; xin tôi tớ cho tôi tớ; xin loài vật cho loài vật. Như vậy, tất cả mọi thứ đều tùy theo sự mong cầu, đều bố thí vật trong ngoài. Tuy làm việc bố thí như vậy mà còn có y cứ vào đó, nghĩa là khởi lên ý nghĩ: “Ta là người cho, kia là kẻ nhận. Ta làm thí chủ, ta không xan tham, ta theo lời Phật dạy nên xả bỏ tất cả. Ta thực hành Bố thí ba-la-mật-đa.”

Người đó thực hành bố thí, đã dùng sở hữu đắc làm phương tiện, đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Lại nghĩ như vậy: “Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình, khiến cho họ đời này, đời sau được an lạc cho đến chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Người ấy còn chấp trước ba luân mà hành bố thí: Một là tưởng mình; hai là tưởng người; ba là tưởng vật thí.”

Do chấp trước ba luân này mà hành bố thí, cho nên gọi là Bố thí ba-la-mật-đa thế gian.

Tại sao gọi sự bố thí này là thế gian? Vì tu hành đồng với thế gian, cho nên không có động lực để vượt khỏi pháp thế gian; như vậy gọi là thế gian Bố thí ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào thi hành bố thí, với ba luân phải thanh tịnh. Một là không chấp ta là người cho. Hai là không chấp kia là người nhận. Ba là không chấp sự

bố thí vì quả báo của nó. Đây là Đại Bồ-tát hành bố thí ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào dùng tâm đại Bi làm đầu, tu phước bố thí, bố thí khắp hữu tình, mà đối với các hữu đều không có sở đắc. Tuy đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột, mà trong đó không thấy một chút tướng nào là do hoàn toàn không chấp trước mà hành bố thí, cho nên gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Vì sao sự bố thí này gọi là xuất thế gian? Vì không tu hành đồng với thế gian, cho nên có động lực vượt khỏi pháp thế gian, như vậy gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian? Sao gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã, mà có chấp trước vào ba luân, thì gọi là Ba-la-mật-đa thế gian. Vì tu hành đồng với thế gian, cho nên không có động lực vượt ra khỏi pháp thế gian. Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hành Tịnh giới cho đến Bát-nhã, mà không chấp trước nên ba luân thanh tịnh, thì gọi là Ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì không tu hành đồng với thế gian, cho nên có động lực vượt ra khỏi pháp thế gian.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có hai hạng là thế gian và xuất thế gian. Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian? Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành bố thí, mà dựa vào hữu sở đắc để thực hành bố thí, đều nghĩ như vậy: “Ta có thể điều phục tâm xan tham để thực hành bố thí”, thì Đại Bồ-tát đó đã dựa vào tướng ngã, tướng hữu tình mà bố thí, tuy có xả bỏ tất cả vật sở hữu bên trong, bên ngoài, nhưng không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Tịnh giới, mà dựa vào sở hữu đắc để tu hành tịnh giới; rồi khởi ý niệm như vậy: “Ta có thể an trụ công đức nơi hạnh Đầu-đà. Ta có thể điều phục được thân, khẩu và ý. Ta có thể tu hành mười nghiệp thiện”; thì Đại Bồ-tát này đã dựa vào các kiến chấp về ngã, hữu tình và các thiện pháp. Tuy có thể tu hành các loại tịnh giới và đem cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, nhưng đối với quả Bồ-đề cho là thật có, rồi dựa vào các công đức ấy khen mình chê người, thì cũng không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào, khi tu hành An nhẫn mà dựa vào hữu sở đắc để tu an nhẫn; rồi khởi ý niệm như vậy: “Ta có thể nhẫn nhục, lãnh chịu các việc xấu của tất cả hữu tình đối với ta.” Thì Đại Bồ-tát này đã dựa vào ngã, hữu tình và an nhẫn kiến lạc. Mặc dù có thể nhẫn nhục, lãnh chịu các việc xấu cho người, rồi đem căn lành của việc an nhẫn này, cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nhưng vì dùng hữu sở đắc làm phương tiện, nên không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành tinh tấn lại dựa vào hữu sở đắc mà tu hành tinh tấn, khởi ý niệm như vậy: “Ta có thể phát khởi tâm tinh tấn, nhiệt tâm tu hành hai thứ tư lương là phước và tuệ” thì Đại Bồ-tát này mặc dầu thường phát khởi tâm tinh tấn, nhiệt tâm tu hành hai thứ tư lương là phước và tuệ, mà được tướng phước tuệ ở thân tâm, được tướng ngã và tướng các hữu tình, rồi cũng được tướng của sự cầu Bồ-đề. Nhưng do

dùng hữu sở đắc làm phương tiện, nên không gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành tĩnh lự mà lại dựa vào các hữu sở đắc mà tu tĩnh lự. Lại khởi ý niệm như vậy: “Ta có thể tu hành Từ, Bi, Hỷ, Xả, đẳng trì, đẳng chí, tĩnh lự, thần thông, ra vào tự tại” thì Đại Bồ-tát này đối với các tĩnh lự đã đắm trong thiên định. Mặc dù đem căn lành do chứng đắc thiên định cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Nhưng do dùng hữu sở đắc làm phương tiện, cho nên chưa được gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Bát-nhã, mà lại dựa vào hữu sở đắc để hành Bát-nhã, lại khởi lên ý niệm như vậy: “Ta có thể quán sát tất cả pháp là không, đó là sắc không cho đến thức không, như vậy cho đến quả vị Giác ngộ cao tốt của chư Phật cũng đều là không”, thì Đại Bồ-tát này do dùng hữu sở đắc làm phương tiện, tuy quán sát tất cả hoàn toàn không, cũng đem căn lành cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, cũng phát tâm tùy hỷ, tu hành thiện pháp một cách bình đẳng đối với mình và người, cũng siêng năng hồi hận diệt trừ điều ác mà tự mình đã làm, siêng năng khuyến thỉnh vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương thế giới, chuyển pháp luân vi diệu, độ thoát các hữu tình, cũng thường phát khởi thần thông thù thắng, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, nhưng còn dùng hữu sở đắc làm phương tiện, cho nên chưa được gọi là Bát-nhã xuất thế gian, như vậy chỉ gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào khi tu hành Bồ thí dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và bố thí... hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu Bồ thí ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và tịnh giới... hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và an nhẫn... hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu An nhẫn ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình, thân tâm tinh tấn, dùng phước tuệ làm tư lương, đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh, nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với ngã, hữu tình và các tĩnh lự, đẳng trì, đẳng chí, đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào dùng trí tuệ vi diệu, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn vô sở đắc. Vì ba luân thanh tịnh nên hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, để tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, thanh tịnh đạo Bồ-đề. Đây gọi là Bát-nhã xuất thế gian.

Nếu Đại Bồ-tát nào, đem tất cả căn lành như vậy mà cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt, thì nên biết sự hồi

hương như vậy chính là sự hồi hương không gì trên, hồi hương không sai biệt, hồi hương không gì sánh bằng, hồi hương chẳng thể nghĩ bàn, hồi hương vô đối, hồi hương vô lượng, hồi hương vi diệu. Như thế gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử, sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, do nhân duyên gì gọi là thế gian? Lại do nhân duyên gì gọi là xuất thế gian?

Xá-lợi Tử, thế gian nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật-đa kia là thế gian, nên gọi là thế gian. Vì do cấu tạo bởi thế gian nên gọi là thế gian; phù hợp với thế gian nên gọi là thế gian; vì thế gian nên gọi là thế gian; nhân theo thế gian nên gọi là thế gian; thuộc về thế gian nên gọi là thế gian; dựa vào thế gian nên gọi là thế gian.

Xá-lợi Tử, xuất thế gian nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật-đa này là xuất thế gian, nên gọi là xuất thế gian. Vượt ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Do ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Vì ra khỏi thế gian, nên gọi là xuất thế. Từ thế gian mà vượt ra, nên gọi là xuất thế. Ra khỏi thế gian nên gọi là xuất thế. Dựa vào thế gian mà ra, nên gọi là xuất thế.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi hành sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, sẽ làm thanh tịnh đạo Bồ-đề.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Những gì gọi là đạo Bồ-đề của các Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bốn Tịch lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Tám Giải thoát, chín Định thứ đệ là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Bạc Cự hỷ cho đến bạc Pháp vân là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Năm loại mắt, sáu phép thần thông là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, như vậy tất cả vô lượng, vô biên đại công đức, tất cả đều là đạo Bồ-đề của các Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

–Công đức mà Tôn giả đã nói, đó là oai lực của những Ba-la-mật-đa nào mà thành tựu?

Thiện Hiện đáp:

–Công đức mà tôi đã nói, đó đều do oai lực của Bát-nhã ba-la-mật-đa mà thành tựu. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, có thể là mẹ của tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều sinh ra từ đấy. Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế có thể giữ gìn khắp tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều an trụ nơi đây.

Xá-lợi Tử, chúng Đại Bồ-tát ở thời quá khứ, tu học rất viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Chúng Đại Bồ-tát ở đời vị lai, tu học rất

viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đang chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Chúng Đại Bồ-tát ở đời hiện tại, trong mười phương vô lượng cõi Phật tu học rất viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, đang chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nào nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tâm không nghi hoặc, cũng không hoang mang, thì nên biết Đại Bồ-tát này luôn luôn an trụ như vậy, không bao giờ xả bỏ. Nghĩa là dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường xuyên tinh cần, cứu độ tất cả hữu tình. Nên biết Đại Bồ-tát này thành tựu tác ý tối thắng như vậy, gọi là tác ý tương ứng với đại Bi.

Khi ấy, Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

–Nếu Đại Bồ-tát nào, luôn luôn an trụ như vậy, không bao giờ xả bỏ, thành tựu tác ý tương ứng với đại Bi, thì tất cả hữu tình cũng được thành tựu Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả hữu tình cũng an trụ như vậy cũng tác ý thường xuyên, không bao giờ xả bỏ. Cho nên Các Đại Bồ-tát cùng với tất cả hữu tình không khác nhau.

Bấy giờ, Cù tho Thiện Hiện đáp lời ngài Xá-lợi Tử rằng:

–Lành thay, lành thay, lời của ngài nói thật giống ý tôi muốn nói! Tuy chỉ là gan hỏi tôi mà tác thành ý nghĩa của tôi. Vì sao? Xá-lợi Tử, hữu tình cho đến cái thấy chẳng có, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy, cũng chẳng có; hữu tình cho đến cái thấy không thật; cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật. Hữu tình cho đến cái thấy không tánh; cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng không tánh. Hữu tình cho đến cái thấy không, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Hữu tình cho đến cái thấy xa lìa, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng xa lìa. Hữu tình cho đến cái thấy tịch tĩnh, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tĩnh. Hữu tình cho đến cái thấy không có giác tri, cho nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không có giác tri.

Xá-lợi Tử, sắc cho đến thức chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri, cho nên phải biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri. Như vậy cho đến Thanh văn, Độc giác, Vô thượng Bồ-đề, chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri, cho nên phải biết và tác ý như vậy cũng chẳng có, không thật, không tánh, không, xa lìa, tịch tĩnh, không có giác tri.

Xá-lợi Tử, do nhân duyên này cho nên các Đại Bồ-tát đối với trụ và tác ý như vậy, thường không xa lìa, cùng với các hữu tình không khác nhau. Vì tất cả pháp và các hữu tình đều hoàn toàn không, nên không khác nhau.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Ông khéo vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đấy đều nương sức oai thần của Như Lai. Nếu có vị nào muốn vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều nên tuyên thuyết như ông đã thuyết. Nếu Đại Bồ-tát nào muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì nên theo lời nói của ông mà học. Nếu Đại Bồ-tát nào theo lời dạy của ông mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì Đại Bồ-tát này mau đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân vi diệu, làm lợi ích, an lạc cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Khi Cù tho Thiện Hiện vì đại chúng mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì ở thế giới ba lần ngàn này biến động sáu cách: Đông vọt lên, Tây lặn xuống; Tây vọt lên, Đông lặn xuống; Nam vọt lên, Bắc lặn xuống; Bắc vọt lên, Nam lặn xuống; giữa vọt lên, một bên lặn xuống; một bên vọt lên, giữa lặn xuống. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền mỉm cười.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà Ngài biểu hiện mỉm cười?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Như ở thế giới ba lần ngàn, Ta đang vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bấy giờ ở mười phương thế giới, vô lượng, vô số, vô biên đều có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như Ta đang ở trong thế giới ba lần ngàn tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có mười hai chúng trời, người đồng đảo đối với tất cả pháp, đều chứng đắc Vô sinh nhẫn. Ngày nay, ở mười phương thế giới vô lượng, vô số, vô biên đều có vô lượng, vô số, vô biên các loài hữu tình, cũng nghe chư Phật kia, vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong pháp không, đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, sinh lòng tìm hiểu sâu xa, nhiệt tâm tu hành hạnh Đại Bồ-tát.

M